

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

TRẦN QUỐC NGÀN

**ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO
ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ CHUYÊN NGÀNH:
LỊCH SỬ VIỆT NAM MÃ SỐ: 8229013**

BÌNH DƯƠNG – 2019

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

TRẦN QUỐC NGÀN

**ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO
ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH:
LỊCH SỬ VIỆT NAM MÃ SỐ: 8229013**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN VĂN HIỆP**

BÌNH DƯƠNG – 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn trực tiếp của PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp. Các số liệu, dẫn chứng nêu trong luận văn là trung thực, khách quan, có nguồn trích dẫn, nếu có gì sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2019

Trần Quốc Ngàn

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả quý thầy cô đã giảng dạy trong chương trình Cao học Lịch sử Việt Nam - Khoa Lịch sử - Trường Đại học Thủ Dầu Một, những người đã truyền đạt cho tôi những kiến thức hữu ích về lịch sử, làm cơ sở cho tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu, phòng Đào tạo sau đại học Trường Đại học Thủ Dầu Một - Những người đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời tri ân đặc biệt đến thầy giáo - PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp, người đã nhận lời hướng dẫn khoa học cho tôi. Trong suốt thời gian qua thầy luôn quan tâm, theo dõi và góp ý kịp thời cho tôi. Những kiến thức, kinh nghiệm quý báu của thầy đã giúp tôi rất nhiều trong việc giải quyết các vấn đề khoa học.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn thư viện Trường Đại học Thủ Dầu Một, thư viện tỉnh Bình Dương, Huyện đội huyện Dầu Tiếng, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Dầu Tiếng đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi theo học và hoàn thiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

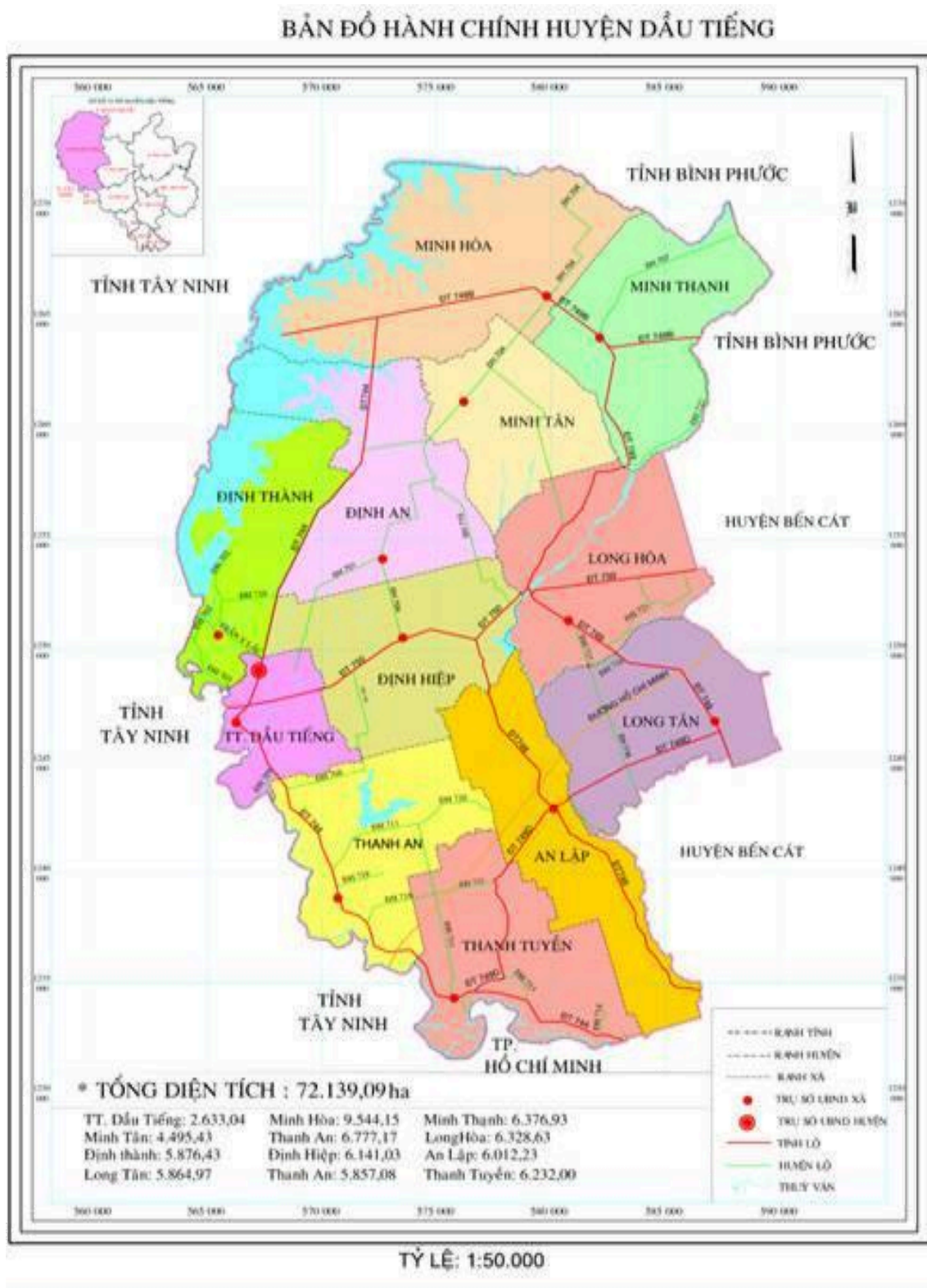
Bình Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2019

Trần Quốc Ngàn

MỤC LỤC	
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	5
5. Đóng góp của luận văn	5
6. Bố cục của luận văn	6
Chương 1 KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TIÊU BIỂU Ở HUYỆN DẦU TIẾNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)	7
1.1. Khái quát địa bàn	7
1.2. Một số hoạt động đấu tranh quân sự tiêu biểu của Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng trong kháng chiến chống pháp (1945 – 1954)	17
Tiểu kết chương 1	24
Chương 2 ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1954 – 1965	25
2.1. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong thời kỳ giữ gìn lực lượng, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ (1954 – 1960)	25
2.2. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 – 1965)	40
Tiểu kết chương 2	47
Chương 3 ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1965 – 1975	49
3.1. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến	49

lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 – 1968)	
3.2. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ (1968 – 1975)	62
Tiểu kết chương 3	75
KẾT LUẬN	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
PHỤ LỤC	87

v



Nguồn: dautieng.binhduong.gov.vn

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Ngày truy cập: 01/8/2019

vi

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Huyện Dầu Tiếng của tỉnh Bình Dương là một địa phương đất không rộng, người không đông nhưng có truyền thống yêu nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm rất vẻ vang. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, đồng bào Dầu Tiếng đã một lòng, một dạ theo tiếng gọi của Đảng, đấu tranh giành chính quyền, tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi.

Trong 30 năm chiến tranh cách mạng, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đã quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh và thực tiễn địa phương, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, góp phần to lớn vào chiến công, thành tích của tỉnh và của cả nước. Mặt trận đấu tranh quân sự của huyện Dầu Tiếng đã hình thành và phát triển mạnh từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), đấu tranh quân sự đã phát triển lên đỉnh cao của cuộc chiến tranh nhân dân, giữ vai trò nòng cốt, làm đòn xe hỗ trợ cho các hoạt động đấu tranh chính trị, binh vận. Quá trình lãnh đạo đấu tranh quân sự của Đảng bộ huyện Dầu Tiếng để lại nhiều bài học quý báu về khoa học và thực tiễn, từ việc tổ chức phát triển lực lượng nội bộ, du kích, dân quân tự vệ đến việc xây dựng phương châm, chiến thuật chiến đấu, làm chủ địa bàn, lấy yếu đánh mạnh, giành chiến thắng trước đối phương lớn mạnh.

Hiện nay, huyện Dầu Tiếng đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc vẫn luôn là nhiệm vụ trọng tâm, được Đảng bộ chú trọng, được nhân dân hưởng ứng và chăm lo. Việc nghiên cứu tổng kết những bài học kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ huyện lãnh đạo đấu tranh quân sự trong kháng chiến chống Mỹ nhằm vận dụng vào thực tiễn hiện nay là rất cần thiết. Bên cạnh việc tổng kết kinh nghiệm lịch sử để phục vụ cho công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc của huyện Dầu Tiếng, việc nghiên cứu này còn góp phần ghi lại những nét son truyền

thống, làm tư liệu giáo dục thế hệ trẻ nâng cao nhận thức trong nhiệm vụ xây dựng quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn đề tài *Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)* để thực hiện luận văn thạc sĩ ngành Lịch sử Việt Nam tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Việc nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng nói chung đã được đề cập đến từ lâu. Khi còn là tỉnh Sông Bé, các công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sông Bé, Tập 2: 1954 – 1975* (Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé, 1996), *Địa chí Sông Bé* (NXB Tổng hợp Sông Bé, 1991), *Sông Bé lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm: 1945 – 1975* (NXB Tổng hợp Sông Bé, 1990)... đã dành một phần dung lượng thích đáng trình bày về hoạt động đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng, trong đó có những điểm nhấn rõ nét về đấu tranh quân sự. Các hoạt động kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng cũng được trình bày trong một số công trình biên soạn lịch sử các đơn vị quân đội, lịch sử chiến tranh nhân dân các địa phương cấp xã. Tiêu biểu như các công trình: *Tiểu đoàn Phú Lợi – Những năm tháng chiến đấu oanh liệt và vẻ vang* (NXB Tổng hợp Sông Bé, 1990), *Lịch sử tiểu đoàn 303 Thủ Biên* (NXB Tổng hợp Sông Bé, 1991), *Thanh Tuyền 30 năm chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975)* (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng huyện Bến Cát, 1988)...

Từ khi tỉnh Bình Dương tái lập (1997), nhất là sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 15-CT/TW (ngày 28/8/2002) về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có hàng chục công trình biên soạn về lịch sử Đảng bộ tỉnh, huyện, xã, lịch sử Quân khu 7, miền Đông Nam Bộ, lịch sử lực lượng vũ trang, các đơn vị bộ đội chủ lực có địa bàn liên quan đến Dầu Tiếng được biên soạn và xuất bản. Trên lĩnh vực đấu tranh quân sự, đầy đủ hơn cả là công trình *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Dầu Tiếng (1945 – 2005)* do Ban Chỉ huy Quân sự huyện

Dầu Tiếng biên soạn (NXB Chính trị Quốc gia, 2016) đã tái hiện khá đầy đủ quá trình xây dựng, trưởng thành, thành tích của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Dầu Tiếng trong cuộc kháng chiến và kiến quốc (1945 – 2015). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Dầu Tiếng hoàn thành nghiên cứu biên soạn *Lịch sử Đảng bộ huyện Dầu Tiếng 1945 – 2015* với hai tập sách (Tập 1: 1945 – 1975; Tập 2: 1975 – 2010) cũng đã làm rõ rất nhiều nội dung về quá trình Đảng bộ huyện lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, đấu tranh trên mặt trận quân sự trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Các công trình lịch sử của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, Đảng ủy - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương, Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự Quân khu 7 được biên soạn trong thời gian gần đây tiếp tục dành dung lượng thích đáng và làm rõ nhiều nội dung quan trọng về hoạt động đấu tranh quân sự của huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương. Tập 1: 1930 – 1975* (NXB Chính trị Quốc gia, 2003), *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương 1945 – 2005* (NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2010), *Lịch sử Miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến* (NXB Chính trị Quốc gia, 2001), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1954 – 1975* (NXB Chính trị Quốc gia, 2010), *Lịch sử địa đạo 3 xã Tây Nam (Tam Giác Sắt) Bến Cát* (Ban Chỉ Đạo Khu Di Tích Lịch Sử Địa Đạo Tam Giác Sắt – Bến Cát Tỉnh Bình Dương, 2001). Bên cạnh đó, hoạt động quân sự trên địa bàn huyện Dầu Tiếng cũng được đề cập khá nhiều trong các công trình của các đơn vị bộ đội, nông trường có địa bàn hoạt động thuộc huyện Dầu Tiếng như: *Lịch sử phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng 1917 – 2010* (NXB Chính trị Quốc gia, 2011), *Lịch sử ngành Quân giới Bình Dương 1945 – 1975* (NXB Quân đội nhân dân, 2005), *Lịch sử Trung đoàn bộ binh 16* (NXB Đồng Nai, 2015). Đặc biệt, một số công trình lịch sử cấp xã được biên soạn gần đây đã tô đậm thêm rất nhiều hoạt động đấu tranh quân sự của huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ như: *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Minh Thạnh 1945 – 2005*, *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Định Hiệp 1945 – 2005* (NXB Chính trị Quốc gia, 2009)...

Tuy đã có rất nhiều công trình đề cập đến quá trình ra đời, trưởng thành và đóng góp của lực lượng vũ trang, của mặt trận đấu tranh quân sự ở huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ. Song cho đến nay, vẫn chưa có công trình nào đi sâu làm rõ quá trình Đảng bộ huyện lãnh đạo đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Kế thừa nguồn tài liệu quý báu trên, trong luận văn này, tôi cố gắng trình bày quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đối với hoạt động đấu tranh quân sự trong kháng chiến chống Mỹ trên các nội dung:

- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình Đảng bộ huyện Dầu Tiếng triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, của Bộ chỉ huy quân sự miền Nam, Quân khu 7 và của tỉnh vào thực tiễn địa phương.

- Thành tích, vai trò, vị trí của hoạt động đấu tranh quân sự ở huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ.

- Đặc điểm và những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo đấu tranh quân sự của huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là toàn bộ các hoạt động đấu tranh quân sự ở huyện Dầu Tiếng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, bao gồm việc quán triệt chủ trương đường lối của Đảng, của Bộ chỉ huy quân sự miền Nam, Quân khu 7 và của tỉnh vào thực tiễn địa phương, quá trình xây dựng lực lượng vũ trang của huyện, xã, ấp, nông trường, quá trình tổ chức chiến đấu và phối hợp chiến đấu trên địa bàn huyện, tổ chức chiến đấu và phối hợp lực lượng vũ trang của tỉnh, của Miền...

3.2. Phạm vi

- Về thời gian, luận văn giới hạn trong phạm vi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1954 đến 1975.

- Về không gian, phạm vi nghiên cứu của luận văn là địa bàn huyện Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương) hiện nay.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận văn sử dụng cách tiếp cận theo lịch đại (so sánh lịch sử theo thời gian). Các hoạt động Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự được đặt trong quá trình vận động và phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trong khi viết, tác giả luận văn sẽ cố gắng xem xét, so sánh các sự kiện lịch sử giai đoạn sau với các giai đoạn phát triển trước của nó để có thể thấy được sự vận động, phát triển của đấu tranh quân sự nói riêng, công cuộc kháng chiến nói chung.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu, luận văn sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Với phương pháp này, luận văn trình bày tiến trình Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự theo trình tự thời gian từ trước đến sau, đặt trong mối liên hệ với bối cảnh chung của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên địa bàn huyện. Ở mỗi giai đoạn, luận văn lựa chọn trình bày những sự kiện tiêu biểu, cốt lõi nhằm phác họa một cách sinh động hoạt động đấu tranh quân sự ở Dầu Tiếng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện. Trên cơ sở phương pháp lịch sử và phương pháp logic, luận văn cố gắng thu thập, phân tích các tài liệu, dữ liệu sẵn có trong các công trình đã được xuất bản, đồng thời tham khảo ý kiến nhà khoa học, nhân chứng lịch sử để trình bày vấn đề một cách chính xác và khách quan.

5. Đóng góp của luận văn

- Luận văn hệ thống hóa nguồn tài liệu về đấu tranh quân sự của Đảng bộ và nhân dân huyện Dầu Tiếng; phục dựng bức tranh đầy đủ, có hệ thống về quá trình Đảng bộ huyện lãnh đạo lực lượng bộ đội, du kích và nhân dân đấu tranh chống Mỹ cứu nước trên mặt trận quân sự (1954 – 1975).

- Luận văn góp phần khái quát những thành tích, đặc điểm và những bài học kinh nghiệm của Đảng bộ huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trên cơ sở đó phát huy vai trò đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện nay và mai sau.

- Luận văn là tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về lực lượng bộ đội, du kích, dân quân tự vệ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở huyện Dầu Tiếng, góp phần tưởng nhớ, tôn vinh những đồng chí, đồng đội, đồng bào Dầu Tiếng đã hy sinh trong kháng chiến, kế thừa và phát huy những nét son truyền thống của Đảng bộ và nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục thành ba chương:

Chương 1: Khái quát địa bàn và một số hoạt động đấu tranh quân sự tiêu biểu ở huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Chương 2: Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1954 - 1965

Chương 3: Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1965 – 1975

Chương 1. KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TIÊU BIỂU Ở HUYỆN DẦU TIẾNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)

1.1. Khái quát địa bàn

Dầu Tiếng là một huyện của tỉnh Bình Dương - một trong những địa bàn có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị - xã hội của miền Đông Nam Bộ.

Dầu Tiếng với điều kiện tự nhiên, xã hội đã có tầm ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự ở cửa ngõ phía Tây Bắc Sài Gòn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Dầu Tiếng đã trở thành căn cứ kháng chiến của cách mạng. Đây còn là bàn đạp cho các hoạt động của bộ đội chủ lực. Trong cuộc kháng chiến này, Đảng bộ Dầu Tiếng đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ, ác liệt, liên tục trụ vững trên địa bàn, lãnh đạo quân và dân huyện Dầu Tiếng chiến đấu anh dũng, kết hợp đấu tranh vũ trang - quân sự với đấu tranh chính trị, đẩy mạnh công tác binh vận, tiến công địch toàn diện. Nhờ đó đã làm thất bại nhiều âm mưu thủ đoạn của Mỹ trên chiến trường Dầu Tiếng trong thời gian từ 1954 đến 1975, góp phần vào thắng lợi chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đóng góp vào sự nghiệp ấy đã có hàng ngàn đảng viên, cán bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng đã anh dũng chiến đấu, không tiếc máu xương cho thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Đặc biệt hơn, đó là vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Dầu Tiếng, nhất là lĩnh vực quân sự - một trong những mặt trận hàng đầu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Dầu Tiếng là vùng đất có điều kiện tự nhiên, sông suối, thổ nhưỡng, khí hậu và hệ thống giao thông thuận lợi, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về mặt quân sự trên cửa ngõ Tây Bắc Sài Gòn.

Trước khi thực dân Pháp đến khai thác, mở đồn điền cao su, vùng đất Dầu Tiếng là những cánh rừng nguyên sinh ngút ngàn với nhiều loại gỗ quý như gỗ, cẩm xe, giáng hương, bằng lăng... Rừng Dầu Tiếng có nhiều loại dược liệu dùng làm thuốc chữa bệnh và nhiều loại tre, nứa, song mây dùng làm nhà ở và vật dụng gia đình. Ngoài ra, vùng đất Dầu Tiếng còn có nhiều loại dây, củ dùng để chế biến bột ăn như củ năng, củ năn, củ mài, củ chụp, hạt gắm, hạt buông... và

nhiều loài thú quý hiếm như voi, cọp, heo rừng, nhím, cheo, chồn, thỏ, khỉ, gà rừng, rắn, nhiều loại chim và côn trùng.

Đất đai Dầu Tiếng chủ yếu là đất xám nâu và đất xám, phù hợp trồng các loại cây công nghiệp như cao su, điều và cây công nghiệp ngắn ngày như đậu phộng... tập trung ở xã Thanh Tuyên, Thanh An, An Lập, Minh Tân, Minh Thạnh, Định Hiệp, Định An... Ngoài ra, còn có những vùng chuyên canh cây lúa dọc sông Sài Gòn như Định Thành, Thanh An, Thanh Tuyên và một số xã vùng ven sông Thị Tính như Long Hòa, Long Tân cung cấp phần lớn nhu cầu lương thực cho nhân dân địa phương.

Địa bàn Dầu Tiếng còn có hàng chục dòng suối chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam như suối Đá, suối Cát, suối Dừa và cụm suối phía Bắc như suối Láng Vôi, Suối Ván Tám, suối Cắm Xe, suối Bà Và... cùng với một số hồ chứa nước khá lớn được xây dựng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng như hồ Cần Nôm, hồ Dầu Tiếng, góp phần cung cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất cho cư dân sinh sống trên địa bàn Dầu Tiếng. Đặc biệt, hồ Dầu Tiếng là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, mang lại nhiều lợi ích cho nhiệm vụ phát triển kinh tế của huyện và nhiều địa phương của tỉnh Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh và huyện Đức Hòa của tỉnh Long An.

Ngay từ buổi ban đầu, cư dân trên địa bàn Dầu Tiếng sinh sống chủ yếu bằng các hoạt động đi rừng, khai phá rừng làm nương rẫy trồng các loại cây ăn quả, tría lúa, trồng ngô, đậu, khoai, sắn, làm nông nghiệp lúa nước, chăn nuôi, và một số ít nghề thủ công. Đến thế kỷ XIX, sau khi chiếm các tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp đã lập đồn điền cao su Dầu Tiếng, nhưng kinh tế ở Dầu Tiếng cơ bản vẫn là nông nghiệp thuần chủng.

Dầu Tiếng là một huyện của tỉnh Bình Dương, phía Đông và Đông Nam giáp huyện Bến Cát, phía Bắc giáp huyện Bình Long của tỉnh Bình Phước, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Dương Minh Châu và huyện trảng Bàng của tỉnh Tây Ninh, phía Nam giáp huyện Củ Chi của thành phố Hồ Chí Minh. Huyện Dầu Tiếng có diện tích tự nhiên 755,10 km², dân số hơn 94.950 người (theo số liệu

thống kê năm 2003, với tổ chức hành chính 12 xã, thị trấn, huyện lỵ Dầu Tiếng tọa lạc ở vị trí $11^{\circ}20'$ kinh độ Đông và $106^{\circ}20'$ vĩ độ Bắc [4, tr9].

Huyện Dầu Tiếng nằm trên vùng bán bình nguyên, được cấu tạo bởi đất phù sa cổ sinh, hình thành do sự lắng tụ của các vật liệu xâm thực suốt một thời kỳ địa chất xa xưa. Lớp đất mặt có màu xám nâu với tỉ lệ phần trăm cát thịt ở bề mặt khá cao. Địa hình gò đồi nhấp nhô, lượn thoải dần về phía Nam. Phía Bắc có dãy núi Cậu, tổ hợp của hai ngọn núi Ông và núi Tha La, cộng với núi Chùa thấp hơn về phía Nam kéo thành một vệt dài nằm chéch theo hướng Bắc - Đông Bắc và Nam - Tây Nam. Sông ngòi ở Dầu Tiếng không nhiều, sông Sài Gòn chảy qua Dầu Tiếng ở phía Tây và Tây Nam với khoảng chiều dài 50km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Dầu Tiếng với Tây Ninh, giữa Dầu Tiếng với Củ Chi và sau đó đổ vào sông Đồng Nai ở Tân Thuận Đông. Sông Sài Gòn là hệ thống giao thông đường thủy rất thuận lợi. Trong thời kì xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp sử dụng tuyến đường sông Sài Gòn để vận chuyển cao su từ đồn điền Michelin về Sài Gòn và hàng hóa, gạo, vải, vũ khí từ Sài Gòn trở lại đồn điền. Trong kháng chiến chống Mỹ, sông Sài Gòn trở thành “con sông gạo và máu” của cán bộ, chiến sỹ ta, nơi ghi dấu biết bao chiến công cùng sự hy sinh anh dũng của bộ đội và nhân dân trong vận chuyển lương thực - vũ khí cho kháng chiến cũng như những trận chiến đấu đánh tàu chiến của địch.

Sông Thị Tính nằm ở phía Đông huyện Dầu Tiếng, bắt nguồn từ đồi Cắm Xe chảy qua Bến Cát rồi đổ vào sông Sài Gòn ở cầu Ông Cộ. Sông Sài Gòn, sông Thị Tính cung cấp nguồn nước, mang phù sa bồi đắp cho những cánh đồng ở Định Thành, Thanh An, Thanh Tuyền, Minh Thạnh, Long Hòa, Long Tân và điều tiết khí hậu cho địa phương.

Với những điều kiện tự nhiên, sông suối, thổ nhưỡng, khí hậu và hệ thống giao thông thuận lợi, Dầu Tiếng có tầm quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự trên cửa ngõ Tây bắc Sài Gòn. Cùng với Bến Cát, Dầu Tiếng đã trở thành căn cứ kháng chiến của cách mạng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các lực lượng kháng chiến của huyện, tỉnh, Khu 7, khu Sài Gòn - Gia Định đã từng lấy địa bàn

Dầu Tiếng, Bến Cát làm căn cứ xây dựng lực lượng, căn cứ hậu cần, căn cứ của các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy của nhiều đơn vị, địa phương. Đồng thời, Dầu Tiếng còn là bàn đạp trong hoạt động tác chiến của bộ đội chủ lực. Về phía địch, trong thời kỳ 1954 - 1975, Mỹ - Ngụy tập trung xây dựng Dầu Tiếng thành một căn cứ quân sự trong thế phòng thủ liên hoàn bảo vệ Sài Gòn trên hướng Bắc - Tây Bắc.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, theo đường lối đổi mới của Đảng, nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Dầu Tiếng thuộc tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển năng động. Từ khi tái lập, huyện có nhiều thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội, đã và đang không ngừng đẩy nhanh tốc độ xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng, tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

Về mặt hành chính, tên gọi “Dầu Tiếng” đã có từ trước khi thực dân Pháp đặt chân tới vùng đất này. Từ thế kỷ XVII, XVIII, nơi đây còn là rừng nguyên sinh trải dài trên vùng đất xám do hai con sông Sài Gòn ở phía Tây và sông Thị Tính ở phía Đông bồi đắp tạo thành chữ V ôm lấy vùng đất Dầu Tiếng từ ba mặt. Bên bờ sông Sài Gòn, khu vực Cầu Tàu bây giờ, thuở ấy có một cây dầu lớn ba, bốn người ôm không xuể đổ xuống, thân nằm vắt ngang con sông, làm thành một chiếc cầu tự nhiên. Cây dầu với độ lớn và vị trí của nó đã thành danh do người dân sinh sống nơi đây và những người qua lại làm ăn gọi mãi thành quen. Từ đó, nhân dân lấy tên cây “Dầu” có “tiếng” này để gọi tên vùng đất huyện “Dầu Tiếng” ngày nay [29, tr10-11].

Từ đầu thế kỷ XIX, vào năm 1827, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã chia đất Nam Bộ thành 5 trấn, gọi là đất “Ngũ trấn”, mà vùng đất Dầu Tiếng - Bình Dương ngày nay thuộc trấn Biên Hòa. Năm 1832, nhà Nguyễn đổi đất “Ngũ trấn” thành “Nam kỳ lục tỉnh” mà vùng đất Bình Dương ngày nay thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1867, sau khi chiếm được đất Nam Kỳ, thực dân Pháp chia đất Nam Kỳ thành 27 địa hạt hành chính. Năm 1889, các địa hạt được nâng thành đơn vị hành chính cấp tỉnh. Vùng đất tỉnh Bình Dương vào thời kỳ này thuộc tỉnh Gia Định. Địa bàn Dầu Tiếng ngày nay gồm 2 tổng gồm các xã phía bắc Dầu Tiếng gồm Định Thành, Định Hiệp, Định An, Minh Tân thuộc phủ Tây Ninh, tỉnh Gia

Định. Các xã phía nam Dầu Tiếng ngày nay như Thanh An, Thanh Tuyên, An Lập, Long Hòa, Long Tân, thuộc tổng Bình Thạnh Thượng, tỉnh Thủ Dầu Một.

Năm 1912, tỉnh Thủ Dầu Một chia làm 12 tổng, toàn bộ vùng Dầu Tiếng ngày nay thuộc tổng Bình Thạnh Thượng.

Cũng vào thời điểm này, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giới chủ đồn điền bóc lột công nhân, thực dân Pháp giao quyền cho bọn tư bản Pháp ở đồn điền nắm giữ bộ máy cai trị ở địa phương. Từ đó, bộ máy hành chính Dầu Tiếng nằm trong tay bọn chủ tư bản của Công ty cao su Michelin.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai (1945 - 1954), tỉnh Thủ Dầu Một chia thành 7 quận hành chính là: Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Bến Cát, Dầu Tiếng, Hớn Quản, Sông Bé và Bù Đốp. Dầu Tiếng là một quận của tỉnh Thủ Dầu Một.

Sau Hiệp định Gơnevơ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam, dựng lên chế độ tay sai Ngô Đình Diệm. Theo sắc lệnh số 143/NV ngày 22 - 10 - 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm chia tỉnh Thủ Dầu Một thành 2 tỉnh Bình Dương và Bình Long. Tỉnh Bình Dương gồm các quận hành chính: Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, Phú Cường, Bến Súc và Phú Hòa (là một phần huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Dầu Tiếng thuộc quận Bến Súc tỉnh Bình Dương.

Từ năm 1959, chính quyền Sài Gòn chia tỉnh Bình Dương làm 5 quận: Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, Phú Cường, Trị Tâm.

Về phía ta: Sau Hiệp định Giơnevơ, tháng 01 - 1955, do yêu cầu phát triển của cách mạng - Xứ ủy Nam Bộ quyết định tách tỉnh Thủ Biên thành 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, Dầu Tiếng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Tháng 9 - 1960, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định nhập Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên lần thứ hai. Huyện Dầu Tiếng tách ra nhập vào tỉnh Tây Ninh.

Tháng 6 - 1961, thực hiện chủ trương của Xứ ủy, tỉnh Thủ Biên tách ra tái lập 2 tỉnh: Thủ Dầu Một, Biên Hòa và thành lập thêm 3 tỉnh mới: Phước Thành,

Bình Long, Phước Long tương ứng với địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn, huyện Dầu Tiếng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Tháng 10 - 1967, Trung ương cục bố trí lại chiến trường thành lập 5 phân khu thành 5 mũi tấn công vào Sài Gòn và phân khu nội đô Sài Gòn để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968. Tỉnh Thủ Dầu Một thuộc Phân khu 5 gồm các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành, Lái Thiêu, Bắc Thủ Đức, Dĩ An và thị xã Thủ Dầu Một; riêng huyện Bến Cát và Dầu Tiếng thuộc Phân khu 1.

Tháng 5 - 1971, phân khu 5 giải thể, thành lập phân khu Thủ Biên. Huyện Dầu Tiếng vẫn thuộc phân khu 1. Tháng 10-1972, tỉnh Thủ Dầu Một được tái lập, giao huyện Bến Cát, Dầu Tiếng về tỉnh Thủ Dầu Một và sáp nhập Dầu Tiếng, Bến Cát thành một huyện. Tháng 3 - 1973, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một quyết định chia huyện Dầu Tiếng - Bến Cát thành 3 huyện mới: Dầu Tiếng, Bắc Bến Cát, Nam Bến Cát. Đến đầu năm 1975, tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện, thị: Bến Cát, Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên, Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng và thị xã Thủ Dầu Một.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ngày 02 - 7 - 1976 theo Quyết định của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh Sông Bé được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tỉnh Thủ Dầu Một và Bình Phước. Huyện Dầu Tiếng sáp nhập với huyện Bến Cát lấy tên là huyện Bến Cát, là một trong 9 huyện - thị của tỉnh Sông Bé.

Trước yêu cầu đổi mới của đất nước, nhằm tạo điều kiện phù hợp cho mỗi địa phương có thể phát huy cao độ mọi tiềm năng phát triển kinh tế, xã hội, Quốc hội khóa IX tại kỳ họp thứ 10 vào tháng 11 - 1996 phê chuẩn việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW ngày 12 - 11 - 1996 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, tỉnh Bình Dương được tách ra từ tỉnh Sông Bé và chính thức đi vào hoạt động từ 01 - 01 - 1997. Dầu Tiếng thuộc huyện Bến Cát tỉnh Bình Dương.

Tháng 8 - 1999, đánh dấu một thay đổi quan trọng về địa giới và cơ cấu hành chính của huyện Dầu Tiếng: Theo Nghị định số 58/1999/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Bình Dương tái lập 3 huyện gồm Dầu Tiếng, Dĩ An và Phú Giáo, huyện Dầu Tiếng được tách ra từ huyện Bến Cát với cơ cấu hành chính gồm 10 xã, 1 thị

trấn gồm Định Hiệp, Định An, An Lập, Thanh An, Thanh Tuyên, Long Hòa, Long Tân, Minh Tân, Minh Hòa, Minh Thạnh và thị trấn Dầu Tiếng.

Ngày 10 - 02 - 2003, thực hiện Nghị định số 156/2003/NĐ-CP của Chính phủ, huyện Dầu Tiếng thành lập thêm xã mới là Định Thành. Như vậy tính đến nay, huyện Dầu Tiếng có cơ cấu hành chính gồm 11 xã và 1 thị trấn.

Vùng đất Dầu Tiếng với điều kiện thiên nhiên có nhiều thuận lợi từ lâu đã có con người cư trú. Bằng chứng về sự cư trú lâu đời của những cư dân cổ này dựa vào các di khảo cổ được phát hiện gần đây ở các địa phương trong khu vực Bình Long, Lộc Ninh, Tân Uyên, với những cổ vật là rìu đá mài nhẵn có niên đại cách đây 2 - 3 ngàn năm. Trong sách *Địa chí Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh* do Giáo sư Trần Văn Giàu chủ biên có viết: “Trên bờ sông Sài Gòn đã tìm thấy một rìu có vai trong khu vực đồn điền cao su”, “ở địa điểm Ông Yêm, cách Bến Cát khoảng 4km về hướng Tây Bắc năm 1917 đã tìm thấy 3 công cụ thời tiền sử và một số tiền Ăngco”[29, tr14]. Đó là dấu tích của những cư dân bản địa đầu tiên mà hậu duệ của họ hiện còn sinh sống ở vùng đất Đông Nam Bộ. Đó là những tộc người Stiêng, Mạ, Châu Ro, Mơ Nông... Những dấu tích của nhóm người Tà Mun sinh tụ ở sóc 5 xã Minh Hòa, nhóm người Khơme ở dọc sông Sài Gòn từ phường Tân An thành phố Thủ Dầu Một lên tới xã Thanh Tuyên, Thanh An... cho thấy cách đây không lâu, cha ông của họ đã sinh sống ở vùng Bến Cát, Dầu Tiếng. Do tác động của những cuộc di dân và những điều kiện lịch sử - xã hội từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, các dân tộc bản địa ấy lùi dần về rừng núi thượng du các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay để sinh sống, nhưng họ vẫn có những mối giao lưu với các lớp cư dân người Việt đến khẩn hoang lập nghiệp bằng những phương tiện khác nhau trong cuộc sống.

Từ đầu thế kỷ XVII, trên vùng đất miền Đông Nam Bộ bắt đầu xuất hiện lớp cư dân người Việt từ các tỉnh miền Trung di dân vào. Vùng đất Đồng Nai - Gia Định trong đó có Bình Dương ngày nay thì thuở ấy gần như còn hoàn toàn hoang hóa, chưa có người cai quản. Vùng đất mới màu mỡ, phì nhiêu thu hút mạnh mẽ những người nông dân, thợ thủ công, dân nghèo, thầy lang, thầy đồ nghèo, người trốn tránh binh dịch, sưu thuế, tội phạm vượt ngục, binh lính đào ngũ, rã ngũ, kẻ cả

những người vốn đã giàu có từ các tỉnh miền Trung tìm nơi đất mới ở vùng đất Đồng Nai - Nam Bộ vừa màu mỡ, vừa an toàn để mở rộng công việc làm ăn.

Tiến trình nhập cư của lưu dân người Việt từ các tỉnh miền Trung vào đất Đồng Nai - Gia Định nói chung, vùng đất Bình Dương ngày nay nói riêng ban đầu diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, dần dần trở nên ồ ạt hơn, có quy mô lớn hơn, một phần do sự thúc ép của hoàn cảnh xã hội: chiến tranh ngày càng ác liệt của hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn (thế kỷ XVII) và sự áp bức bóc lột nặng nề của giai cấp phong kiến, một phần do mối quan hệ hòa hiếu của chúa Nguyễn Phúc Nguyên với vua Chân Lạp Preachey Cheetha II (thế kỷ XVIII) được xác lập đã tạo thuận lợi cho sự nhập cư của lưu dân người Việt ngày càng gia tăng mạnh, nhanh vào vùng đất phương Nam - xứ Đồng Nai - Gia Định.

Những lưu dân miền Trung khi vào đến vùng đất Đồng Nai - Gia Định, hành trang mà họ mang theo là những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp cùng các ngành nghề truyền thống. Những vùng thung lũng bãi bồi phân bố dọc theo các con sông Đồng Nai, Sông Bé, Sài Gòn, Thị Tính, từ Dầu Tiếng, Bến Cát xuống các phường phía Nam của thị xã Thuận An, Tân Uyên, là những vùng đất có nhiều thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp được lưu dân người Việt đến định cư tương đối sớm và không ngừng tăng lên theo thời gian.

Sang đầu thế kỷ XVIII, những cuộc di dân ồ ạt, có tổ chức của chúa Nguyễn nhằm mở mang bờ cõi, khẩn hoang lập ấp. Những đợt di dân ồ ạt này dần dần hình thành những xóm làng người Việt ngày càng đông đúc ở những nơi mà trước đó còn hoang vu như Bến Súc, Dầu Tiếng. Đến đầu thế kỷ XIX, trên địa bàn Dầu Tiếng đã có những cụm dân cư rải rác dọc theo bờ sông Sài Gòn và sông Thị Tính lên tới Minh Hòa, Minh Thạnh.

Những người đi khai hoang, mở đất ở Đồng Nai - Gia Định mang trong mình tư chất của những người nông dân vừa cần cù, dũng cảm trong lao động, vừa thật thà, chất phát, hào phóng, đoàn kết giúp nhau trong lao động và xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới. Nhiều địa danh in đậm dấu ấn những lớp cư dân người Việt đến khẩn hoang buổi đầu lập nghiệp còn lưu truyền đến nay như Bến Súc, Bàu Đưng, Bàu Tép, Bàu Gấu, Cà Tong, rừng Giáng Hương... đều gợi

nhớ về những vùng đất trù phú mà thiên nhiên ban tặng những sản vật quý giá của vùng đất rừng phương Nam tại Dầu Tiếng.

Đến thời Pháp thuộc, thực dân Pháp và bọn tay sai thực hiện một chế độ sưu thuế nặng nề gấp mười lần thời vua Tự Đức. Điều đó thúc đẩy những người dân nghèo miền Nam Trung Bộ, miền Bắc tìm vào Nam Bộ kiếm sống. Qua những lần khai thác thuộc địa, bọn chủ tư bản thực dân mở đồn điền cao su. Lúc đầu, do quy mô còn nhỏ, chủ tư bản đồn điền tuyển người dân địa phương, chủ yếu là nông dân nghèo khổ không có ruộng đất vào làm. Về sau, do yêu cầu phát triển cao su, số dân địa phương không đủ cung cấp cho đồn điền, buộc chúng phải ra miền Bắc, miền Trung “mộ phu” hay chúng gọi là “dân công tra”. Họ là những người nông dân nghèo đến từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương hoặc những người dân ở các tỉnh miền Ngũ Quảng ở miền Trung bị tư bản Pháp lừa bịp, tuyển mộ đưa đến các đồn điền trở thành nguồn nhân lực cho đồn điền.

Cũng như các đồn điền cao su khác ở miền Đông Nam Bộ, công nhân cao su của các làng ở Dầu Tiếng, sở Minh Hòa, Minh Thạnh từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 phần đông là những nông dân ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung trong bước đường cùng khổ phải chấp nhận ký vào bản giao ước trở thành phu công tra.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, để hàn gắn vết thương chiến tranh, phân bố lại dân cư, khôi phục kinh tế ở các tỉnh phía Nam, nhân dân nhiều địa phương ở miền Bắc, miền Trung và các vùng lân cận đã hưởng ứng chủ trương của Đảng xây dựng những vùng kinh tế mới, tự nguyện đến làm ăn sinh sống ở Dầu Tiếng ngày càng nhiều.

Ở Dầu Tiếng có nhiều tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo. Trong đó, đông đảo nhất là Phật giáo, kế đến là Thiên Chúa giáo, còn Tin Lành, Hòa Hảo và Hồi giáo thì có số quần chúng tín đồ và cơ sở thờ tự rất ít. Đại đa số những người theo các tôn giáo tín ngưỡng đều sống hiền hòa, đạo hạnh, tốt đời, đẹp đạo; nhiều người trực tiếp tham gia kháng chiến, ủng hộ cách mạng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các tín đồ, chức sắc, nhà tu hành

các tôn giáo ở Dầu Tiếng thực hiện tốt nghĩa vụ, quyền của công dân, hăng hái tham gia đóng góp tích cực vào các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Có thể nói cư dân Dầu Tiếng là những người nông dân nghèo khổ từ mọi miền đất nước hội tụ về đây. Trải qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau, cùng chung lưng đấu cật cùng nhau cải tạo thiên nhiên và đấu tranh chống ngoại xâm để tồn tại và phát triển. Trải qua quá trình lao động, sản xuất, từ khi khẩn hoang tạo dựng nên vùng đất Dầu Tiếng cho đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vùng đất Dầu Tiếng đã hình thành nên đội ngũ những người lao động làm thuê cho chủ đồn điền cao su. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, những người công nhân và nhân dân lao động đã liên kết thành một khối đoàn kết liên minh công nông trong cuộc đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc trong suốt những chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ năm 1975 đến nay.

Khi những lưu dân đầu tiên đặt chân lên vùng đất Dầu Tiếng thì nơi đây vẫn còn là vùng đất rừng hoang vu, rậm rạp, muỗi mòng rắn rết, thú dữ, hoang dã đủ loại... Trong buổi đầu khai phá, lớp cư dân đầu tiên đã phải trải qua nhiều gian lao thử thách, đổ biết bao công sức mồ hôi nước mắt, kể cả xương máu để biến được vùng đất nguyên sinh thành ruộng đồng màu mỡ, tạo dựng làng xóm trù phú như ngày nay.

Tóm lại, vùng đất Dầu Tiếng nói riêng, Đông Nam Bộ nói chung, với điều kiện thiên nhiên có nhiều thuận lợi đã có con người cư trú từ lâu. Do tác động của các cuộc di dân và những điều kiện lịch sử - xã hội từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX, các dân tộc bản địa tại đây lùi dần về thượng du Đông Nam Bộ. Từ đầu thế kỉ XIX trên địa bàn Dầu Tiếng đã có những cụm dân cư rải rác dọc theo bờ sông Sài Gòn, sông Thị Tính lên tới Minh Thạnh, Minh Hòa. Nhiều địa danh in đậm dấu ấn của lớp cư dân người Việt đến khẩn hoang buổi đầu như Bến Súc, Bàu Đưng, Bàu Tép, Cà Tong... đều gợi nhớ về một vùng đất trù phú mà thiên nhiên ban tặng nhiều sản vật quý giá của vùng đất Dầu Tiếng. Những người khai hoang

mở đất tại vùng đất Dầu Tiếng mang trong mình tư chất của những người nông dân dũng cảm trong đấu tranh, cần cù chất phác, thật thà, hào phóng, đoàn kết trong lao động và xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới.

1.2. Một số hoạt động đấu tranh quân sự tiêu biểu của Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Trong lúc công nhân và nhân dân Dầu Tiếng đang nỗ lực xây dựng cuộc sống mới thì ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp được quân Anh hỗ trợ đã trắng trợn tấn công trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban quản trị đồn điền cao su Dầu Tiếng nhanh chóng thành lập một đội quân gần trăm người gồm công nhân và tự vệ các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Định Thành kéo về Sài Gòn tham gia chiến đấu tại Mặt trận cầu Bến Phấn - Gò Vấp. Lực lượng tự vệ và công nhân Dầu Tiếng đã anh dũng chiến đấu cùng với quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định bao vây chặt quân địch trong thành phố suốt một tháng đầu của cuộc chiến.

Ngày 25 - 10 - 1945, được quân Anh giúp sức, quân Pháp tiến đánh Thủ Dầu Một. Sau khi chiếm được tỉnh lỵ, Pháp tiến chiếm những cứ điểm quân sự như Thành Săn Đá, Thành Quan, Tòa Hành chính tỉnh... Tiếp đó, chúng hành quân tiến đánh các quận phía Bắc và phía Nam tỉnh Thủ Dầu Một.

Ở Dầu Tiếng, toàn thể nhân dân và các lực lượng kháng chiến gấp rút chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu ngăn chặn quân Pháp tái chiếm đồn điền.

Nhân dân được lệnh thực hiện kế hoạch “Vườn không, nhà trống” và thực hiện khẩu hiệu bốn không: “Không hợp tác với Pháp; Không đi lính cho Pháp; Không chi đường cho Pháp; Không mua bán với Pháp”.

Ở Dầu Tiếng, theo chủ trương của Đảng bộ, chính quyền mới ở Dầu Tiếng và các cơ sở, các đoàn thể Phụ nữ, Nông dân, Phụ lão, Thanh niên Tiền phong được thành lập trong Tổng khởi nghĩa chuyển đổi thành các đoàn thể cứu quốc

dưới sự chỉ đạo thống nhất trực tiếp của Mặt trận Việt Minh. Đây là tổ chức quần chúng đầu tiên của chính quyền mới để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân tham gia

vào công cuộc xây dựng chính quyền mới, tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống, bảo vệ trị an, “chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Yêu cầu đặt ra cấp bách là phải tổ chức và xây dựng ngay lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng. Trên cơ sở các tổ chức vũ trang trong khởi nghĩa và sự tập hợp lực lượng tự nguyện đông đảo của công nhân, nông dân, các đội tự vệ vũ trang từ huyện đến các làng, xã lần lượt được thành lập.

Ở huyện, Ủy ban hành chính chỉ đạo thành lập ngay 1 trung đội vũ trang tập trung, 1 tiểu đội Quốc gia tự vệ. Tuy mới thành lập, vũ khí trang bị còn thô sơ, nhưng các cán bộ, chiến sĩ vẫn tràn đầy tinh thần cách mạng và giàu lòng yêu nước. Là lực lượng nòng cốt để xây dựng lực lượng vũ trang của huyện, đồng thời góp phần xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh sau này.

Ở các làng, xã, trên cơ sở các đội Thanh niên Tiền phong, chính quyền cách mạng tổ chức lại thành các đội tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cơ sở, tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự trị an ở mỗi làng, xã. Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban quản trị đồn điền cùng chính quyền nhanh chóng thành lập Đội cảm tử thu hút hàng

trăm thanh niên trong các làng công nhân tham gia. Các lực lượng vũ trang địa phương tích cực luyện tập quân sự, tuần tra bảo vệ làng, xã, đồn điền.

Tin thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn hình thành các mặt trận đánh Pháp thôi thúc quân và dân huyện Dầu Tiếng một lần nữa đứng lên gia nhập đội quân chiến đấu để giữ vững nền độc lập vừa mới giành được. Sau khi Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ Dầu Một ra lời kêu gọi, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Dầu Tiếng đã chỉ đạo các xã kêu gọi trận Sài Gòn, hàng trăm Thanh niên Cứu quốc cùng các đội Thanh niên Tiền phong nhanh chóng gia nhập lực lượng vũ trang huyện, ở khắp các xã đều thành lập các đội tự vệ. Tại đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban quản trị đồn điền thành lập 1 đội vũ trang công nhân gần 100 người.

Cùng với hoạt động kiến quốc của nhân dân, Ủy ban hành chính huyện cũng khẩn trương củng cố các đơn vị vũ trang chiến đấu. Lực lượng tự vệ huyện được biên chế thành 5 đơn vị chiến đấu, được gọi theo phiên hiệu từ 1 đến 5. Mỗi

đơn vị có 3 phân đội, mỗi phân đội có 3 tiểu đội. Hằng ngày, tự vệ các làng xã và lực lượng vũ trang huyện tích cực luyện tập quân sự, chuẩn bị vũ khí, chuẩn bị phương án chiến đấu ngăn chặn địch lần chiếm.

Sau khi chiếm được Bến Cát, trung tuần tháng 12 - 1945, quân Pháp mở cuộc hành quân đánh chiếm Dầu Tiếng.

Trước khi quân Pháp đánh chiếm lên Dầu Tiếng, Ủy ban kháng chiến các xã Thanh Tuyền, Thanh An đã tiến hành vận động nhân dân tản cư vào những vùng rừng xa cách đường giao thông, hoặc vào những ấp trong vùng sâu mà quân Pháp chưa thể chiếm được như Đường Long, Cà Tong. Đây là các vùng rừng cây rậm rạp, vừa xa các thị tứ, thị trấn; lực lượng kháng chiến các xã Thanh Tuyền, Thanh An dựa vào thế rừng để xây dựng và phát triển thành các căn cứ, xây dựng làng chiến đấu làm hậu phương cho cuộc kháng chiến của nhân dân địa phương.

Cuộc chiến đấu của nhân dân Dầu Tiếng diễn ra quyết liệt trong suốt ngày 29 - 12 - 1945. Nhưng trước sự tấn công ồ ạt của giặc, quân ta lực lượng ít, thiếu vũ khí và chưa có kinh nghiệm chiến đấu nên phải rút về Bàu Sen, Bàu Sinh, Núi Cậu để bảo toàn lực lượng. Đến chiều ngày 29 - 12 - 1945, quân Pháp chiếm được xã Thanh Tuyền, Thanh An và thị trấn Dầu Tiếng.

Để đẩy mạnh phong trào toàn dân kháng chiến, Ban cán sự Đảng huyện Bến Cát đã chỉ đạo cho các xã đưa cán bộ nòng cốt, bí mật bám cơ sở trong các thôn ấp, đồn điền cao su tổ chức lại các đoàn thể cách mạng, từng bước xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng. Ở Dầu Tiếng, Ủy ban kháng chiến ở các xã Định Thành, Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An phân công cán bộ cùng lực lượng du kích tích cực tuyên truyền trong nhân dân chủ trương kháng chiến và vận

động mọi người ủng hộ lương thực, thực phẩm để nuôi quân. Trong hơn một năm cùng nhân dân toàn tỉnh, toàn miền tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp tái xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Bến Cát, cán bộ, đảng viên, dân quân du kích và đồng bào Dầu Tiếng đã kiên cường chiến đấu, từng bước khắc phục khó khăn trở ngại, cùng toàn dân đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực

cánh sinh theo lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Từ giữa năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta ngày càng quyết liệt trên các chiến trường. Phong trào kháng chiến của nhân dân Dầu Tiếng đang đứng trước những thử thách mới. Việc xây dựng căn cứ địa làm nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân địa phương đòi hỏi hết sức cấp bách. Vì căn cứ kháng chiến là nơi xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, cũng là nơi xuất quân hoạt động quân sự hỗ trợ cho phong trào kháng chiến địa phương. Mặt khác, xây dựng căn cứ địa là góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến ở vùng độc lập phục vụ kháng chiến trở thành một yêu cầu quan trọng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh, từ cuối năm 1947, phong trào xây dựng căn cứ kháng chiến của quân dân Dầu Tiếng diễn ra mạnh mẽ trong toàn huyện.

Trước yêu cầu của cách mạng, sau khi Ban chấp hành Đảng bộ huyện được củng cố, công tác tuyên truyền và phát triển Đảng các xã dọc theo đường giao thông như Thanh Tuyền, Thanh An, Định Thành, các xã vùng sâu như Minh Thạnh, Minh Hòa, đã chú trọng thành phần công nhân, dân quân du kích, nhất là các quần chúng xuất sắc trong các đoàn thể cách mạng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân. Trong năm 1947, các xã đã kết nạp được nhiều Đảng viên mới. Cuối năm 1947, nhiều xã đã thành lập được Chi bộ như Thanh An, Thanh Tuyền, Minh Thạnh, Kiến An. Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Dầu Tiếng từ cuối năm 1947 đã phát triển mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển của lực lượng du kích, lực lượng tự vệ chiến đấu và dân quân ở các xã và các làng của đồn điền cao su Dầu Tiếng, các Chi bộ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính các địa phương tăng cường xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng.

Sau khi được củng cố, cán bộ các đoàn thể đã tích cực tổ chức hoạt động, tuyên truyền động viên mọi thành viên trong xã hội tại thị trấn đến đồn điền; từ người nông dân đến công nhân cao su đều tích cực tham gia kháng chiến hoặc ủng hộ kháng chiến. Từ con gà, luống rau kháng chiến đến “Hũ gạo nuôi quân”, cuộc kháng chiến của nhân dân Dầu Tiếng ngày càng mang tính toàn dân, ngày càng tỏ rõ tính chất ấy trên một trình độ cao hơn và toàn diện, rộng lớn hơn. Đến

cuối năm 1947, phong trào chiến tranh nhân dân ở Dầu Tiếng - Bến Cát đã phát triển rộng khắp.

Ở Dầu Tiếng ngay từ đầu năm 1948, địch đưa thêm quân để giữ các tháp canh tại các làng, sở. Ngoài lính Âu – Phi, lính Miên, lính Cao Đài, bọn biệt kích

còn có hai đại đội lính Partisan do chủ đồn điền tuyển dụng.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, quân và dân Dầu Tiếng - Bến Cát đã phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 903 của tỉnh Thủ Dầu Một, Trung đoàn 306, Trung đoàn 311, Tiểu đoàn 303 lưu động Khu 7 hoạt động trên địa bàn, liên tục tiến công đánh phá giao thông trên đường 13, đường liên tỉnh lộ 14 đoạn Bến Súc - Dầu Tiếng, đường Minh Thạnh - Dầu Tiếng.

Cuối năm 1948, giặc Pháp mở một cuộc càn quét lớn vào ấp Đường Long để triệt phá căn cứ và tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Với quyết tâm chiến đấu bảo vệ căn cứ, dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Ngọc Lân, Tiểu đoàn trưởng 903, các đơn vị bộ đội huyện và du kích xã Thanh Tuyền đã sẵn sàng đánh Pháp. Âm mưu đánh phá căn cứ kháng chiến Đường Long của địch hoàn toàn thất bại.

Đến tháng 7 - 1950, Bộ Tư lệnh Khu 7 quyết định mở chiến dịch Lê Hồng Phong trên địa bàn Bến Cát nhằm cắt đứt Liên tỉnh lộ 14 và Đường số 7 để mở rộng căn cứ kháng chiến của ta, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực và cầm chân quân Pháp tại chỗ để phối hợp với chiến trường chính ở Bắc Bộ.

Mục tiêu tiến công của chiến dịch là 4 đồn và 17 tháp canh trên Đường 14 và Đường 7 nằm trong phân chi khu Bến Súc thuộc chi khu Bến Cát do Tiểu đoàn 3 Trung đoàn thuộc địa số 43 của Pháp đóng giữ, đồng thời sẵn sàng đánh quân Pháp tiếp viện.

Chấp hành sự chỉ đạo của Huyện ủy, công an huyện Bến Cát triển khai mọi mặt công tác do Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho Đảng bộ, quân và dân của huyện. Từ cuối tháng 9 - 1950, công việc chuẩn bị cho chiến dịch âm thầm chuyển động trong các khu rừng căn cứ, các xóm ấp và làng công nhân.

Để phục vụ cho chiến dịch, Huyện ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Bến Cát đã chỉ đạo cho công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng và nhân dân trong huyện tích cực tham gia phục vụ chiến dịch. Đêm ngày 7 rạng sáng ngày 8

- 10 - 1950, chiến dịch Bến Cát nổ ra trên hầu khắp khu vực Bến Súc, Rạch Kiến, Rạch Bắp và dọc Đường số 7.

Đồn Bến Súc là mục tiêu chính của mặt trận số 2, là trận đánh then chốt mở màn cho chiến dịch. Trận tiến công đồn Bến Súc không chỉ có nhiều lực lượng tham gia mà còn là một trận đánh hiệp đồng binh chủng có quy mô lớn nhất của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ từ khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai đến lúc này.

Sau 39 ngày đêm chiến đấu với 3 đợt tiến công, chiến dịch Lê Hồng Phong kết thúc thắng lợi vào ngày 15 - 11 - 1950. Kết thúc chiến dịch, ta tiêu diệt trên 500 lính Pháp, làm bị thương 100 lính khác, bắt sống 120 lính, phá sập hàng chục tháp canh, đồn bót, phá hủy 12 cầu cống, 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, đánh chìm 7 tàu chiến, thu nhiều vũ khí, đạn dược và đồ dùng quân sự khác.

Tại chiến trường miền Đông Nam Bộ, từ những tháng cuối năm 1950, đầu năm 1951, thực dân Pháp chủ trương phối hợp tấn công ta bằng cả quân sự, chính trị, kinh tế nhằm đè bẹp lực lượng và phong trào chiến tranh du kích của ta, tăng cường bóc lột, vơ vét sức người, sức của cung ứng cho chiến tranh, lấn chiếm các vùng du kích, ngăn chặn việc liên lạc vận chuyển tiếp tế của ta từ đồng bằng sông Cửu Long lên, từ Tây Nguyên xuống miền Đông Nam Bộ. Đối với các vùng cao su, thực dân Pháp tăng cường lực lượng, thiết lập các điểm chốt quân sự, khoanh vùng kiểm soát chặt chẽ các làng công nhân trong các đồn điền, ngăn chặn không cho công nhân tiếp xúc, tiếp tế, ủng hộ cho kháng chiến. Những hành động của giặc Pháp gây cho quân dân Dầu Tiếng – Bến Cát nhiều khó khăn.

Giữa năm 1951, Bộ Tư lệnh Phân Liên khu miền Đông chỉ thị mỗi tỉnh phải xây dựng một đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở vùng đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh ủy Thủ Biên chỉ đạo các địa phương xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền các đồn điền, khôi phục và củng cố tổ chức công đoàn cơ sở, tạo điều kiện phát triển phong trào kháng chiến của công nhân cao su.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng cao su Dầu Tiếng thành lập đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng. Ngay sau khi thành lập, đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng, vận động công nhân tham gia tổ chức công đoàn.

Một bộ phận tập trung xây dựng và củng cố cơ sở cách mạng hoạt động vũ trang trong đồn điền, đánh địch trong thị trấn, các làng cao su cũng như các xã xung quanh khu vực Dầu Tiếng, củng cố, phát triển cơ sở trong thị trấn, trong các làng công nhân cao su.

Tiếp đó, thượng tuần tháng 2 - 1952, trong lúc quân Pháp tập trung quân ở Suối Đá, Dầu Tiếng, chuẩn bị mở cuộc hành quân mang tên “Nhà lá” càn quét vào chiến khu Dương Minh Châu, đánh vào Bộ Tư lệnh Phân Liên khu miền Đông. Để phá kế hoạch này, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng chủ trương tổ chức tập kích vào khu vực sở chỉ huy của quân Pháp đóng tại Dầu Tiếng. Đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng tổ chức trận tập kích đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy chiến dịch của quân Pháp, trong đó có tên quan Năm và nhiều sĩ quan tham mưu. Sở chỉ huy của quân Pháp bị tổn thất nặng nề, làm cho cuộc tiến công quy mô lớn của địch vào căn cứ của Phân Liên khu miền đông ở Dương Minh Châu vừa triển khai đã bị đập tan.

Ngày 20 - 11 - 1952, đại đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng tổ chức trận chiến đấu phục kích tại sân bay Dầu Tiếng, chém bị thương Barube – kẻ ác ôn nổi tiếng nhất ở đồn điền.

Đêm ngày 5 - 9 - 1953, đội du kích xã Thanh An, Đại đội Lê Hồng Phong và tổ quân báo huyện Bến Cát phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 303 chủ lực của tỉnh tiến công đồn điền Bến Tranh. Được cơ sở nội ứng trong đồn phối hợp, các lực lượng tiến công đồn Bến Tranh sau gần một giờ chiến đấu đã đánh bại đại đội Comando đóng giữ đồn Bến Tranh, bắt sống 54 lính Pháp, thu trên 100 súng và nhiều đồ dùng quân sự.

Ngày 05 - 7 - 1954, Đại đội Lê Hồng Phong và du kích Thanh An phối hợp với Tiểu đoàn 303 của tỉnh tiến công đồn Bến Tranh lần thứ hai, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đại đội Comando đóng giữ đồn, thu toàn bộ vũ khí. Hơn 100 dân công của xã Long Nguyên cùng dân công xã Kiến An, Thanh An vào tận trong đồn tận thu chiến lợi phẩm với hàng trăm súng, hơn chục tấn đạn dược và lương thực.

Sau 9 năm anh dũng chiến đấu, cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai của nhân dân cả nước ta đã kết thúc thắng lợi.

Tiểu kết chương 1

Đó là cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu đó, cùng với quân và dân cả nước, những người cộng sản của Dầu Tiếng đã kiên định, giữ vai trò lãnh đạo, sáng tạo, anh dũng chiến đấu, bám đất, bám làng, kiên trì vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh của Đảng trên chiến trường của huyện, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cả nước.

Với niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Dầu Tiếng càng xiết chặt đội ngũ, củng cố quyết tâm để sẵn sàng cùng nhân dân toàn tỉnh bước vào một giai đoạn mới: tiếp tục đấu tranh chống các thế lực xâm lược và chia cắt đất nước, viết tiếp những trang sử hào hùng của địa phương trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua hai thời kỳ kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp, Đảng ta cũng đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc lãnh đạo, tổ chức nhân dân kháng chiến, giành độc lập cho Tổ quốc. Trước hết, Đảng xác định đây là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, cho nên bằng mọi giá phải tập trung được các lực lượng quân chúng; kể đến là lực lượng vũ trang phải được xây dựng và huấn luyện những kỹ năng chiến đấu trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện; tận dụng và phát triển rộng rãi loại hình chiến tranh du kích; Đảng, quân và dân phải tuyệt đối thống nhất chủ trương, đường lối, chiến lược, chiến thuật từ trên xuống dưới, từ Trung ương đến các địa phương và cơ sở. Kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức hoạt động của lực lượng vũ trang huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là những bài học rất thiết thực cho Đảng bộ Dầu Tiếng xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương 2. ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1954 – 1965

2.1. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong thời kỳ giữ gìn lực lượng, đòi thi hành hiệp định Giơnevơ (1954 – 1960)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng, quân và dân Việt Nam kết thúc bằng chiến thắng trong cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (tháng 5 – 1954) đã buộc thực dân Pháp phải bước vào bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Giơnevơ tháng 7 - 1954 chính thức thừa nhận sự thất bại trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương và cam kết rút quân về nước, lập lại hòa bình trên cơ sở thừa nhận nền độc lập và chủ quyền dân tộc của ba nước Đông Dương. Đây là thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ suốt 9 năm, đem lại hòa bình cho đất nước. Niềm hân hoan, phấn khởi và xúc động tràn ngập trong mỗi cán bộ, bộ đội và nhân dân khắp các địa phương trong cả nước, mọi người đều hy vọng rằng từ đây đất nước hoàn toàn không còn chiến tranh. Đồng bào trước đây ở vùng bị địch tạm chiếm phải tản cư ra vùng tự do nay tập nập trở về thôn ấp, ruộng vườn cũ sau bao năm chiến tranh ly loạn.

Theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ, hai bên tham chiến thực hiện cuộc di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng: Quân đội cách mạng Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Như vậy, tất cả các lực lượng vũ trang của ta ở Nam Bộ phải tập kết ra miền Bắc, lực lượng bán vũ trang (du kích) và cán bộ, đảng viên ở cơ sở xã, ấp tự giải tán, thực hiện “phục viên” tại chỗ. Đất nước Việt Nam tạm thời bị chia làm 2 miền: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam tạm thời do thực dân Pháp kiểm soát, quân Pháp sẽ rút dần trong 2 năm. Đến tháng 7 năm 1956, Việt Nam sẽ tiến hành cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất đất nước dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế. Tuy nhiên, Mỹ tham gia Hội nghị với tư cách là quan sát viên nhưng không ký Hiệp định, và theo điều khoản

của Hiệp định thì Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, cho nên Mỹ đã tận dụng cơ hội để xúc tiến việc can thiệp sâu hơn vào Việt Nam.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với ý đồ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, đế quốc Mỹ đã chỉ đạo cho chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành bố trí dân cư và tổ chức xã hội cho phù hợp với ý đồ quân sự để tạo lá chắn bảo vệ Sài Gòn từ xa, đồng thời tạo bàn đạp cơ động, tấn công tiêu diệt các căn cứ kháng chiến của cách mạng. Tại Dầu Tiếng, Mỹ - Diệm dùng mọi biện pháp để mị đồng bào trong các khu căn cứ ra định cư ở những khu vực trọng điểm trong kế hoạch quân sự của họ. Nhất là từ khi Mỹ - Diệm thực hiện chính sách gom dân lập “khu trù mật”, “ấp chiến lược”, nhiều làng công nhân ở giáp vùng căn cứ kháng chiến của cách mạng bị Mỹ - Diệm xúc tác gom vào các “ấp chiến lược” trong thị trấn Dầu Tiếng.

Với ý đồ thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng, Mỹ chống lại việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, nhưng sau khi Hiệp định được ký kết thì Mỹ đã khôn khéo tận dụng cơ hội mở đường hắt cẳng Pháp, nhảy vào thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, thôn tính Đông Dương, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, bao vây Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Ngay từ tháng 6 – 1954, Mỹ đã thúc ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm (người được Mỹ đào tạo) lên làm thủ tướng thay cho Bửu Lộc (người do Pháp đưa lên) lập bộ máy tay sai của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chuẩn bị cho việc Mỹ thay chân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ với âm mưu chia cắt Việt Nam thành hai nước với hai chế độ khác nhau như ở Đức, Triều Tiên. Kết quả là Mỹ đã dùng viện trợ về kinh tế, tài chính và quân sự để dựng lên bộ máy chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam mà chúng ta quen gọi là chính quyền Sài Gòn.

Trong tình hình chung của miền Nam, chính quyền Sài Gòn cũng tiếp quản Dầu Tiếng và thi hành các chính sách thực dân mới theo chủ trương của Mỹ. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơnevơ, đòi lại các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

Như vậy, với sự can thiệp của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã được dựng lên từ năm 1954, miền Nam bị biến thành thuộc địa kiểu mới. Có nghĩa là nhân dân Miền Nam nói chung, nhân dân Dầu Tiếng nói riêng lại tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn tay sai do Ngô Đình Diệm đứng đầu.

Thực hiện âm mưu của Mỹ, ngay sau khi lên làm thủ tướng chính quyền Sài Gòn, Ngô Đình Diệm đã ráo riết xây dựng quân đội, xây dựng bộ máy thống trị tay sai phản động từ Trung ương đến địa phương. Tháng 9 – 1954, chính quyền Diệm lập ra tổ chức chính trị phản động: “Cần lao nhân vị cách mạng đảng”, phát động phong trào “Cách mạng quốc gia”, “Tập đoàn công dân”... với âm mưu tập hợp lực lượng làm hậu thuẫn cho bộ máy chính quyền hòng che đậy bản chất phản động của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Đồng thời, đánh lạc hướng phong trào đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ và đòi thi hành Hiệp định của nhân dân ta. Ngô Đình Diệm còn đưa ra khẩu hiệu “Đả thực, bài phong, diệt cộng”[1, tr152]; bày trò “trung cầu dân ý” ngày 23 tháng 10 năm 1955 nhằm phé truất Bảo Đại, tự phong làm Tổng thống và sau đó tổ chức cuộc tuyển cử lập Quốc hội bù nhìn ngày 04 tháng 3 năm 1956, tạo cho bộ máy chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm một bộ mặt hợp hiến, với những khẩu hiệu bịp bợm như: “Thăng tiến Cần lao”, “Phục hồi văn hóa Á Đông”, “Cộng đồng hương thôn”,... tổ chức ra “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới” để “đoàn kết quốc gia loại trừ cộng sản”...

Cùng với việc củng cố bộ máy chính quyền, Ngô Đình Diệm tổ chức đưa phần lớn số đồng bào theo Công giáo ở một số tỉnh miền Bắc bị chúng lừa mị, cưỡng bức vào Nam tới định cư tại những địa bàn trọng yếu ở vùng Đông Nam Bộ, nhất là những vùng căn cứ cũ của ta. Ở địa bàn Bến Cát – Dầu Tiếng, chúng đưa đồng bào Công giáo ở miền Bắc di cư đến ở tại ấp Giáng Hương, Thị Tính, Phú Bình xã Long Nguyên; Sở Trà xã Kiến An; Bến Súc xã Thanh Tuyền.

Để thực hiện mưu đồ “diệt cộng”, địch tăng cường thi hành các biện pháp kiểm soát dân, chúng bắt dân làm tờ khai gia đình, làm lại thẻ căn cước, phân loại dân theo vùng: người dân sinh sống ở vùng “quốc gia” từ trước ngày 20 – 7 – 1954 thì chúng cấp loại giấy “dân định cư”; đồng bào ở vùng căn cứ kháng chiến thì chúng cấp loại giấy “dân hồi cư”. Căn cứ một phần vào sự phân vùng đó để phân

loại dân theo thứ tự A, B, C: những người có tham gia kháng chiến, ủng hộ cách mạng, có người thân đi tập kết, chúng xếp vào loại A; dân loại B là những người có liên quan đến cách mạng; dân loại C là dân hợp pháp. Chúng đưa ra phương châm: “Dựa vào loại C đánh vào loại A, làm cho dân loại B khiếp sợ mà khuất phục”. Những gia đình có người tham gia kháng chiến, có chồng, con, em đi tập kết, địch không chế kim kẹp gắt gao. Chúng sử dụng bọn Công dân vụ tiến hành các hoạt động tuyên truyền sách động thực hiện chiến tranh tâm lý, vu khống cách mạng, bôi nhọ, hạ uy thế đảng viên, cán bộ kháng chiến. Chúng còn thúc ép tập hợp quần chúng, người kháng chiến cũ dự những buổi học tập, buộc mọi người phải “tố cộng”, ly khai cộng sản, nói xấu cách mạng, xuyên tạc kháng chiến trước quần chúng. Chúng tung bọn đầu hàng phản bội, bọn chỉ điểm giả danh người đi mua trâu bò, mua bán đồ hàng bông, mua ve chai, thiến heo... len lỏi trong từng ngõ xóm, ngoài đồng ruộng để phát hiện dấu vết nơi ăn ở, đi lại hoạt động của cán bộ, đảng viên ta mà chúng gọi là “Việt cộng nằm vùng” để truy bắt.

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Ngô Đình Diệm được Chính phủ Mỹ thu xếp đưa lên đứng đầu bộ máy chính quyền Sài Gòn. Thực hiện mưu đồ của Mỹ, Ngô Đình Diệm xúc tiến việc xây dựng bộ máy chính quyền tay sai thân Mỹ. Đầu tiên, Diệm tiến hành trừ khử những sĩ quan thân Pháp, thu phục lực lượng Bình Xuyên và lực lượng của các giáo phái thân Pháp như: Hòa Hảo, Cao Đài. Năm 1955, Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý phế truất Quốc trưởng Bảo Đại, lên làm Quốc trưởng và sau đó lên làm Tổng thống (26 – 10 – 1955).

Sau khi hất cẳng Pháp và dẹp yên các giáo phái, Ngô Đình Diệm thực hiện “Quốc sách tố cộng” do Ngô Đình Nhu khởi xướng ngày 11 – 4 – 1955 với chủ trương “tố cộng, diệt cộng”, tiêu diệt hạ tầng cơ sở cách mạng. Để thực hiện chiến dịch này, địch dùng lực lượng chủ lực hỗ trợ tràn vào vùng căn cứ. Trong các làng xã, địch dùng lực lượng bảo an, dân vệ, an ninh, cảnh sát, binh định, Phượng hoàng, “Phụ nữ liên đới” và “Thanh niên cộng hòa” tiến hành “tố cộng”, phân loại quần chúng. Chính quyền Diệm đã buộc nhân dân tố cáo nhau, láng giềng theo dõi, dò xét nhau, những gia đình có người thân đi kháng chiến phải tuyên bố “từ bỏ” nhau, xóm giềng không được quan hệ, giúp đỡ những gia đình

này. Cứ 5 gia đình là chúng tổ chức thành “ngũ gia liên bảo” do một tên an ninh phụ trách. Chúng còn phân loại quần chúng để kìm kẹp và khủng bố quần chúng có cảm tình với cách mạng. Gia đình nào có người đi kháng chiến thì trước cửa nhà chúng gắn bảng sơn màu đỏ, gia đình có người theo chế độ Cộng hòa thì treo bảng màu vàng, còn gia đình không theo bên nào thì chúng cho treo bảng màu xanh. Trên cơ sở phân loại quần chúng, chính quyền Diệm mở các lớp học tập chính trị mà thực chất là tìm cách bôi xấu hình ảnh người chiến sĩ cách mạng tham gia kháng chiến. Sau đó, đại diện chính quyền tổ chức các buổi “tố cộng”, bắt mọi người phải tố giác cộng sản (kể cả người thân trong gia đình), xé cờ Đảng Cộng sản, đốt ảnh Bác Hồ, tuyên bố ly khai Cộng sản, ai không làm sẽ bị chúng thủ tiêu. Ngô Đình Diệm còn cho thành lập tổ chức Công dân vụ đưa về các quận, huyện cùng với các lực lượng bảo an, cảnh sát, gián điệp và bọn tay sai chỉ điểm để đàn áp, bắt bớ các cơ sở cách mạng, cả những người có cảm tình với cách mạng ở miền Nam với các khẩu hiệu: “Cộng sản chết hay thuận phục quốc gia?”, “Quần chúng theo quốc gia hay ngồi tù”.

Nhận định được âm mưu, ý đồ của Mỹ - Diệm ngay từ đầu, tháng 7 – 1954, Đảng ta đã khẳng định đế quốc Mỹ là kẻ thù chính và trực tiếp của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tới. Đảng bộ Dầu Tiếng thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng từ tháng 9 – 1954, chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang cuộc đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ để củng cố hòa bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài trong giai đoạn tới.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy Thủ Biên ra Chỉ thị số 033/CT, chỉ rõ thắng lợi của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ đối với sự nghiệp đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất đất nước của nhân dân ta trong thời gian tới [5, tr280].

Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng đưa ra khẩu hiệu: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ; thực hiện chuyển hướng từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định đình chiến. Đảng chủ trương dựa vào nội dung của Hiệp định để lãnh đạo quần chúng kiên trì đấu tranh chính trị đòi thi

hành Hiệp định Giơnevơ, củng cố hòa bình, nhưng không loại trừ khả năng Mỹ - Diệm ngoan cố chống lại xu thế hòa bình, nguyện vọng độc lập, thống nhất của nhân dân ta. Do đó, ta phải cảnh giác, sẵn sàng đối phó với các âm mưu, thủ đoạn phá hoại Hiệp định của Mỹ - Diệm.

Trong khi tổ chức lực lượng đi tập kết, Tỉnh ủy Thủ Biên đã phân công bố trí một số cán bộ Đảng; cán bộ cơ quan quân sự, công an; cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang của tỉnh và các huyện, thị, bí mật ở lại không ra trình diện công khai; đồng thời chủ động chôn giấu một số vũ khí đạn dược, điện đài để khi cần lấy lên sử dụng. Các cấp ủy Đảng tổ chức quán triệt học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, kiện toàn tổ chức, lãnh đạo tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở lại chuẩn bị tốt cho cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới.

Tại Bến Cát, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngay trong khi triển khai tổ chức lực lượng đi tập kết và cán bộ ở lại, Huyện ủy đã chỉ đạo chôn giấu một số vũ khí tại địa bàn các căn cứ cũ ở Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An...

Thực hiện chủ trương của Phân khu ủy Phân Liên khu miền Đông, từ tháng 5 - 1951, vùng cao su Dầu Tiếng tách ra khỏi huyện Bến Cát, sáp nhập vào huyện căn cứ Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Tỉnh ủy Tây Ninh giao nhiệm vụ cho Chi bộ Đảng xã Định Thành căn cứ tổ chức cán bộ, đảng viên, triển khai công tác thi hành Hiệp định. Đồng chí Huỳnh Văn Lon, Huyện đội phó Huyện đội Bến Cát được phân công làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Định Thành căn cứ, được Ban Cán sự cử làm đại diện cho lực lượng kháng chiến vùng cao su Dầu Tiếng tiếp xúc với quận trưởng Dầu Tiếng thực hiện bàn giao địa bàn cho chính quyền địch theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, cuối năm 1954, tỉnh Thủ Biên tách ra thành hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện: Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát, Hớn Quản và các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh. Tỉnh ủy tổ chức một số Ban chuyên môn gọn nhẹ như tuyên huấn, tổ chức, binh vận, giao liên căn cứ và phân công từng đồng chí phụ trách. Tỉnh ủy đã đề ra một số chủ trương nhiệm vụ trước mắt phải tập trung lãnh đạo về

công tác tổ chức từ Tỉnh ủy đến Chi bộ cơ sở; đẩy mạnh công tác dân vận, trong dân, giữ vững nguyên tắc hoạt động bí mật và chỉ định cấp ủy các huyện, thị.

Trong tình hình cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, Đảng cũng phải có tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới; thực hiện tổ chức gọn nhẹ, chất lượng cao. Tỉnh ủy và các Huyện, Thị ủy chỉ tổ chức các Ban Tuyên huấn, Binh vận, Giao liên căn cứ, kinh tế - tài chính đảng. Công tác tổ chức, kiểm tra Đảng do Thường vụ cấp ủy trực tiếp phụ trách. Các đoàn thể quần chúng trong kháng chiến Chín năm đều giải thể, chỉ còn lại Đoàn thanh niên do cấp ủy Chi bộ cơ sở các xã trực tiếp lãnh đạo. Mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên dù ra công khai hay bí mật đều phải giữ vững nguyên tắc bí mật. Các cấp ủy đều phải giữ bí mật tuyệt đối ngay cả với đảng viên khi không có phân công quan hệ công tác.

Thực hiện sắp xếp lại tổ chức chuẩn bị cho nhiệm vụ cách mạng mới, sau khi học tập quán triệt Chỉ thị, Nghị quyết của Xứ ủy, cuối tháng 8 – 1954, Huyện ủy Dương Minh Châu chỉ đạo cấp ủy Chi bộ thị trấn Dầu Tiếng tổ chức các hoạt động đấu tranh công khai hợp pháp, phát động phong trào đấu tranh chính trị của công nhân cao su Dầu Tiếng.

Cuối năm 1954, thực hiện chủ trương của Xứ ủy phân chia lại địa bàn các tỉnh, Tỉnh ủy Tây Ninh bàn giao vùng cao su Dầu Tiếng về cho huyện Bến Cát tỉnh Thủ Dầu Một (sau khi tỉnh Thủ Biên tách ra tái lập 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa). Để phù hợp với đặc điểm địa bàn có lực lượng công nhân cao su đông đảo, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ đạo cho Huyện ủy Bến Cát lập Ban cán sự Đảng vùng cao su Dầu Tiếng.

Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng quán triệt cho cấp ủy các Chi bộ và số cán bộ, đảng viên hoạt động đơn tuyến phải giữ đúng nguyên tắc hoạt động bí mật của Đảng khi ra công khai. Mỗi cán bộ, đảng viên ra hoạt động công khai hợp pháp phải “Tùy cơ ứng biến” để “Hợp thức hóa” các loại giấy tờ tùy thân, đặc biệt là thẻ căn cước. Một số đồng chí hoạt động bí mật không có điều kiện ra công khai làm thẻ căn cước phải dùng thẻ thật do cơ sở cung cấp để làm thẻ giả.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng đưa người vào nghiệp đoàn lao công do địch tổ chức để tập hợp công nhân đấu tranh công khai.

Nhiều đại biểu công nhân của các làng của Sở cao su Dầu Tiếng là đảng viên, cơ sở cách mạng được bầu vào Ban lãnh đạo nghiệp đoàn lao động Dầu Tiếng.

Từ sau khi thực hiện Hiệp định Giơnevơ đến đầu năm 1956, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng vẫn chủ trương dựa vào bản Hiệp định làm cơ sở pháp lý để đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh như đòi tự do đi lại làm ăn, được gửi và nhận bưu phẩm, không được trả thù những người kháng chiến cũ; đòi được cứu tế, chống bắt tể, chống bắt lính... Những khẩu hiệu đấu tranh hợp pháp hoặc nửa hợp pháp, vừa sức của dân, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của nhân dân, nên khi ta vận động, nhân dân đồng tình tham gia hưởng ứng. Cuối năm 1955, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhiều xã ở Dầu Tiếng, Bến Cát, Chi bộ xã đã lãnh đạo cho quần chúng đấu tranh đòi đưa cán bộ thú y về chữa trị cho trâu bò, tạo cơ buộc Chính quyền Sài Gòn chấp thuận cho dân mua thuốc kháng sinh. Thay vì mua thuốc cho trâu bò, quần chúng mua nhiều thuốc kháng sinh chuyển vào căn cứ cho cách mạng.

Từ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết vào tháng 7 – 1954, Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, thực hiện chủ trương của Trung Ương Đảng, cách mạng miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định, phong trào cách mạng ở Thủ Dầu Một, ở Dầu Tiếng cũng thực hiện chủ trương cách mạng của toàn miền. Từ năm 1955 trở đi, khi Mỹ dựng lên bộ máy chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và ngang nhiên phá vỡ Hiệp định, phong trào cách mạng miền Nam nói chung, ở Thủ Dầu Một nói riêng mà trong đó có Dầu Tiếng vẫn tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định, giải phóng miền Nam, giải phóng Thủ Dầu Một, giải phóng Dầu Tiếng.

Từ đầu năm 1955, hệ thống tổ chức cơ sở quần chúng nòng cốt trong công nhân Dầu Tiếng được xây dựng cả trong các làng và trong thị trấn. Thông qua hệ thống cơ sở quần chúng nòng cốt và cơ sở trong ban lãnh đạo liên đoàn đoàn điền ở Dầu Tiếng, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng đã tập hợp được quần chúng công nhân tiến hành nhiều cuộc đấu tranh công khai đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, trong đó một số cuộc đấu tranh có quy mô hàng ngàn công nhân tham gia.

Lực lượng cơ sở nòng cốt của ta trong các tổ chức hợp pháp phong trào công nhân Dầu Tiếng tương đối mạnh, nhất là Nghiệp đoàn lao công Dầu Tiếng. Thông qua cơ sở nòng cốt hoạt động công khai, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng đã tập hợp được đông đảo lực lượng quần chúng công nhân tham gia trong những cuộc đấu tranh đòi hỏi quyền lợi dân sinh, dân chủ, đòi hòa bình hiệp thương thống nhất đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình tạo thế hợp pháp đưa người vào tổ chức định hoạt động công khai, công tác tổ chức chưa được chuẩn bị kỹ, các hình thức ngụy trang, nguyên tắc giữ bí mật trong hoạt động chưa chặt chẽ, trong khi kẻ thù đang có một kế hoạch đánh phá ta trên một phạm vi rộng lớn, nên chúng gây cho ta không ít khó khăn trong việc giữ gìn lực lượng.

Ngay sau khi Đảng có chủ trương tổ chức vũ trang tự vệ hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng thì vấn đề xây dựng lực lượng và phục hồi căn cứ trong tỉnh được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo xúc tiến khẩn trương. Từ tháng 6 – 1956, Bộ chính trị ra Nghị quyết lãnh đạo chỉ rõ: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định...”[11, tr225]. Nghị quyết xác định: “Cần củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có, xây dựng các căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng các cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang”[11, tr228].

Chủ trương chung của tỉnh Thủ Dầu Một trong năm 1956 vẫn là nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết của Đảng, kiên trì đấu tranh chính trị theo phương châm có lợi cho phong trào quần chúng. Nhưng sau Hội nghị bất thường vào tháng 10 – 1956, Tỉnh ủy đã chủ trương rút một số cán bộ, Đảng viên ở huyện Châu Thành, hoạt động công khai bị lộ, bám rừng căn cứ cũ trước đó về căn cứ Bắc Bến Cát bí mật xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh. Đến tháng 12 – 1956, Hội nghị Xứ ủy chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập động vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ ở rừng núi... thì Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã có một bước chuẩn bị rất quan trọng [5, tr312].

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh, cơ sở của ta hoạt động trong bộ máy chính quyền Ngụy ở Dầu Tiếng là chị Nguyễn Thị Dậu, đã nhận nhiệm vụ nắm tình hình, vẽ sơ đồ bố trí binh hỏa lực của địch ở Chi khu Dầu Tiếng phục vụ cho trận đánh Chi khu Dầu Tiếng. Cơ sở mật trong thị trấn Dầu Tiếng được chỉ đạo bí mật vận chuyển 2 xe bò gạo cho lực lượng vũ trang cách mạng khi bước vào trận đánh.

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, đảng viên chuyển vào thế công khai hợp pháp theo tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy được Huyện ủy Bến Cát triển khai kịp thời cho Chi bộ các xã. Cán bộ, đảng viên được học tập quán triệt Nghị quyết của Đảng và nắm vững 5 bước công tác cách mạng gồm: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh để hướng dẫn cho cán bộ cơ sở vận dụng vận động cách mạng trong quần chúng.

Chỉ trong thời gian ngắn, việc sắp xếp, tổ chức, bố trí lại lực lượng cả trong thị trấn và các xã lân cận trên địa bàn Dầu Tiếng cho phù hợp với nhiệm vụ đấu tranh chính trị hợp pháp mà vẫn giữ được lực lượng đã được Ban cán sự Đảng chỉ đạo triển khai nhanh. Ở các xã, ta đã đưa được người tham gia vào các “Ban đại diện” ở ấp, xã. Có nơi gọi là Ban hội tề của Chính quyền Sài Gòn, nhưng người của ta chiếm đa số hoặc giữ những cương vị chủ chốt.

Ngay sau khi Đảng có chủ trương tổ chức vũ trang tự vệ hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng thì vấn đề xây dựng lực lượng và phục hồi căn cứ trong tỉnh được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo xúc tiến khẩn trương. Đến giữa năm 1957, tỉnh đã xây dựng được 3 trung đội vũ trang đứng chân ở căn cứ Long Nguyên, Lai Uyên. Khi đứng chân ở căn cứ Hồ Mên xã Long Nguyên, các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh đã thực hiện vũ trang tuyên truyền ở một số địa bàn dân cư vùng căn cứ cũ Long Nguyên, Kiến An, Thanh Tuyền, Thanh An, quần chúng rất phấn khởi.

Hoạt động vũ trang tuyên truyền của đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của quần chúng, nhất là trong lúc quân đội Sài Gòn đang thực hiện chính sách khủng bố trắng. Nhiều thanh niên ở các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An, Long Nguyên đã xin gia đình thoát ly tham gia vào lực lượng vũ trang.

Cuối năm 1957, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một phát động phong trào “phá u tối” với chủ trương diệt ác ôn, các đội vũ trang tích cực hoạt động ngầm trừng trị những tên tay sai gây nhiều nợ máu với nhân dân. Trong thời gian này, các Chi bộ, Đảng bộ lần lượt được thành lập ở các huyện, thị, xã, ấp, từ thành thị đến nông thôn, từ công nhân cao su đến đồng bào dân tộc.

Đêm ngày 10 rạng ngày 11 - 8 - 1958, các đơn vị lực lượng vũ trang của miền cùng các đơn vị vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Tây Ninh, nổ súng tấn công các vị trí của đối phương trong quận lỵ Dầu Tiếng. Trận đánh giành thắng lợi lớn, ta tiêu diệt một bộ phận lực lượng đối phương, bắt sống một số lính Việt Nam Cộng Hòa, thu nhiều súng, đạn, gạo, thuốc men... và trên một triệu đồng tiền Sài Gòn [29, tr30].

Trận đánh vào quận lỵ Dầu Tiếng của các lực lượng cách mạng dù lấy danh nghĩa là lực lượng Bình Xuyên và Cao Đài cùng Liên minh vẫn được quần chúng nhân dân nhận ra ngay đó là lực lượng vũ trang cách mạng. Sau trận đánh Minh Thạnh, Bến Củi, trận tấn công vào quận lỵ Dầu Tiếng của các lực lượng vũ trang cách mạng miền Đông như “Một thông báo đặc biệt” có sức lan tỏa nhanh, trực tiếp cổ vũ tinh thần, củng cố lòng tin vào Đảng, vào cách mạng cho nhân dân Dầu Tiếng, nhân dân trong tỉnh vượt qua những âm mưu thủ đoạn mới đánh phá phong trào cách mạng của quân đội Sài Gòn.

Từ tháng 3 – 1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật”; tháng 4 – 1959, Diệm mở chiến dịch “đồng tâm diệt cộng” càn quét, khùng bố đầm máu từ thành thị đến nông thôn; ngày 06 – 5 – 1959, Diệm ban hành luật 10/59 lập tòa án quân sự đặc biệt, lê máy chém đi khắp miền Nam giết hại rất nhiều đồng bào vô tội.

Trước sự tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, vào nửa đầu 1959, trong khi lực lượng cách mạng miền Nam dần dần hồi phục thì lại bị tổn thất nặng nề, hàng trăm cán bộ cách mạng và đồng bào bị giết hoặc tù đày. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dù đứng trước sự hung bạo của kẻ thù, từ nửa cuối 1959, quân và dân miền Nam hễ người này ngã xuống thì người khác đứng lên, phong trào cách mạng vẫn bùng lên mạnh mẽ. Ở tỉnh Thủ Dầu Một, các đội

vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền vừa được duy trì, vừa được thành lập mới. Cụ thể như, cuối 1959, xã Thanh An xây dựng đội vũ trang tự vệ với hơn 10 người do đồng chí Trần Văn Dò chỉ huy, vừa mới hình thành với trang bị chỉ là mìn tự tạo, dao, rựa, mã tấu, Đội tự vệ Thanh An vẫn tổ chức phục kích bằng mìn tự tạo làm lật một xe jeep của đối phương tại Bến Trống, diệt 1 cảnh sát, thu 1 khẩu súng và 20 viên đạn. Lúc bấy giờ đánh đối phương thu súng và đạn là một nhiệm vụ quan trọng để trang bị cho lực lượng của ta trong tình trạng thiếu thốn vũ khí. Sau đó, Đội tự vệ Thanh An kết hợp với cơ sở đột nhập và chặn bắt, trừng trị một số kẻ ác ôn như tên Kết, tên Nam thám báo, tên Chờ cảnh sát. Cũng trong thời gian này, ở xã Thanh Tuyền, dựa vào địa bàn ấp Đường Long – nơi có rừng già trải rộng tiếp giáp với rừng Kiến An, Long Nguyên, cấp ủy Chi bộ chỉ đạo rút thanh niên ra xây dựng 1 tiểu đội du kích. Trận đầu ra quân, du kích Thanh Tuyền tổ chức phục kích diệt một tổ dân vệ của quân đội Sài Gòn đi tuần tra vào Xóm Bưng. Ở Minh Thạnh, Minh Hòa mỗi xã đều thành lập một tổ vũ trang tự vệ.

Từ giữa năm 1959, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy miền Đông và thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về công tác xây dựng căn cứ và xây dựng lực lượng, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng đẩy mạnh hoạt động chỉ đạo xây dựng cơ sở cách mạng trong các tầng lớp nhân dân. Sau một thời gian len lỏi, bám đất, bám làng, móc nối quần chúng, nhiều cơ sở nòng cốt, trung kiên trước đây chưa liên lạc được nay tập hợp trở lại. Nhiều thanh niên ở xã Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An, Minh Thạnh, các làng ở Dầu Tiếng thoát ly gia đình trực tiếp tham gia lực lượng vũ trang của tỉnh đang đứng chân ở vùng căn cứ Long Nguyên, Thanh Tuyền, Kiến An.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng và cấp ủy các Chi bộ mật, quần chúng công nhân đã tích cực đóng góp lương thực nuôi quân, tham gia phong trào tòng quân, phong trào luân phiên nhau đi làm dân công hỏa tuyến.

Thế và lực của phong trào cách mạng Dầu Tiếng đã vững vàng trong thế trận mới: các xã thôn đều có Chi bộ, đội du kích; vùng thị trấn có hai Chi bộ mật và một số Đảng viên, cùng hàng trăm cơ sở quần chúng nòng cốt; căn cứ của huyện nối liền với vùng căn cứ rộng lớn của tỉnh, của Miền cả phía trước và phía sau. Đội vũ trang

tuyên truyền của Dầu Tiếng mới được xây dựng đã thực hiện được vai trò hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng và đang từng bước được xây dựng, phát triển.

Hoạt động của lực lượng vũ trang Dầu Tiếng và các xã, ấp đã hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở địa phương phát triển. Các tổ chức, đoàn thể cách mạng cả trong vùng giải phóng và trong cả ấp chiến lược vẫn hoạt động, tập hợp đông đảo các lứa tuổi, các giới tham gia. Tổ chức Nông hội, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công đoàn giải phóng... vận động quần chúng tham gia sản xuất, đóng góp lúa gạo, thực phẩm, thuốc men... ủng hộ cách mạng. Các cuộc đấu tranh chính trị được Chi bộ lãnh đạo tổ chức, bố trí lực lượng phía trước, phía sau... giúp đỡ việc gia đình cho những người có con nhỏ đi đấu tranh... Ai cũng có nhiệm vụ trong cuộc đấu tranh, trong một đợt hoạt động.

Sau đợt vũ trang tuyên truyền, ở Dầu Tiếng khí thế cách mạng của quần chúng lên cao, tổ chức đấu tranh với Chính quyền Sài Gòn đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống bắt lính, phản đối việc bắt thanh niên và phụ nữ vào các tổ chức đoàn thể của Chính quyền Sài Gòn như “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”... Công nhân rĩ tai nhau về lực lượng vũ trang cách mạng, một số người còn công khai thông tin cho lính về lực lượng Tiểu đoàn 500 của cách mạng, làm cho bọn lính hoang mang. Một số tên tề xã bỏ việc, ban đêm trốn về thị trấn ngủ.

Tháng 01 – 1960, sau Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15 Ban chấp hành Trung ương của Tỉnh ủy, Ban cán sự huyện Dầu Tiếng càng đẩy nhanh công tác chuẩn bị cho Đồng Khởi, quyết định thành lập đội vũ trang tuyên truyền với hơn chục đồng chí. Có lực lượng, có vũ khí, Ban cán sự quyết định tổ chức cuộc vũ trang tuyên truyền, chủ trương diệt ác và tuyên truyền khẩu hiệu “Hòa bình, thống nhất, tự do, cơm áo” để vận động quần chúng [7, tr5].

Một đêm cuối tháng 01 - 1960, đoàn vũ trang tuyên truyền gồm 5 đồng chí với 3 khẩu súng và một chiếc loa, bí mật tiến vào làng 10, rải truyền đơn và kêu gọi công nhân nổi trống mõ. Cả làng 10 giờ đêm thức dậy nổi trống mõ, đánh thùng thiếc. Lính dân vệ đang gác khu vực bót Xóm Chuối bỏ chạy; tề ấp, tề xã lẫn trốn. Đoàn vũ trang đốt trụ sở “Phong trào cách mạng quốc gia” xã Định Thọ đặt tại làng 10, sau đó chuyển xuống làng 3 tới làng 5.

Đêm mở màn vũ trang tuyên truyền ở làng 3 mà khắp đó đây trong các làng lân cận ở Dầu Tiếng đã vang tiếng đồn “Lực lượng cách mạng về”. Công nhân náo nức; một số lính dân vệ được người thân vận động đã bỏ súng; tề xã, áp co về thể thủ, có kẻ còn đi thanh minh với công nhân.

Từ sau tết 1960, Ban cán sự Đảng huyện Dầu Tiếng tập trung cán bộ, đảng viên bám địa bàn các làng cơ sở nòng cốt còn mỏng hoặc cơ sở cũ chưa được móc nối trở lại như làng 14, 15, 21, 22, 14 bis, 16, 18. Nhiều cơ sở cũ được móc nối lại, anh em rất phấn khởi, tích cực tham gia vận động quần chúng, xây dựng cơ sở ở các làng 14, 18, 21, 22... Nhờ đó, lần hồi cơ sở được khôi phục [9, tr118].

Tại xã Thanh Tuyền, cuối tháng 01 - 1960, đội vũ trang tự vệ do Lê Văn Khiêm chỉ huy đã tấn công đồn dân vệ Bến Súc, nhờ có một số cơ sở nội ứng trong đồn phối hợp đội vũ trang tự vệ xã Thanh Tuyền đã nhanh chóng làm chủ được đồn, diệt 6 lính Việt Nam Cộng Hòa, thu 18 súng. Số anh em làm nội ứng cùng một số tên lính bị bắt đều tình nguyện gia nhập đội vũ trang tự vệ xã.

Cho đến cuối tháng 02 - 1960, trên địa bàn Dầu Tiếng, Ban cán sự Dầu Tiếng đã có 10 Chi bộ, 14 Chi đoàn và trên 300 nòng cốt; mỗi nòng cốt lại có 5 hội viên nông hội; lực lượng vũ trang tự vệ đã hình thành. Các địa bàn đứng chân của Ban cán sự như Bà Tòng, Bến Lội, Tà Gòong, Bàu Le, Bàu Cây Cám, suối Dừa, lô 8, lô 7, hình thành các căn cứ xây dựng lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc nổi dậy.

Ngày 25 - 02 - 1960, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện Đồng Khởi trong toàn tỉnh, huyện Bến Cát là điểm chỉ đạo của tỉnh. Hầu hết các xã của huyện Bến Cát được du kích và đội vũ trang huyện hỗ trợ, quần chúng đồng loạt nổi dậy.

Tại căn cứ Bà Tòng xã Long Nguyên, đồng chí Trần Thị Hữu - Bí thư Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng đã chủ trì hội nghị Ban cán sự để nắm tình hình phong trào. Đến lúc này các đoàn công tác – “B” vũ trang tuyên truyền đã bám vững vào các làng công nhân. Các Chi bộ Đảng, Chi đoàn thanh niên trong các làng đa số còn giữ thể hợp pháp nên có nhiều thuận lợi trong công tác vận động quần chúng công nhân thực hiện các chủ trương của Ban cán sự Đảng. Phong trào cách mạng của công nhân cao su Dầu Tiếng khí thế đang trên đà phát triển mạnh mẽ.

Trong khi đó, tại xã Thanh An, Thanh Tuyên, Kiến An, Minh Thạnh, các Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng căn cứ, xây dựng xã, ấp chiến đấu, đánh địch càn quét, chống bắt sâu, bắt lính.

Tháng 9 – 1960, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Kỳ, tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên lần thứ hai. Riêng huyện Bến Cát và Dầu Tiếng giao về tỉnh Tây Ninh.

Thực hiện chỉ đạo chung của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng chủ trương đẩy mạnh hoạt động xây dựng cơ sở nòng cốt trong quần chúng nhân dân ở các làng làm nhân tố thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, tạo áp lực tại chỗ với địch. Đồng thời, qua phong trào bồi dưỡng phát triển được nhiều cơ sở trung kiên, cốt cán.

Cao trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn đã mâu thuẫn lại càng rồi ren hơn. Ngày 11 – 11 – 1960, phái chống Diệm – Nhu tiến hành cuộc đảo chính, dù cuộc đảo chính không thành công nhưng đã gây tâm lý hoang mang cho Chính quyền Sài Gòn ở cơ sở.

Trong tình hình đó, thực hiện chủ trương chung của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng chỉ đạo phát động đợt hoạt động đấu tranh chính trị trên diện rộng, bao gồm cả công nhân, nông dân các làng của sở cao su Dầu Tiếng, các xã Thanh An, Thanh Tuyên, Kiến An, Long Nguyên...

Giữa lúc phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đang sôi sục, ngày 20 – 12 – 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập và ra lời kêu gọi toàn dân đoàn kết kháng chiến, đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

Như vậy, cùng với các địa phương trong tỉnh và toàn miền Nam, sau phong trào đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, Ban cán sự Đảng và nhân dân Dầu Tiếng đã tiến hành cuộc Đồng khởi với sự hỗ trợ tích cực của lực lượng vũ trang tự vệ, diệt ác, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ thêm một số địa bàn ở cả các làng cao su và vùng nông thôn rộng lớn, nối liền với căn cứ địa của tỉnh và của Miền, tạo nên thế và lực mới cho phong trào cách mạng chuyển sang giai đoạn tiến công địch.

Cùng với nhiều địa phương trong tỉnh và toàn miền, sau phong trào đấu tranh chính trị sôi sục đòi chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Giơnevơ, ngọn lửa cách mạng của nhân dân Dầu Tiếng đã vượt qua thời kỳ đen tối nhất của cách mạng trong những năm 1956 – 1959. Dù chịu nhiều tổn thất, hy sinh nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng trung kiên bị Chính quyền Sài Gòn sát hại, cầm tù trong các chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” của Mỹ - Diệm, phong trào cách mạng có lúc tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng nhờ có những cán bộ, đảng viên trung kiên, sẵn sàng xả thân cho cách mạng, bám địa bàn, được quần chúng chở che, nuôi dưỡng vượt qua mấy mùa giông bão khủng bố của kẻ thù đã trở thành những “hạt giống đỏ” của Đảng ở Dầu Tiếng, kiên trì xây dựng cơ sở, từng bước khôi phục phong trào; tổ chức Đảng từng bước được phục hồi, xây dựng, tiếp tục lãnh đạo đưa phong trào cách mạng từng bước lớn lên trong những ngày Đồng Khởi, nổi dậy diệt ác, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ trên một số địa bàn ở cả các làng đồn điền cao su và vùng nông thôn rộng lớn, nối liền địa bàn căn cứ cách mạng của tỉnh, của Miền, tạo thế mới, lực mới cho phong trào cách mạng của địa phương chuyển sang giai đoạn phát triển mới trong thế tiến công địch.

Như vậy, cùng với các địa phương trong tỉnh và toàn miền Nam, sau phong trào đấu tranh chính trị đòi Chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Giơnevơ, Ban Cán sự Đảng và nhân dân huyện Dầu Tiếng tiến hành cuộc Đồng Khởi với sự hỗ trợ tích cực, là nòng cốt của lực lượng vũ trang tự vệ, diệt ác, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ trên một số địa bàn ở các làng cao su và vùng nông thôn rộng lớn, nối liền với căn cứ địa của tỉnh và của Miền, tạo nên thế và lực mới cho phong trào cách mạng chuyển sang giai đoạn tiến công đối phương.

2.2. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 – 1965)

Sau cuộc Đồng khởi của nhân dân ta năm 1960 cùng với sự phát triển ngày càng lớn mạnh của cách mạng miền Nam, Mỹ đã thấy rõ sự thất bại của “Chiến tranh đơn phương” là không tránh khỏi. Để giành lại ưu thế trên chiến trường, nhanh chóng bình định miền Nam, sớm kết thúc chiến tranh, tháng 01 –

1961, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, âm mưu tiêu diệt phong trào cách mạng ở miền Nam trong thời gian sớm nhất có thể, đồng thời cứu nguy cho chính quyền Sài Gòn đang bị lung lay.

Thực hiện ý đồ của Mỹ, Ngô Đình Diệm chia lại chiến trường, lập ra các vùng chiến thuật, hoàn chỉnh các tiểu khu và chi khu quân sự, củng cố mạng lưới tình báo, gián điệp, tề xã, ấp... Bộ máy hành chính cấp tỉnh, quận chuyển thành chính quyền quân sự do các sĩ quan cấp đại tá làm tỉnh trưởng, trung tá hoặc thiếu tá làm quận trưởng. Quân đội Sài Gòn xây dựng và phát triển các đơn vị chủ lực từ 10 sư đoàn lên 18 sư đoàn, nhiều tiểu đoàn lính dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân, truyền tin, không quân, hải quân, tăng thiết giáp, pháo binh. Chính quyền Diệm còn bắt buộc tất cả thanh niên có bằng tú tài I trở lên đều phải trải qua một khóa học tại trường sĩ quan trừ bị. Ở địa phương, chúng xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, bố trí xây dựng thêm nhiều đồn bót trên các trục giao thông.

Trong tình hình phong trào phát triển mạnh, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng chủ trương một số biện pháp giải quyết những vấn đề cấp bách đang đặt ra về phát triển tổ chức Đảng, phát triển lực lượng nòng cốt ở cơ sở; vấn đề đào tạo cán bộ, những khó khăn về vũ khí, trang bị... Ban cán sự quyết định kết hợp đào tạo bồi dưỡng kiến thức về công tác vận động quần chúng tại chỗ với lựa chọn một số anh chị em đưa về trường Đảng của tỉnh học tập.

Trước “quốc sách” càn quét, gom dân lập ấp chiến lược của Chính quyền Sài Gòn diễn ra ác liệt, vào cuối năm 1961, quán triệt Nghị quyết của Đảng, Ban cán sự Đảng Dầu Tiếng quyết định tập trung lãnh đạo, đẩy mạnh hoạt động vũ trang hỗ trợ đặc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Mọi người, mọi ngành tích cực tham gia công tác binh vận, lôi kéo binh lính Sài Gòn, bảo vệ nhân dân, chống kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược của đối phương. Thông qua đấu tranh, phát triển cơ sở cách mạng, kết hợp tranh thủ mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày để đào tạo bồi dưỡng cán bộ chính trị, cán bộ quân sự.

Sang năm 1962, Mỹ - Diệm đẩy mạnh kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược trên quy mô lớn. Chương trình ấp chiến lược được Diệm đưa lên thành “quốc sách” với chủ trương phá sạch, đốt sạch, gom dân theo kiểu “tát

nước bắt cá”. Tỉnh Phước Thành và tỉnh Thủ Dầu Một nằm trên vành đai Sài Gòn là trọng điểm “bình định” của địch ở Đông Nam Bộ. Trên địa bàn Dầu Tiếng, địch ráo riết thực hiện kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược. Chúng bắt dân mỗi người phải nộp 50 trụ dài 2,5m để làm hàng rào ấp chiến lược, 500 chông tre để cắm bờ đê ấp chiến lược, đào 10m giao thông hào rộng 3m, phải làm xong “nghĩa vụ” trong 1 tuần, ai không làm thì nộp 500 đồng (tương đương 60kg gạo), ai không chấp hành thì phải chịu hình phạt vì tội chống lệnh [9, tr125, 126].

Bên cạnh bộ máy chính quyền, Ngô Đình Diệm tăng cường lực lượng quân đội, bảo an, dân vệ và chủ lực; lực lượng công an, cảnh sát, hiến binh. Chúng bố trí trên địa bàn Dầu Tiếng hàng chục tua bót quan trọng như: bót Cầu Tàu, tua Cầu Cát, Cầu Đức, Rạch Sơn, bót ấp chiến lược Giáng Hương... Chính quyền Sài Gòn còn bắt ép thanh niên cả nam và nữ vào tổ chức Thanh niên chiến đấu và Thanh niên Cộng hòa, bắt học quân sự và phát súng bắt tham gia canh gác. Từ cuối năm 1962, trên địa bàn Dầu Tiếng, quân đội Sài Gòn tăng cường 1 tiểu đoàn chủ lực thuộc Sư đoàn 5 quân đội Sài Gòn hỗ trợ cho lực lượng dân vệ, bảo an gom dân lập ấp chiến lược Phú Bình, Giáng Hương cắm sâu vào vùng căn cứ của ta. Đồng thời, quân đội Sài Gòn còn tổ chức nhiều cuộc hành quân khủng bố nhân dân, tìm diệt lực lượng cách mạng.

Khó khăn lớn nhất của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ là thiếu vũ khí trang bị. Để giải quyết vấn đề này, Ban Cán sự Đảng chủ trương lập công trường chế tạo vũ khí ở rừng căn cứ Bà Tòng xã Long Nguyên. Bằng những dụng cụ tự chế, xưởng đã tạo ra một vài súng ngựa trời, súng kalip, bàn chông sắt, mìn, trái gài... sau đó tự tạo được khẩu súng colt 12 ly. Số lượng vũ khí tạo ra quá ít trong khi lực lượng vũ trang đang phát triển nhiều về số lượng, do đó, bên cạnh việc tự tạo vũ khí, Ban Cán sự Đảng chủ trương đánh đổi phương lấy súng đối phương để trang bị cho lực lượng vũ trang của huyện. Nhờ có vũ khí, lực lượng vũ trang huyện và du kích các xã được trang bị tốt hơn và tích cực hoạt động tác chiến, hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Để phù hợp với tình hình chung của địa bàn, Ban cán sự Đảng cao su Dầu Tiếng chủ trương cùng với việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tập

trung, ở các làng cao su tổ chức 7 đoàn công tác (mỗi đoàn công tác ở 2 hoặc 3 làng) vừa làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở vừa hoạt động vũ trang, nhưng lấy nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị làm trọng tâm. Ban cán sự Đảng thống nhất dùng bí danh “B” để đặt tên cho các đoàn công tác theo thứ tự từ “B22” đến “B28”, vừa đảm bảo bí mật, cũng là hình thức để gây thanh thế tác động tâm lý đối phương. Tùy tình hình từng địa bàn, mỗi đoàn công tác có 6 đến 8 đồng chí, có cán bộ phong trào, có cán bộ vũ trang, do đồng chí B trưởng chỉ huy, hoạt động của các đoàn công tác do Ban cán sự Đảng trực tiếp chỉ đạo.

Đến đầu 1963, cách mạng miền Nam có bước phát triển mới, sau chiến thắng Ấp Bắc tháng 01 – 1963 của quân và dân Mỹ Tho, Trung ương Cục phát động phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” trong toàn miền Nam. Tháng 5 – 1963, Khu ủy miền Đông quyết định mở đợt phản công đồng loạt trên chiến trường Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt sinh lực địch và tạo thế trận cho quần chúng nổi dậy phá vỡ hệ thống ấp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Ở tỉnh Thủ Dầu Một nói chung và địa bàn Dầu Tiếng nói riêng, phong trào cách mạng trở nên sôi nổi, nhất là phong trào phá ấp chiến lược. Ở Dầu Tiếng, cuộc đấu tranh phá ấp chiến lược của quân và dân Dầu Tiếng diễn ra ngày càng quyết liệt.

Tại Dầu Tiếng, từ năm 1963, Ban cán sự Đảng đã chỉ đạo Chi bộ các xã, các làng, phân công cán bộ, đảng viên mật, cơ sở quần chúng cách mạng, cùng các đoàn công tác, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng xây dựng cơ sở binh vận trong công nhân và vùng nông thôn. Ban cán sự Đảng chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng tập trung phá ấp chiến lược Giáng Hương, Phú Bình, vì hai ấp chiến lược này nằm sâu trong vùng căn cứ của ta.

Sau ấp chiến lược Giáng Hương, Phú Bình bị phá vỡ, lực lượng vũ trang phối hợp lực lượng tại chỗ cùng quần chúng tiếp tục tấn công ba mũi vào ấp chiến lược làng 2. Ấp chiến lược làng 2 chỉ cách thị trấn 700 - 800m, nhưng lực lượng du kích và cơ sở tại chỗ mạnh, ta giữ được thế tranh chấp. Du kích, bộ đội đào hầm bí mật trụ lại cả trong làng 6, làng 4, hỗ trợ quần chúng đốn tre, chặt cây vót chông, làm hầm chông, hố đinh thành những bãi tử địa, kết hợp hàng rào, buộc địch mỗi lần vào đồn điền phải đi theo những con đường nhất định.

Như vậy, từng bước ta đã biến áp chiến lược của đối phương thành làng chiến đấu của ta. Cán bộ trong Ban tự quản cùng Cán bộ phong trào bám chặt công nhân, đối phương có chủ trương gì, ta lập tức tập hợp lực lượng, huy động cả hai, ba chục xe đưa rước công nhân nhập thị. Tháng nào cũng có những bản kiến nghị yêu sách mang nhiều chữ ký của công nhân, của cả gia đình vợ con binh sĩ đưa vào quận. Mỗi lần quân đội Sài Gòn đổ quân lùng bắt thanh niên đi lính, cơ sở mật vận động một số chị em gia đình binh sĩ bông bế con cái vào dinh quận trưởng để con ở đấy rồi đi ra. Lũ trẻ thiếu mẹ la khóc inh ỏi, ỉa, đái lung tung. Lính gác truy hỏi, chị em trả lời: “Chồng đi lính, nhà thiếu ăn, không nuôi nổi con, đành đưa lên nhờ quận nuôi giùm”.

Trong khi đó, tại xã Thanh An, Thanh Tuyền, đội du kích đã nhiều lần phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Bắc Bến Cát, lực lượng Trung đoàn 762 phục kích đánh thiệt hại nặng trung đội địch tại của Sao Bọng ấp Suối Dừa; diệt trung đội bảo an đồn Thanh An tại ấp Bến Tranh khi chúng hành quân thực hiện gom dân; tập kích đồn Cỏ Trách... hỗ trợ cho quần chúng nhỏ cọc rào, phá bờ đê áp chiến lược. Các áp chiến lược ở Thanh An, Thanh Tuyền bị du kích kết hợp quần chúng phá đi, phá lại nhiều lần. Bộ máy kìm kẹp tại chỗ của Chính quyền Sài Gòn thực chất chỉ còn trên danh nghĩa, chủ yếu dựa vào lực lượng bảo an, dân vệ đóng trong các đồn bót kiểm soát trong vòng rào của ấp về ban ngày, còn ban đêm thì du kích, cán bộ cơ sở làm chủ.

Ngày 31 - 12 - 1963, tiểu đoàn “Cọp đen” tràn quét vào Thanh Tuyền. Cả đội hình tiểu đoàn quân đội Sài Gòn đi lọt vào trận địa phục kích của 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 762 chủ lực Miền, bộ đội địa phương và du kích Thanh Tuyền tại ấp Đường Long. Lực lượng vũ trang ta đã đánh diệt gọn và xóa phiên hiệu tiểu đoàn “Cọp đen” - đơn vị sừng sỏ hiếu chiến của đối phương.

Chiến thắng Đường Long như tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng thêm phần khởi tiếp tục kết hợp ba mũi giáp công đẩy mạnh tiến công ba mũi, phá áp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

Từ cuối năm 1963, đầu năm 1964, trên chiến trường của tỉnh cũng như của miền Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang ta vào mùa hoạt động tác chiến, nhu cầu huy động dân công ngày càng tăng. Do đó, các nơi đều tập trung xây dựng lực lượng thanh niên xung phong, dân công. Tại Dầu Tiếng, Ban cán sự Đảng tập trung chỉ đạo cho các Chi bộ, các đoàn thể, Ủy ban tự quản, tập trung lo cho việc tổ chức sắp xếp người ở, người đi, để bà con đùm bọc, giúp nhau cùng chia sẻ công việc cách mạng. Ban Cán sự chủ trương xây dựng lực lượng dân công trong công nhân cao su bằng phong trào “Sáu cạo, ba trút, một đi”. Tức là: cứ 10 công nhân thì có 1 người đi dân công vì 9 người ở lại làm thay. Thời gian đi chia làm 3 loại: 1 tháng, 2 tháng, 6 tháng và cứ thế thay đổi nhau. Với sáng kiến này, Đảng bộ Dầu Tiếng đã được Trung ương Cục miền Nam khen ngợi và được phổ biến nhân rộng cho nhiều đồn điền khác ở miền Đông Nam Bộ.

Về lực lượng du kích, Ban Cán sự Đảng Dầu Tiếng cũng chủ trương từng bước chuyển dần du kích thoát ly ở căn cứ về các làng cao su cùng du kích mật xây dựng mỗi làng có một đội du kích, xây dựng làng thành làng chiến đấu. Đồng thời với xây dựng phát triển lực lượng du kích, Ban Cán sự Đảng Dầu Tiếng chủ trương đưa một số dân quân, du kích và thanh niên tình nguyện thoát ly bổ sung phát triển lực lượng Đại đội 64. Qua đợt bổ sung quân số, Đại đội 64 đạt quân số gần 100 cán bộ, chiến sĩ.

Bước sang năm 1964, thực hiện chủ trương của Đảng là đẩy mạnh đấu tranh ba mũi giáp công phá ấp chiến lược của Chính quyền Sài Gòn, mở rộng vùng giải phóng, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tiếp tục phát động phong trào phá ấp chiến lược của Chính quyền Sài Gòn, đồng thời chống quân đội Sài Gòn càn quét lấn chiếm căn cứ. Để mở rộng địa bàn căn cứ Bắc Bến Cát, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương giải phóng hai xã Thanh An và Thanh Tuyền tạo thế liên hoàn với căn cứ Long Nguyên, đồng thời nối liền với các căn cứ dọc phía Đông Sài Gòn.

Đến cuối năm 1964, tại Dầu Tiếng, với 11 làng giải phóng ta đã xây dựng được 5 Chi bộ, một số làng đã bầu Ủy ban nhân dân cách mạng, tất cả các làng giải phóng đều xây dựng được từ 1 tổ đến 1 tiểu đội du kích chiến đấu, có 5 – 7 tự vệ mật, lực lượng du kích, tự vệ không thoát ly đồn điền và nghề nghiệp sinh sống. Du

kích, tự vệ mật đã bám địa phương hoạt động, hỗ trợ đắc lực cho quân chúng tham gia phá hoại đường giao thông, xây dựng ô ụ, hầm hào chiến đấu.

Bước vào Đông – Xuân 1964 – 1965, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, ta lại mở những chiến dịch lớn như Bình Giã, Đồng Xoài – Phước Long... hàng trăm công nhân Dầu Tiếng lại đi dân công. Hội đồng cung cấp của Dầu Tiếng đã có chân rết ở các làng giải phóng cùng với cơ sở mật trong quần chúng nhân dân, vừa tiếp nhận vận chuyển hàng của trên, vừa thu mua lương thực, thực phẩm từ các cơ sở của ta trong vai thương lái chuyển ra. Ở các vùng nông thôn như Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An... thành lập trung đội xe bò làm nhiệm vụ vận chuyển hàng từ các cửa khẩu, các bến bãi tập kết lương thực, thực phẩm của các đoàn hậu cần tỉnh, khu bằng cả đường sông và đường bộ vận chuyển về căn cứ phía sau. Cấp ủy Chi bộ các xã phân công bố trí cán bộ, đảng viên đi cùng các đoàn dân công xe bò trong mỗi chuyến hàng. Đêm nào ở Thanh An, Thanh Tuyền cũng có trung đội dân công xe bò của hội đồng cung cấp xã vận chuyển hàng từ bên bờ sông Sài Gòn về căn cứ Long Nguyên, chuyển tới các trạm trung chuyển ở phía Tây đường 13 giao cho các đơn vị khác.

Liên tục những tháng cuối năm 1964 đến những tháng đầu năm 1965, hòa trong tình hình chung ở khu vực miền Đông Nam Bộ, cuộc chiến tranh nhân dân ở địa bàn Dầu Tiếng phát triển mạnh, các lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh, vùng giải phóng của ta được mở rộng. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam cơ bản đã bị quân dân ta đánh bại.

Đầu năm 1965, thực hiện chủ trương của Khu ủy miền Đông về việc Dầu Tiếng phải đi trước một bước về xây dựng làng chiến đấu làm “mô hình” cho Khu ủy rút kinh nghiệm chỉ đạo các đồn điền khác ở miền Đông. Hội nghị thường vụ Đảng ủy Dầu Tiếng đã đánh giá tình hình chung phong trào cách mạng của địa phương trong thời gian vừa qua và chỉ rõ những vấn đề phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng trong thời gian tới theo chủ trương chỉ đạo của Khu ủy miền Đông và của Tỉnh ủy. Đồng thời, bên cạnh đại đội 64, Huyện ủy Dầu Tiếng quyết định thành lập Đội biệt động, lấy phiên hiệu B3, quân số 38 cán bộ, chiến sĩ, chủ yếu hoạt động tác chiến trong thị trấn.

Đến giữa năm 1965, vùng giải phóng Dầu Tiếng được mở rộng nối liền đến Nam Bến Cát, trải dài từ Minh Thạnh, Minh Hòa, Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An đến căn cứ Long Nguyên, hình thành một vùng căn cứ rộng lớn. Đường hành lang từ Long Nguyên sang chiến khu Dương Minh Châu, qua chiến khu Đ được nối thông. Từ đó, đường giao liên từ căn cứ Tỉnh đội đến các Huyện đội, từ Huyện đội xuống các xã được nối thông. Nhân dân trong vùng giải phóng cũng như trong vùng địch kiểm soát đã đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của cho cách mạng. Lực lượng vũ trang không ngừng được xây dựng, phát triển và trưởng thành. Bên cạnh đại đội 64 bộ đội địa phương còn có Đội biệt động B3, lực lượng du kích ở các xã, các làng cùng với Đảng bộ và nhân dân, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng đã sẵn sàng cùng quân, dân trong tỉnh, toàn miền và cả nước quyết tâm chiến đấu, đánh thắng mọi âm mưu xâm lược phản động của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn [9, tr 138].

Thông qua thực tiễn, các cấp Ủy, Chi, Đảng bộ ngày càng bám sát phong trào, lực lượng vũ trang ngày càng phát triển và trưởng thành, tác chiến hoạt động phục vụ đắc lực cho phong trào nổi dậy của quần chúng. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện qua chiến đấu, qua xây dựng phong trào đã trưởng thành. Quần chúng nhân dân, công nhân trong đồn điền một lòng theo Đảng, đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của cho cách mạng. Vùng giải phóng, vùng căn cứ Dầu Tiếng, Bắc Bến Cát là cầu nối Dương Minh Châu với Chiến khu Đ, cùng với căn cứ các huyện Củ Chi, huyện Trảng Bàng của tỉnh Tây Ninh trở thành căn cứ đứng chân xây dựng lực lượng của các đơn vị Y4; T4, khu Sài Gòn - Gia Định, các kho trạm của các đoàn hậu cần, căn cứ của nhiều đơn vị tỉnh, của Miền; cũng là bàn đạp cho các đơn vị chủ lực của tỉnh, của Miền mở những trận đánh tiêu diệt lớn sinh lực của quân đội Sài Gòn ở Dầu Tiếng, Lai Khê, Bàu Bàng, Bến Cát...

Từ đầu năm 1965, quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai chuẩn bị thật tốt thực lực cách mạng về mọi mặt: tăng cường công tác giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng quyết tâm, ý chí chiến đấu, huấn luyện trình độ kỹ thuật, chiến thuật cho lực lượng vũ trang; động viên cán bộ, chiến sĩ và mọi tầng lớp nhân dân từ vùng giải phóng đến vùng Chính quyền Sài Gòn kiểm soát, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về đẩy mạnh và phát triển chiến tranh du kích, tiến công đối phương về mọi mặt, xây dựng cơ sở chính trị, sơ sở binh

vận trong dân, xây dựng căn cứ địa bám trụ ngoài địa hình kết hợp với bám trụ trong dân, quyết tâm bám đất, bám dân, Huyện ủy Dầu Tiếng đã lãnh đạo quân và nhân dân Dầu Tiếng luôn trong tư thế sẵn sàng quyết chiến với đối phương.

Trong suốt quá trình vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang, lãnh đạo đấu tranh quân sự, Huyện ủy Dầu Tiếng thường xuyên tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục và Nghị quyết của Tỉnh ủy. Qua đó, tăng cường sự thống nhất chủ trương, đường lối của Đảng, rèn luyện ý chí, củng cố tinh thần cho cán bộ, đảng viên, cho lực lượng vũ trang nhân dân giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Tận dụng thời gian không có hoạt động tác chiến, Ban Chỉ huy Huyện đội tăng cường công tác tư tưởng, xây dựng, củng cố ý chí quyết tâm chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ, tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ học tập chính trị và huấn luyện quân sự, tổ chức lực lượng chủ động áp sát đánh đối phương ngay tại sào huyệt của họ.

Tiểu kết chương 2

Dầu Tiếng với những điều kiện tự nhiên, sông suối, thổ nhưỡng, khí hậu và giao thông thuận lợi, nơi đây có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự trên của ngõ Tây bắc Sài Gòn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Dầu Tiếng trở thành căn cứ kháng chiến của cách mạng, căn cứ xây dựng lực lượng, căn cứ hậu cần, căn cứ của các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy của Quân khu VII, khu Sài Gòn – Gia Định và nhiều đơn vị, địa phương, Dầu Tiếng còn là bàn đạp trong hoạt động tác chiến của bộ đội chủ lực.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn giai đoạn 1954 – 1965, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng kịp thời xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân du kích, xúc tiến nhanh công tác dân vận, binh vận, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong mặt trận dân tộc thống nhất, đấu tranh vì độc lập, tự do, cơm áo và hòa bình; kịp thời quán triệt, phổ biến, thực hiện các Chỉ thị, chủ trương của Trung ương Cục, của tỉnh, thường xuyên tổ chức các buổi học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần chiến đấu dũng cảm cho cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, tạo lòng tin sâu sắc của quần chúng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, từng bước vô hiệu hóa các âm mưu, thủ đoạn của địch, làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, tạo thế trận vững vàng cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 3. ĐẢNG BỘ HUYỆN DẦU TIẾNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1965 – 1975

3.1. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 – 1968)

Cuối năm 1964, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thất bại, Mỹ tiếp tục dần sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam bằng chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Cuộc chiến của Mỹ ở miền Nam bắt đầu bằng các chương trình “tìm diệt” và “bình định” nhằm đánh phá phong trào cách mạng của nhân dân ta. Tháng 5 – 1965, quân đội Mỹ đặt chân lên Vũng Tàu chính thức bắt đầu cuộc chiến ở chiến trường Đông Nam Bộ.

Tháng 9 – 1965, Mỹ đổ quân vào tỉnh Thủ Dầu Một gồm Sư đoàn BB1, biệt danh Anh cả đỏ: chốt 1 lữ đoàn ở Lai Khê, 1 lữ đoàn ở Phước Vĩnh, 1 lữ đoàn ở Hớn Quản. Đến tháng 8 – 1966, Mỹ tăng cường Sư đoàn 25 biệt danh Tia chớp nhiệt đới: chốt 1 lữ đoàn ở Dầu Tiếng, 1 lữ đoàn ở Đồng Dù (Củ Chi), 1 lữ đoàn ở Hậu Nghĩa (Long An)... Lữ đoàn 3 Sư đoàn 25 Mỹ chốt tại Dầu Tiếng gồm 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội trinh sát biệt kích, 1 đại đội công binh, 1 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo 105 và 155 ly, 1 phi đội trực thăng (24 chiếc). Mỹ mở rộng sân bay cho máy bay C130 lên xuống tiếp tế cho lữ đoàn Mỹ. Bên cạnh đó, tại Dầu Tiếng, Chính quyền Sài Gòn tổ chức đầy đủ bộ máy hành chính quận Trị Tâm và Chi khu quân sự có Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 8, Sư đoàn 5 quân đội Sài Gòn, 2 đại đội bảo an, 10 trung đội cận vệ, 1 đại đội pháo 105 ly. Đồng thời, quân đội Mỹ còn xây dựng thêm nhiều đồn, bót, tua, chốt [5, tr224].

Nhằm động viên quân dân trong huyện đẩy mạnh xây dựng căn cứ, xây dựng thực lực mọi mặt, sẵn sàng đánh thắng Mỹ và quân đội Sài Gòn trong mọi tình huống, Huyện ủy Dầu Tiếng tổ chức quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục miền Nam tháng 01 - 1965 và chỉ thị của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tới các chi cục, các đơn vị lực lượng vũ trang.

Trước một đối tượng kẻ thù mới là quân viễn chinh Mỹ được trang bị đầy đủ vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, Thường vụ Huyện ủy đã tăng cường công tác giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng quyết tâm, chuẩn bị tốt về tinh thần, ý chí chiến đấu, trình độ tác chiến, kỹ thuật cho lực lượng vũ trang. Đồng thời, triển khai chuẩn bị thật tốt về thực lực cách mạng mọi mặt. Quyết tâm của Trung ương Cục đã trở thành quyết tâm của toàn thể Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng. Đó là nhiệm vụ cấp bách về công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng, xây dựng thể trận đã được cấp ủy Chi bộ, cán bộ chủ trì từng cơ quan, từng đơn vị từ huyện đến xã, ấp, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo động viên cán bộ, chiến sĩ và mọi tầng lớp nhân dân từ vùng giải phóng tới vùng Mỹ và quân đội Sài Gòn kiểm soát, đóng góp sức người sức của, ủng hộ cách mạng.

Tại Dầu Tiếng, âm mưu của Chính quyền Sài Gòn là “Đồn làng” chuẩn bị chiến trường cho quân Mỹ triển khai lực lượng. Trên 4.000 hecta cao su bị Chính quyền Sài Gòn cho đốt cháy cùng với hàng trăm hecta bị ủi sạch. Làng 6 là vùng giải phóng bị quân đội Sài Gòn tàn phá nặng nề nhất. Cùng với việc tàn phá làng công nhân và vườn cây cao su, Mỹ còn thúc ép chủ đồn điền người Pháp phải thực hiện cuộc giải công tập thể, làm cho nguy cơ công nhân bị mất việc làm. Trong tình hình đó, Thường vụ Huyện ủy Dầu Tiếng chỉ đạo cấp ủy Chi bộ các làng vận động công nhân đấu tranh đòi chủ Tây không được đóng cửa đồn điền.

Để đối phó với Mỹ và quân đội Sài Gòn, Ban cán sự Đảng và Ban chỉ huy quân sự tỉnh tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, chuẩn bị tinh thần, ý chí chiến đấu, sự quyết tâm trong toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đồng thời tổ chức huấn luyện nâng cao kỹ thuật, chiến thuật cho lực lượng vũ trang; triển khai công tác chuẩn bị các mặt hậu cần, vũ khí trang bị, đảm bảo cho cuộc chiến đấu lâu dài, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Bước vào năm 1965, Dầu Tiếng cũng như toàn chiến trường miền Nam bắt tay vào cuộc chiến chống chiến lược chiến tranh mới của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn – chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Bên cạnh việc tổ chức chuẩn bị chiến trường, từng đoàn nam nữ thanh niên xung phong sẵn sàng lên đường tham gia dân công phục vụ chiến đấu. Nhân dân nô nức góp của, góp công phục vụ kháng

chiến. Tại các xã Minh Thạnh, Minh Hòa chỉ trong một đợt vận động, nhân dân đã góp hơn 50 tấn lúa và 60 thanh niên nam nữ tham gia dân công. Ở xã Thanh An, hàng chục thanh niên tình nguyện tham gia du kích.

Giữa năm 1965, để thuận lợi trong lãnh đạo, chỉ đạo, Trung ương Cục quyết định thành lập huyện Dầu Tiếng, Ban chấp hành Huyện ủy có 11 đồng chí, đồng chí Đỗ Văn Thù làm Bí thư, đồng chí Đoàn Văn Tiến làm Phó Bí thư kiêm Huyện đội trưởng, cấp trên đưa về bổ sung đồng chí Nguyễn Việt Trân vào Ban Thường Vụ Huyện ủy kiêm Bí thư Ban cán sự - Chính trị viên Huyện đội [9, tr141].

Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai chuẩn bị thật tốt thực lực cách mạng về mọi mặt: tăng cường công tác giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng lòng quyết tâm, ý chí chiến đấu, huấn luyện trình độ kỹ thuật, chiến thuật cho lực lượng vũ trang; động viên cán bộ, chiến sĩ và mọi tầng lớp nhân dân từ vùng giải phóng đến vùng Chính quyền Sài Gòn kiểm soát đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, Ban chỉ huy Huyện đội phát động các đợt tòng quân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về đẩy mạnh và phát triển chiến tranh du kích, tiến công đối phương về mọi mặt, xây dựng cơ sở chính trị, cơ sở binh vận trong dân, xây dựng căn cứ địa bám trụ ngoài địa hình kết hợp với bám trụ trong dân, quét tâm bám đất, bám dân, Huyện ủy Dầu Tiếng lãnh đạo quân và dân Dầu Tiếng luôn trong tư thế sẵn sàng quyết chiến với Mỹ và quân đội Sài Gòn. Huyện ủy Dầu Tiếng còn chủ trương mở đợt tuyên truyền chiến thắng và phát động căm thù. Đồng thời, chỉ rõ cuộc chiến đấu ác liệt, lâu dài, gian khổ, nhưng chúng ta nhất định sẽ chiến thắng. Những vấn đề đặt ra lúc này là phải tiếp tục công tác giáo dục, động viên lòng yêu nước, căm thù kẻ xâm lược và bọn phản động, tin thần chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì quyền dân sinh, dân chủ cho quần chúng; xây dựng lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào thắng lợi chính nghĩa của cách mạng; xây dựng cho mỗi đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ tinh thần xả thân vì nước, dám đánh và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bọn tay sai phản động.

Nắm được ý đồ của địch, từ đầu tháng 7 - 1965, Ban chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo cho huyện đội Dầu Tiếng sử dụng lực lượng Đại đội 64 và du kích xã Thanh An tiếp tục bao bố và dùng cối 60 ly bắn cầm canh, tạo áp lực buộc đối phương phải đưa quân ra giải tỏa, như đối phương ra để tiêu diệt. Suốt một tuần bị lực lượng Đại đội 64 vây hãm, quân đội Sài Gòn đóng tua Suối Dứa liên tục kêu cứu. Khoảng 9 giờ sáng ngày 8 - 7 - 1965, chúng cho 3 lính ra mở cổng đi lấy nước bị tổ trinh sát Đại đội 64 bắn tia chết một lính. Đối phương trúng kế “Điều hổ ly sơn” của ta, vội vã đưa Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 8, Sư đoàn 5 bộ binh chủ lực Việt Nam Cộng Hòa đang càn quét làng 4 quay về giải vây cho đồng bọn tua Suối Dứa. Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 8, Sư đoàn 5 bộ binh chủ lực của quân đội Sài Gòn, hùng hổ ra quân bằng những loạt đạn pháo, cối dọn đường. Đạn pháo địch bắn vào trận địa của du kích và lực lượng Đại đội 64 đang vây ép quân đội Sài Gòn ở tua Suối Dứa, nhưng anh em quyết tâm giữ vững trận địa “ép” đối phương mạnh hơn, như cho Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 8 tiếp tục hành quân tới trận địa phục kích của Tiểu đoàn Phú Lợi và Đại đội 64 đã đón lòng sẵn. Tiểu đoàn quân đội Sài Gòn hành quân lên cách Suối Dứa 300 mét thì lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn Phú Lợi và Đại đội 64 Dầu Tiếng. Bộ đội sử dụng hơn 300 trái thủ pháo tấn công mãnh liệt vào đội hình tiểu đoàn đối phương. Chỉ hơn 20 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt tiểu đoàn đối phương và 4 cố vấn Mỹ, bắt sống 49 lính, thu hơn 270 súng các loại, trong đó có cả súng M79 - một loại súng cá nhân mới xuất hiện lần đầu trên chiến trường.

Trận Suối Dứa trở thành trận đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ, một tiểu đoàn bộ đội địa phương tiêu diệt gọn một tiểu đoàn chủ lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng là trận chiến thu nhiều vũ khí nhất, bắt nhiều tù binh nhất; là trận đánh phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa lực lượng bộ đội chủ lực tỉnh với bộ đội huyện, du kích xã; thực hiện chiến thuật “vây đồn, diệt viện” ở ngay sát yết hầu của kẻ thù mà chúng không kịp trở tay đối phó. Chiến thắng Suối Dứa không chỉ là chiến công của Tiểu đoàn Phú Lợi, Đại đội 64, mà còn là chiến công của Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng.

Trong lúc Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng cùng với quân dân miền Nam đang bước vào cuộc chiến đấu gay go, quyết liệt với đối phương, ngày 20 – 7 – 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Đứng trước nguy cơ quân Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn” [20, tr470].

Đáp lời kêu gọi kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng cùng quân dân cả nước hưởng ứng mạnh mẽ cao trào thi đua với quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trên toàn chiến trường miền Nam, phong trào thi đua diễn ra sôi nổi trong toàn quân như “Tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt” và hàng loạt các danh hiệu thi đua như: “Dũng sĩ diệt Mỹ”, “Dũng sĩ diệt xe cơ giới”, “Dũng sĩ diệt xe tăng”, “Dũng sĩ bắn máy bay”, “Dũng sĩ quyết thắng”... Ở Dầu Tiếng, hầu hết các đơn vị như Đại đội 64, Đội biệt động và du kích các xã tích cực thi đua đạt nhiều danh hiệu kể trên. Trong thời gian này, ở công trường của huyện, các tổ tự tạo vũ khí của xã, của làng, ấp tích cực sản xuất vũ khí để phục vụ cho bộ đội địa phương và du kích trong việc đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Trong khi ta đang chuẩn bị chiến trường thì một chiến đoàn Mỹ thuộc Sư đoàn Bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” từ Lai Khê hành quân lên phía Nam áp Bàu Bàng

3 km. Ý định của Mỹ hành quân lên Chơn Thành đánh quật xuống phía Tây, hình thành thế bao vây kẹp chặt vùng tam giác Bắc Sài Gòn, nơi có nhiều cơ quan, kho tàng và “một sư đoàn Việt cộng đang ẩn náu” như Bộ Chỉ huy quân đội Mỹ ở Sài Gòn đã từng tuyên bố. Nhưng ý định của Mỹ chưa kịp thực hiện, cả chiến

đoàn Mỹ cùng lực lượng xe tăng yểm trợ đã bị lực lượng Sư đoàn 9 tấn công, tiêu diệt 2 tiểu đoàn và 2 chi đoàn xe tăng tại Bàu Bàng sáng ngày 12 - 11 - 1965 loại khỏi vòng chiến đấu 2040 lính Mỹ. Đây là lần đầu tiên quân giải phóng miền Nam diệt chiến đoàn Mỹ.

Không chịu thất bại, Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” tăng cường lực lượng củng cố lại chiến đoàn này và tiếp tục hành quân lên Chơn Thành, vòng

qua Dầu Tiếng, chốt từ làng 4 đến làng 10, thực hiện ý định cùng Chiến đoàn 7, Sư đoàn 5 Ngụy càn quét các làng ven rừng, thực hành bao vây chia cắt công trường 9 (Sư đoàn 9 chủ lực Miền) để tiêu diệt. Nhưng chính quân Mỹ và quân Ngụy đã bị bộ đội địa phương Bến Cát, Dầu Tiếng và lực lượng của tỉnh phối hợp lực lượng Sư đoàn 9, phục kích trên đường Cầm Xe – Dầu Tiếng, chia cắt đội hình 300 xe quân sự Mỹ, bắn cháy và phá hủy 20 xe.

Khi Mỹ - Ngụy ồ ạt triển khai lực lượng để thực hiện kế hoạch phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) cũng là lúc Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng đã ở tư thế sẵn sàng cùng nhân dân miền Nam bước vào cuộc đọ sức mới với kẻ thù. Cuối năm 1965, Tỉnh ủy quyết định cho thị trấn Dầu Tiếng thành lập Đảng ủy thị trấn. Đồng chí Trần Văn Lắc - người đảng viên hoạt động bám trụ ở vùng Định Thành căn cứ từ những ngày đấu tranh chính trị đòi thực hiện Hiệp định Gionevo... làm Bí thư. Để phù hợp với tình hình mới, Huyện ủy quyết định giao đội biệt động của huyện chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy thị trấn.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Huyện ủy Dầu Tiếng chỉ đạo cho Đảng ủy thị trấn và các Chi bộ cơ sở tăng cường xây dựng lực lượng cơ sở mật, phát triển đảng viên tự vệ mật, xây dựng lực lượng chính trị, binh vận trong công nhân khu ấp chợ, thị trấn, xây dựng căn cứ bám trụ trong dân để trong mọi tình huống khó khăn từng Chi bộ, từng đảng viên bám cơ sở trong dân lãnh đạo phong trào.

Bước sang năm 1966, quân Mỹ tiếp tục đẩy mạnh càn quét đánh phá vào các chiến khu của ta như Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Hồ Bò, Bời Lời, Bến Cát, Chiến khu Thuận An Hòa... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta.

Cuối tháng 4 – 1966, Huyện ủy Dầu Tiếng tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11, lần thứ 12, Nghị quyết của Trung ương Cục và Nghị quyết của Tỉnh ủy. Qua đó, tăng cường sự thống nhất chủ trương, đường lối của Đảng, rèn luyện ý chí cho cán bộ, đảng viên, cho lực lượng vũ trang nhân dân giữ vững niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Tận dụng thời gian không có hoạt động tác chiến, Ban chỉ huy Huyện đội tăng cường công tác

tư tưởng, xây dựng, củng cố ý chí quyết tâm chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ; tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ học tập chính trị và huấn luyện quân sự.

Ngày 13 – 10 – 1966, tại vùng căn cứ của huyện, quân dân Dầu Tiếng mở Đại hội Dũng sĩ diệt Mỹ lần thứ nhất. Hơn 30 đại biểu của các làng, xã, các ngành, các giới và 15 Dũng sĩ diệt Mỹ các cấp trong huyện về tham dự Đại hội. Đại hội phấn khởi, tự hào với thành tích đánh Mỹ, diệt quân đội Sài Gòn của quân và dân trong huyện thời gian qua, nhất là trong trận chiến chống càn 7 ngày (từ ngày 10 đến ngày 16 – 9 – 1966) đánh lui 2 tiểu đoàn Mỹ, loại khỏi vòng chiến gần 100 lính Mỹ, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng. Đại hội nghe những báo cáo về kinh nghiệm diệt Mỹ của 15 Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt xe tăng với nhiều nội dung rất phong phú và sinh động.

Cũng trong tháng 10 – 1966, Quân ủy Miền mở Hội nghị tổng kết phong trào chiến tranh du kích toàn miền lần thứ ba. Qua các báo cáo điển hình và đúc kết kinh nghiệm của một số đơn vị địa phương, Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ quan trọng cho quân và dân toàn Miền là phát triển phong trào chiến tranh du kích rộng khắp với phương châm ba mũi tiến công, đánh mạnh giao thông, đánh sâu vào hậu phương của Mỹ, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực, bộ đội tập trung của tỉnh, huyện tiến công tiêu diệt Mỹ mạnh mẽ hơn.

Từ cuối mùa mưa 1966, Mỹ tiến hành cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai 1966 – 1967 và tiếp tục thực hiện chiến lược 2 gọng kìm: “tìm diệt” và “bình định”, hướng chính là miền Đông Nam Bộ và trọng điểm đầu tiên là căn cứ Dương Minh Châu ở Tây Ninh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về phối hợp chiến trường, căng kéo buộc quân Mỹ phải đối phó với ta tại căn cứ của họ, Huyện đội Dầu Tiếng tổ chức lực lượng chủ động áp sát, đánh Mỹ ngay tại căn cứ của Mỹ khi chúng bắt đầu tiến hành cuộc hành quân.

Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy mở rộng vào tháng 12 – 1967 đã trở thành quyết tâm chung của toàn Đảng bộ. Các cấp ủy Chi bộ mật, lộ, bố trí cán bộ, đảng viên bám cơ sở, tổ chức vận động quần chúng huy động lương thực, thực phẩm cho huyện, cho tuyến trên. Các mặt công tác về tổ chức cán bộ,

bảo đảm hậu cần, bảo đảm thông tin liên lạc giữa phía trước và phía sau, giữa huyện và xã... được gấp rút chuẩn bị. Đến cuối năm 1967, ở thị trấn và các làng đã xây dựng được 70 tổ với gần 1.000 nòng cốt đấu tranh trực diện, bố trí lực lượng dân công, bảo đảm thường xuyên có 80 dân công dài hạn, 100 đến 200 dân công ngắn hạn sẵn sàng lên đường [1, tr290, 291].

Tiếp đó, đúng ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ngày 20 - 12 - 1967, tại lô 21 làng 6, Huyện ủy đã quyết định cho thành lập trung đội nữ pháo binh lấy phiên hiệu là B4, do đồng chí Nguyễn Thị Ánh. Khi thành lập trung đội nữ có những ý kiến khác nhau, có phần không tin tưởng vì cho rằng chị em “chân yếu, tay mềm” không thể sử dụng được súng cối. Cấp ủy vẫn quyết tâm xây dựng đơn vị nữ pháo binh và cử những cán bộ có uy tín của Đại đội 64, đội biệt động của huyện trực tiếp xây dựng, huấn luyện đơn vị. Được học tập và rèn luyện, chỉ thời gian ngắn, chị em đã học tập, huấn luyện sử dụng thành thạo vũ khí được trang bị, kể cả súng cối 60 ly.

Từ giữa 1965 đến cuối 1967, tình hình ở Dầu Tiếng ngày càng căng thẳng do cường độ của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành ngày càng tăng, mức độ ác liệt hơn gấp nhiều lần so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trước đó.

Thất bại sau hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967, Mỹ mất dần thế chủ động trên chiến trường, phải chuyển dần từ thế phản công sang thế phòng ngự chiến lược để đối phó tình thế do ta tạo ra.

Từ giữa năm 1965 đến những tháng cuối năm 1967, hòa với chiến trường chung, tình hình ở Dầu Tiếng ngày một căng thẳng do cường độ của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ thực hiện ngày càng tăng, mức độ ác liệt gấp nhiều lần so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trước đó.

Tuy có nhiều tổn thất nhưng thực lực cách mạng vẫn liên tục phát triển. Số lượng đảng viên, đoàn viên thuộc lực lượng vũ trang không ngừng tăng lên. Cấp Ủy các Chi bộ, cán bộ chủ chốt các cơ quan, đơn vị qua chiến đấu ngày càng vững vàng hơn về tư tưởng chính trị, tinh thần. Lực lượng vũ trang phát triển cả

về số lượng lẫn chất lượng, về tổ chức, biên chế, kỹ thuật chiến thuật, kinh nghiệm phối hợp chiến đấu...

Tháng 10 – 1967, Trung ương Đảng chủ trương chuyển thể tấn công bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam, thời gian được ấn định vào tết Mậu Thân năm 1968.

Sau đó, theo chủ trương của Đảng, Trung ương Cục quyết định tổ chức lại chiến trường: giải thể Quân khu miền Đông, lấy Sài Gòn – Gia Định làm trọng điểm, chia chiến trường thành 5 Phân khu, hình thành 5 mũi tiến công vào cơ quan đầu não của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Địa bàn huyện Dầu Tiếng thuộc Phân khu 1 cùng với Bến Cát, Trảng Bàng, Củ Chi, Gò Vấp do đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư Phân khu ủy, cơ cấu tổ chức Đảng, lực lượng vũ trang của huyện Dầu Tiếng giao về Phân khu 1 vẫn giữ nguyên.

Tại Dầu Tiếng, Ban Chấp hành Huyện ủy trực tiếp nghe đồng chí Tư Thao - Ủy viên Thường vụ Phân khu ủy Phân khu 1 và đồng chí Hai Liêm – Phân khu ủy viên – Phó ban Tổ chức Phân khu ủy triển khai “Nghị quyết Quang Trung” về Tổng tiến công, nổi dậy giành thắng lợi quyết định vào mùa xuân 1968.

Tiếp đó, Đảng bộ quân sự tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục và chủ trương của Bộ chỉ huy Phân khu 1 tại căn cứ Bàu Cây Cám ở Thanh An do đồng chí Nguyễn Việt Trân – Bí thư Ban cán sự Huyện chủ trì. Hội nghị thống nhất biện pháp đẩy mạnh công tác chuẩn bị, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, phân công bố trí cán bộ quân sự, chính trị, binh vận trên các hướng.

Mọi công tác chuẩn bị đều hết sức khẩn trương cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Tất cả các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện đều gấp rút tiến hành kiện toàn tổ chức, bổ sung quân số, trang bị vũ khí, huấn luyện các đơn vị chiến đấu; chuẩn bị các kho trạm tiếp nhận và cấp phát vũ khí, lương thực, trạm phẫu, hệ thống thông tin liên lạc; xưởng quân giới tăng cường sản xuất vũ khí; lập kế hoạch hiệp đồng tác chiến với lực lượng chủ lực...

Bên cạnh sự chuẩn bị của lực lượng vũ trang là sự tích cực ủng hộ của nhân dân Dầu Tiếng cả về sức người và tiền của. Người góp lúa gạo, đậu khoai; người ủng hộ trâu bò; người góp tiền vàng; người đưa phương tiện vận tải như xe

bò, xuống, ghe... Hàng trăm người tình nguyện đi tải thương, tải đạn, vào đội thanh niên xung phong phục vụ chiến dịch.

Thực hiện chủ trương của Phân khu ủy Phân khu 1, trong khi xốc lại đội hình chuẩn bị cho những đợt tấn công tiếp theo, sau đợt 1, Huyện ủy Dầu Tiếng chỉ đạo cho Đảng ủy thị trấn và cấp Ủy Chi bộ các xã đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, diệt ác phá kìm kẹp, đồng thời tăng cường đẩy mạnh xây dựng cơ sở mật, chuẩn bị cho cả thế trận lâu dài, sẵn sàng đối phó với những âm mưu mới của địch. Huyện ủy bố trí đồng chí Huỳnh Kim Oanh, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, phụ trách công đoàn cùng một số đồng chí trở lại nội ô thị trấn, dựa vào cơ sở cũ, đào hầm bí mật nuôi giấu, móc nối lại cơ sở cũ, xây dựng phát triển cơ sở mới, củng cố lại phong trào quần chúng công nhân. Nhiều cơ sở mật trong thị trấn rút ra trong đợt tết nay được điều trở lại hoạt động. Các Chi bộ mật cũng kịp thời củng cố, duy trì lực lượng bám trụ trong dân, trong ấp chiến lược làm chỗ dựa và tổ chức quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận.

Đúng 0 giờ đêm mừng 2 Tết, những trái đạn pháo của Tiểu đoàn 5 pháo binh Biên Hòa chụp xuống căn cứ Lữ đoàn 3 Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ, thay cho tiếng pháo lệnh của các lực lượng vũ trang Dầu Tiếng tiến công vào các vị trí trong chi khu quân sự Dầu Tiếng.

Trận đánh diễn ra ác liệt, bộ đội ta làm chủ trận địa suốt 5 giờ. Đến quá trưa, Mỹ tập trung hỏa lực phản kích quyết liệt. Đêm đó, lực lượng trên các mũi của huyện rút về rừng Suối Dứa, chuẩn bị tiếp tục tiến công Mỹ trong thị trấn những đêm tiếp theo và tấn công Mỹ trên liên tỉnh lộ 14.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng đã chấp hành mệnh lệnh của Đảng vô điều kiện. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ huy phối hợp hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng, giữa phía trước và phía sau, giữa lực lượng địa phương với bộ đội chủ lực và các cơ quan, đơn vị đứng chân trên địa bàn, từng cấp ủy, từng cơ quan đơn vị, đến từng đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ, lực lượng lộ, mật,... đã thể hiện ý chí quyết tâm tiêu diệt Mỹ và quân đội Sài Gòn; Đảng bộ đã động viên và huy động được sức người, sức của của quân dân toàn huyện với mức cao nhất.

Bên cạnh sự chuẩn bị của lực lượng vũ trang là sự tích cực ủng hộ của nhân dân Dầu Tiếng cả về sức người và sức của. Người góp gạo lúa, khoai đậu; người ủng hộ trâu bò; người góp tiền vàng; người đưa phương tiện vận tải như xe bò, xuống, ghe... Hàng trăm người tình nguyện đi tải thương, tải đạn, vào đội thanh niên xung phong phục vụ chiến dịch.

Một sự khích lệ, động viên vô cùng to lớn cho quân và dân Dầu Tiếng trước khi bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, đó là việc quân và dân Dầu Tiếng được Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng Ba và đồng loạt các làng, các ấp như: làng 1, làng 2, làng 6, Chi bộ ấp 4, ấp 5 và thị trấn được tặng Huân chương Chiến công giải phóng hạng 2. Quân và dân làng 4, làng 10, Chi bộ ấp 1, ấp 2, ấp 3, thị trấn và lực lượng an ninh Dầu Tiếng được tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng 3.

Tất cả các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang của huyện phải chạy đua với thời gian trong những ngày giáp Tết Mậu Thân năm 1968. Từng đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy được phân công cùng các đồng chí trong Ban Chỉ huy huyện đội đi kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị ở các đơn vị chiến đấu, xưởng quân giới, các kho trạm tiếp nhận cấp phát đạn, gạo, trạm phẫu, hệ thống thông tin liên lạc, phía trước, phía sau... và kế hoạch hiệp đồng với lực lượng chủ lực. Các cơ quan, đơn vị bộ đội chủ lực của Phân khu 1, của Miền, đứng chân trên địa bàn Dầu Tiếng, các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An... như cỗ máy khổng lồ đang chạy hết công suất. Mọi công tác chuẩn bị hết sức khẩn trương. Từng cấp ủy, từng đơn vị, đến từng đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ, cơ sở mật trong thị trấn đều được quán triệt nhiệm vụ, xác định quyết tâm. Tiên tuyến cũng ở đây, hậu phương cũng ở đây, thời gian gấp gáp, công việc dồn dập, nhưng tất cả phơi phới một niềm tin chiến thắng.

Theo kế hoạch, phối hợp với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn Miền, các lực lượng quân dân chính Đảng của huyện được tổ chức tiến công vào các mục tiêu địch trong Chi khu và thị trấn Dầu Tiếng bằng hai mũi:

- Mũi thứ nhất: chủ yếu là lực lượng vũ trang của Đại đội 1, Đại đội 2, với hơn 100 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Đoàn Văn Tiến, Ủy viên Thường vụ Huyện

ủy, Huyện đội trưởng trực tiếp chỉ huy, tiến công vào thị trấn từ hướng ấp 2, thực hiện nhiệm vụ đánh chiếm chi khu, phát động quần chúng tại chỗ phối hợp mũi 2 nổi dậy giành quyền làm chủ.

- Mũi thứ hai: gồm lực lượng biệt động, an ninh, du kích các làng và lực lượng cán bộ phong trào, cơ sở mật trong thị trấn mới rút ra, do đồng chí Tám Núi, Út Oanh làm chỉ huy, tiến công vào thị trấn từ hướng ấp 4, có nhiệm vụ diệt bọn tề điệp, ác ôn, phát động quần chúng đẩy mạnh công tác binh vận chiếm các công sở Chính quyền Sài Gòn.

Trước sự phản kích quyết liệt của Mỹ và quân đội Sài Gòn, các đơn vị lực lượng vũ trang Dầu Tiếng sau một tuần chiến đấu tiên công các mục tiêu của đối phương trong thị trấn phải rút ra đánh chặn đối phương phản kích.

Tại Dầu Tiếng, cuối tháng 3 - 1968, khi quân Mỹ dùng máy bay lên thẳng HU1A đổ 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 25 xuống cánh đồng lô 35 làng 6, đội nữ pháo binh đã dùng súng cối 60 ly bắn vào bãi đổ quân của Mỹ, phá hỏng 3 máy bay lên thẳng, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 30 lính Mỹ.

Trong suốt thời gian diễn ra các đợt tiến công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng liên tục chiến đấu, bám trụ đánh Mỹ phản kích đánh phá vào các khu vực bàn đạp và căn cứ phía sau của ta; bám giữ các vị trí quan trọng, các trục lộ chính, đánh đối phương nông ra phản kích. Đồng thời, tấn công một số đồn bót, phục kích, gài mìn đánh trái, đánh bọn bảo an, dân vệ, bình định gom dân...

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta bất ngờ giáng cho Mỹ một đòn đau, gây cho địch nhiều tổn thất. Tuy nhiên, lực lượng của ta cũng tổn thất nặng nề.

Từ ngày 24 - 10 đến cuối tháng 11 - 1968, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng kết hợp với du kích các xã Thanh An, Thanh Tuyền, Kiến An, liên tục chặn đánh Mỹ xông ra càn quét khu vực Bến Chùa, Cà Tong; Cầu Xéo; Hồ Cạn, Bàu Khai; pháo kích cụm quân Mỹ đóng Bến Tranh, Rạch Kiến, giết và làm bị thương cả trăm tên Mỹ; bắn cháy, phá hủy hàng chục xe tăng, xe bọc thép.

Tại xã Thanh An, từ ngày 24 - 10 đến ngày 7 - 11 - 1968, tiểu đoàn hỗn hợp Mỹ thuộc Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” tràn vào khu vực Bến Chùa, Bến Trống xã Thanh An. Xã đội trưởng Thanh An, Nguyễn Văn Trạch chỉ huy một tổ du kích làm mìn tự tạo gài đặt nhiều nơi tại Bến Chùa, Xóm Mới, làm cho quân Mỹ mấy ngày liền càn đến đâu, đi lối nào cũng đụng mìn thương vong, phá hủy một xe công binh của Mỹ tại cổng Thầy Trại, ấp Bến Chùa. Sau đó, Nguyễn Văn Trạch hóa trang đi hợp pháp trên đường số 14 lên bố trí mìn trái tự tạo tại cầu Cần Nôm, phá hủy 2 xe M113 của Mỹ... Cách đánh táo bạo của Nguyễn Văn Trạch xã đội trưởng xã Thanh An làm cho cả quân Mỹ và quân Ngụy rất khiếp sợ. Tại xã Thanh Tuyền, khi quân Mỹ tràn vào xã, ông Tám Khởi 63 tuổi, một mình với khẩu súng trường cũng sẵn máy bay Mỹ...

Tháng 9 - 1968, một tiểu đoàn Mỹ có xe tăng tràn vào căn cứ của huyện Dầu Tiếng tại Ván Tám. Trong căn cứ ta chỉ có 2 tổ đặc công, một tổ quân y gồm 7 cán bộ, chiến sĩ và 5 thương binh. Từ sáng tới chiều, 7 tay súng bám công sự, sử dụng mìn trái đánh lui năm đợt tấn công của Mỹ, phá hủy 2 xe tăng. Đêm đến,

anh em đưa thương binh thoát khỏi vòng vây của đối phương.

Trong tháng 11, 12 - 1968, du kích mật kết hợp đội biệt động Dầu Tiếng diệt 5 lính binh định ác ôn ngay giữa thị trấn. Trong khi đó, du kích làng 10 kết hợp du kích làng 13 anh dũng chiến đấu chống càn, chống binh định khi quận trưởng đang tập hợp đồng bào tuyên truyền phải bỏ chạy, diệt 24 lính Mỹ và quân đội Sài Gòn, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay trực thăng.

Những tháng cuối năm 1968, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xây dựng hệ thống đồn bót dày đặc tại các xã Thanh An, Thanh Tuyền, tiếp tục đóng chốt ở Núi Cậu và Bến Tranh. Sự phản kích quyết liệt của đối phương trong năm 1968 đã gây cho cách mạng nhiều tổn thất. Đồng thời, Mỹ - Ngụy triển khai lực lượng lớn bung ra đánh phá ác liệt vùng căn cứ. Tư tưởng ngán ngại, chùn bước bắt đầu xuất hiện trong một số cán bộ, chiến sĩ ở các đơn vị chủ lực lẫn bộ đội địa phương các huyện, thị và du kích các xã, ấp. Trước tình hình đó, Phân khu ủy, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Phân khu

phát động đợt học tập chính trị nhằm chấn chỉnh tư tưởng, nhận thức, xây dựng quyết tâm chiến đấu trong lực lượng vũ trang toàn Phân khu. Huyện ủy Dầu

Tiếng đã triển khai một số công việc cấp bách trước mắt như phân loại, củng cố tổ chức Đảng, tăng cường công tác phát triển Đảng, bảo đảm nâng cao tỉ lệ đảng viên ở các đơn vị chiến đấu; chuẩn bị cơ sở, đảng viên mật hoạt động lâu dài trong lòng Chính quyền Sài Gòn. Một số đối tượng khả nghi cần tập trung giáo dục hoặc tác động trấn áp trước khi Chính quyền Sài Gòn gom dân... Huyện ủy chủ trương tất cả các cơ quan, đơn vị lúc này phải tổ chức, biên chế gọn nhẹ; phải tính toán thể ăn ở lâu dài cho cả phía trước và phía sau. Lương thực, tài liệu phải được cất giấu, bố trí

ở nhiều căn cứ. Sử dụng tối đa mìn trái tự tạo đánh bộ binh, diệt cơ giới và bảo vệ căn cứ... Khoảng cuối tháng 10 - 1968, Ban Thường vụ Huyện ủy được bổ sung, củng cố: đồng chí Đoàn Văn Tiến, Ủy viên Thường vụ, Huyện đội trưởng được chỉ

định làm Bí thư, Phân khu ủy điều động nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Nguyễn Khắc Minh, giữ chức vụ Huyện đội trưởng, được bổ sung vào Ban Thường vụ

Huyện ủy [9, tr176, 177].

Những nỗ lực của lực lượng vũ trang Dầu Tiếng trong những năm 1965 – 1968 đã góp phần cùng quân và dân tỉnh Thủ Dầu Một – Phân khu 1 làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ, cùng với quân và dân miền Nam mở ra giai đoạn mới của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam.

3.2. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ (1968 – 1975)

Đến cuối năm 1968, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam phá sản hoàn toàn, quân lực cách mạng miền Nam cơ bản đã nắm quyền chủ động và làm chủ chiến trường, Mỹ cũng đã chấp nhận bước vào bàn đàm phán tại Pari để bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên, Mỹ vẫn còn tham vọng, chưa từ bỏ ý định biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt Việt Nam vĩnh viễn.

Tháng 01 – 1969, tổng thống Mỹ - Níchxơn quyết định thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam Việt Nam từ chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, rút dần quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam

Việt Nam, âm mưu “thay đổi màu da trên xác chết”, củng cố Chính quyền Sài Gòn, tăng cường quân đội Sài Gòn thay thế quân Mỹ tiếp tục phản kích

phong trào cách mạng. Quân đội Sài Gòn chuyển kế hoạch “tìm diệt” và “bình định” sang kế hoạch “quét và giữ” đi đôi với “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt” nhằm đẩy lực lượng vũ trang cách mạng ra khỏi vùng ven để kiểm soát vùng nông thôn. Việc Tổng thống Mỹ - Níchxơn chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là rất nguy hiểm và gây cho cách mạng rất nhiều khó khăn, nhưng hầu hết đồng bào vẫn hướng về cách mạng, bí mật đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ cách mạng. Bà con công nhân ra lô cạo mù, cứ 2 người ăn một phần cơm, còn một phần dành cho cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Nhờ vậy mà đội du kích bám trụ vẫn tồn tại để chiến đấu, xây dựng, củng cố phong trào cách mạng ở Dầu Tiếng vượt qua khó khăn.

Huyện ủy Dầu Tiếng triển khai đợt học tập chính trị đồng thời với việc phân loại, củng cố các tổ chức Đảng, nâng cao tỷ lệ đảng viên ở các đơn vị chiến đấu. Những đối tượng có dấu hiệu lung lay tư tưởng lập tức có biện pháp giáo dục, động viên, thậm chí phải tác động trấn áp để tránh gây hậu quả xấu nếu cần thiết.

Tháng 02 – 1969, Bộ chỉ huy Miền mở chiến dịch Dầu Tiếng nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực đối phương ở khu vực Dầu Tiếng, Trảng Bàng, Củ Chi, hỗ trợ cho lực lượng địa phương đánh phá kế hoạch bình định cấp tốc của đối phương.

Tháng 3, tháng 4 – 1969, một mặt Mỹ mở các cuộc hành quân lớn nhằm thực hiện chương trình “bình định cấp tốc”, một mặt xúc tiến việc gom dân lập ấp chiến lược. Tại Dầu Tiếng, Chính quyền Sài Gòn tổ chức phân loại quần chúng để trấn áp các gia đình có người tham gia cách mạng.

Trong tình hình khó khăn ấy, thực hiện sự chỉ đạo của Phân khu ủy, Bộ chỉ huy Phân khu 1, Huyện ủy Dầu Tiếng chủ trương tổ chức lại lực lượng; thực hiện phương châm tinh giản, gọn nhẹ, bám chắc vào dân, đánh đối phương, giữ gìn và phát triển lực lượng. Huyện ủy quyết định giải thể Đại đội 2 và phân tán đội nữ pháo binh; Đại đội 1 còn 20 tay súng, tổ chức thành 2 tiểu đội, trung đội biệt động và một đội du kích tập trung. Toàn bộ cấp ủy, một phần lực lượng an ninh, quân y, trung đội biệt động, 2 tiểu đội của Đại đội 64 ở lại bám trụ, số còn lại lên vùng biên giới Campuchia gồm các anh em thương bệnh binh, các cơ quan đơn vị phía sau. Yêu cầu lãnh đạo tư tưởng lúc này là cả lực lượng bám trụ và cả

lực lượng tạm chuyển về phía sau đều phải nhận thức được trách nhiệm người ở phía trước và người về phía sau.

Từ đó, khoảng nửa tháng Huyện ủy lại tổ chức một cuộc gặp gỡ với công nhân ra lô, trong đó có một số là đảng viên, đoàn viên mật. Mỗi lần tổ chức gặp gỡ công nhân đều tổ chức trình sát nắm chặt động tĩnh của đối phương, lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ cán bộ, bảo vệ công nhân. Sau những lần gặp gỡ tuyên truyền, quần chúng công nhân đã thấy có cách mạng bên mình, đã củng cố được niềm tin vào Đảng, vào cách mạng. Các Chi bộ mật bên trong nắm được chủ trương, Chỉ thị của Huyện ủy, tiếp tục củng cố phong trào.

Từ cuối năm 1969, chiến trường Dầu Tiếng, Bến Cát bị quân đội Sài Gòn đánh phá ác liệt chà đi sát lại, Phân khu ủy, Bộ Chỉ huy Phân khu 1 phải chuyển căn cứ về phía sau. Chiến trường vừa ác liệt vừa bị chia cắt, Huyện ủy Bến Cát, Dầu Tiếng đứt liên lạc với Phân khu ủy. Trong tình hình đó, Huyện ủy Dầu Tiếng chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang tập trung của huyện, du kích các xã tinh gọn, bám trụ địa bàn đánh đối phương hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng; đồng thời tập trung khôi phục và phát triển cơ sở mật bên trong. Thường trực Huyện ủy phân công từng đồng chí thường vụ bám ấp chiến lược, dựa cơ sở đào hầm bí mật bám trụ trong dân để xây dựng cơ sở, lãnh đạo phong trào.

Ngày 16 - 9 - 1971, du kích Thanh An, cùng với lực lượng Đại đội 64 Dầu Tiếng phối hợp với Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 16 đã dùng kế “điều hổ ly sơn”, chặn đánh chiếc xe Jeep chở quận trưởng Hồng Bảo Hiền xuống Thanh An thị sát, đồng thời pháo kích tua Cần Nôm bằng cối 60 ly để nhử địch ra chi viện, thực hiện chiến thuật “vây đồn, diệt viện”.

Trước những thắng lợi đạt được trong năm 1971, Đảng ta chủ trương hạ quyết tâm chiến lược mở cuộc tiến công xuân - hè năm 1972, tạo bước chuyển biến cơ bản làm thay đổi cục diện chiến tranh. Trong đó, chiến trường Đông Nam Bộ được chọn là chiến trường chính, với mục tiêu giải phóng một số khu vực quan trọng thuộc 3 tỉnh Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, lấy đường 13 làm hướng chủ yếu. Chiến dịch mang tên Nguyễn Huệ, đây là chiến dịch có ý nghĩa chiến lược được phát động trong toàn miền với toàn bộ lực lượng phối hợp hoạt động tổng hợp.

Thực hiện Chỉ thị 01/CT-71 của Trung ương Cục tháng 9 - 1971, cùng với huyện Bến Cát, Huyện ủy Dầu Tiếng chỉ đạo cho các lực lượng vũ trang phối hợp với bộ đội chủ lực của Phân khu đứng chân trên địa bàn thực hiện đợt hoạt động cao điểm mùa mưa nhằm tiếp tục đánh phá chương trình bình định, chống bầu cử của Chính quyền Sài Gòn với yêu cầu: kết hợp xây dựng phát triển lực lượng tại chỗ, hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận và đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh lên một bước. Trong đà phát triển chung của cách mạng miền Nam, đến cuối năm 1971, thực lực cách mạng mọi mặt của huyện Dầu Tiếng đã được phục hồi trên nhiều lĩnh vực [1, tr338].

Trong những năm 1969 – 1971, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng đã nêu cao tinh thần chịu đựng khó khăn, vượt qua gian khổ, hy sinh, kiên cường bám trụ, bám địa bàn, anh dũng chiến đấu với những nỗ lực phi thường, cùng cả phân khu vượt qua thời kỳ khó khăn, cam go thử thách nhất; từng bước hoạt động tác chiến phù hợp với tình hình, liên tục chiến đấu từng bước làm thất bại kế hoạch “bình định” của Chính quyền Sài Gòn, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Dầu Tiếng đẩy mạnh tiến công đôi phương trong thời gian tới.

Trên đà phát triển chung của cách mạng miền Nam, đến cuối năm 1971, lực lượng cách mạng mọi mặt của huyện Dầu Tiếng đã được phục hồi trên nhiều lĩnh vực. Cán bộ, đảng viên các Chi bộ mật, lộ đã bám được địa bàn, phục hồi cơ sở cũ, phát triển được nhiều cơ sở mới; xây dựng, phát triển được nhiều lõm chính trị; phong trào tấn công 3 mũi chống phá bình định đang có sự chuyển biến từ phong trào đấu tranh chính trị; công tác binh vận của cả quần chúng công nhân trong thị trấn và quần chúng nhân dân ở các ấp chiến lược vùng nông thôn; hoạt động vũ trang đã đánh trúng đối tượng, hỗ trợ tốt cho mũi đấu tranh chính trị và công tác binh vận trong đánh phá bình định, làm lỏng rã một phần bộ máy kim kẹp, tổ chức phòng vệ dân sự, tạo thế cho quần chúng đấu tranh, vượt qua thời kỳ khó khăn nhất và đã giành được một số quyền lợi dân sinh; nhân dân trở về xóm cũ sinh sống và sản xuất, tạo ra thế tranh chấp ở một số địa bàn, tạo ra điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng của huyện cùng Phân khu và toàn Miền tiếp tục tiến công đôi phương, giành thắng lợi lớn hơn.

Đầu tháng 3 năm 1972, Huyện ủy Dầu Tiếng mở Hội nghị triển khai nhiệm vụ xác định quyết tâm cho toàn Đảng bộ và lực lượng vũ trang huyện trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972. Trên cơ sở phân tích, Hội nghị Huyện ủy đã chỉ rõ sự tác động của các chiến trường trên toàn Miền sẽ có ảnh hưởng tốt đến phong trào chung của huyện. Điều quan trọng lúc này là phải thống nhất nhận thức tư tưởng, không ỷ lại trông chờ, phải kiên quyết, chủ động và táo bạo chuyển phong trào lên khí thế Đồng Khởi; hoạt động vũ trang phải hỗ trợ đắc lực cho quần chúng nổi dậy ác liệt, phá kìm, làm tan rã địch bằng ba mũi giáp công. Huyện ủy nhấn mạnh đến việc phải tranh thủ những đòn tiến công quân sự trên toàn Miền cũng như của địa phương để phát động quần chúng nổi dậy [1, tr341, 342].

Sự mất mát, hy sinh không khuất phục được quân và dân Dầu Tiếng kiên quyết đánh bại ý đồ của đối phương, ta đẩy mạnh cuộc tiến công. Từ cuối tháng 10

– 1972, tại Dầu Tiếng, quân chủ lực của ta đã tạo thành thế bao vây chi khu Dầu Tiếng bằng hỏa lực pháo, cối, các đơn vị bộ binh tăng áp lực khống chế quân đội Sài Gòn đóng tua lô 3 và tua Cầu Đức. Ngày 20 – 10 – 1972, quân đội Sài Gòn

đóng ở 2 tua này bỏ chạy, làng 2 hoàn toàn giải phóng. Điều quan trọng nữa là trong cuộc đấu tranh ta đã tạo được thế hợp pháp, vận động nhân dân trở về các xóm cũ sinh sống bình thường, cấp ủy Chi bộ cùng cán bộ chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày đêm vừa cùng nhân dân lo ổn định đời sống, vừa cùng lực lượng du kích sẵn sàng đối phó với âm mưu lấn chiếm của quân đội Sài Gòn.

Từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân năm 1968, đến tháng 01 - 1973, Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng đã trải qua hơn 4 năm chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ, và giành giật quyết liệt với quân đội Sài Gòn. Trước những thủ đoạn đánh phá, xúc tác gom dân, bình định của đối phương, quần chúng bị kìm kẹp, khống chế, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề. Nhiều đồng chí là cấp Ủy huyện đến cấp Ủy Chi bộ, cán bộ, đảng viên, cán bộ chỉ huy chủ chốt, đến cơ sở cách mạng trung kiên... anh dũng hy sinh hoặc bị Chính quyền Sài Gòn bắt, bị cầm tù trong bám trụ chiến đấu. Có những Chi bộ cuối 1968 có 16 đảng viên, nhưng đến cuối 1969 chỉ còn 4 - 5 đồng chí như Chi bộ Thanh An. Có những đội du kích chỉ trong 4 năm có 3 đồng chí xã đội

trường đã hy sinh; thậm chí có cả Chi bộ, du kích phải dạt khỏi địa bàn suốt mấy tháng trời chưa bám về được địa phương. Cả Huyện ủy, Huyện đội, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện trong những năm 1969 - 1970, kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, lập nhiều chiến công xuất sắc, nhưng phải chịu nhiều tổn thất hy sinh. Phong trào cách mạng có lúc tưởng chừng như không thể khôi phục trước những mất mát, hy sinh và sự đánh phá của Chính quyền Sài Gòn. Nhưng phong trào cách mạng của huyện giữa lúc gặp nhiều khó khăn hy sinh ấy, Đảng bộ không hề chùn bước. Những lúc khó khăn, ác liệt nhất, những chủ trương của cấp Ủy, của Đảng bộ vẫn là những chủ trương đúng đắn; cán bộ, đảng viên vững vàng, liên tục bám trụ, anh dũng chiến đấu đối phó kịp thời với những âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Những đảng viên, cán bộ, chiến sĩ bám dân, sống chết với dân, nhờ dân che chở nuôi dưỡng, để rồi từng bước củng cố, khôi phục lực lượng, khôi phục phong trào. Trong suốt cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Đảng bộ, quân và dân của huyện Dầu Tiếng đã phát huy tinh thần chủ động tiến công, tranh thủ thời cơ, phối hợp lực lượng giải phóng một vùng rộng lớn trên địa bàn có ý nghĩa chiến lược quan trọng, góp phần vào thắng lợi chung trên chiến trường. Đảng bộ được củng cố và xây dựng, thực lực cách mạng mọi mặt của huyện có bước phát triển trong xu thế phát triển chung của cách mạng toàn miền.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968), Hội nghị 4 bên về vấn đề Việt Nam được khai mạc ở Pari gồm: Đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam, đại diện Chính phủ Mỹ và đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Nhưng do quan điểm, chủ trương của các bên trái ngược nhau, thậm chí có lúc Mỹ rời bỏ bàn đàm phán, cuộc thương lượng có nguy cơ bế tắc, cách mạng miền Nam giai đoạn này nhất định phải giành thắng lợi quyết định về mặt quân sự chứ không thể hòa, càng không thể thua. Trong bối cảnh chung của toàn chiến trường miền Nam, Mỹ liên tục thất bại trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ở chiến trường Dầu Tiếng, quân ta liên tục gây cho đối phương nhiều tổn thất nặng nề. Trong khi ở miền Bắc, Mỹ thất bại nặng nề trong chiến lược chiến tranh phá hoại, đặc biệt là trận Điện Biên Phủ trên không tháng 12 - 1972, Mỹ không thể leo thang chiến

tranh được nữa. Trước tình thế không thể đảo ngược, ngày 27 – 01 – 1973, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn còn mưu đồ thôn tính miền Nam Việt Nam, đã để lại miền Nam hơn 20.000 cố vấn quân sự Mỹ, tiếp tục viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh cùng tài chính, khuyến khích quân lực Việt Nam Cộng hòa, chính quyền tay sai tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh theo đúng nghĩa “dùng người Việt đánh người Việt”.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tháng 5 - 1973, Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện Dầu Tiếng họp vào tháng 6 - 1973 đã chỉ ra những lệch lạc trong nhận thức của một số đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, kể cả đảng viên, cán bộ là cấp ủy, chỉ huy trong Đảng bộ là: “Chưa đánh giá hết ý nghĩa thắng lợi, chưa thấy được những nhân tố mới, sinh ra hoài nghi, bi quan, không tin tưởng vào khả năng chính trị là cơ sở, đấu tranh vũ trang là hậu thuẫn đắc lực; thực lực ít, yếu, sinh ra co thủ, hữu khuynh và có biểu hiện chủ quan mất cảnh giác”, như trong Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ rõ. Huyện ủy xác định cùng với công tác xây dựng, phát triển thực lực, xây dựng tổ chức, lúc này càng phải tăng cường công tác giáo dục, lãnh đạo tư tưởng, làm cho mỗi đảng viên, cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; phải kịp thời uốn nắn và đấu tranh với những biểu hiện chủ quan, đánh giá đối phương thấp, thỏa mãn với thắng lợi, muốn nghỉ ngơi, xả hơi... Huyện ủy nhấn mạnh yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng bộ lúc này là phải tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố bảo vệ vùng giải phóng, vùng căn cứ; khẩn trương xây dựng thực lực chính trị, vũ trang, xây dựng Đảng và các đoàn thể cách mạng, phát huy thế tiến công, đẩy mạnh đấu tranh mọi mặt buộc Mỹ và Chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari; đồng thời sẵn sàng đánh bại những hành động lừa dối gây hại trong chiến tranh của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn.

Tháng 6 - 1973, Huyện ủy chủ trương tăng cường áp lực quân sự kết hợp tiến công chính trị, binh vận kiên quyết không cho đối phương tở ra lấn chiếm. Đại đội 64 cùng du kích xã Thanh An vừa chiến đấu, vừa thay nhau học tập, huấn luyện ngay trên chốt. Đội biệt động liên tục bám chặt đối phương, không

cho lính bảo an đóng đồn ở Cầu Đúc xông ra. Suốt trong năm 1973, lực lượng vũ trang huyện chiến đấu chống càn, phục kích, pháo tía... Bộ đội du kích còn tích cực thu lượm đạn pháo lép của đối phương lấy thuốc làm mìn, làm trái đánh đối phương, tích cực xây dựng xã, ấp chiến đấu, bảo vệ vùng giải phóng.

Quán triệt Chỉ thị 01/CT-74 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ hoạt động mùa khô năm 1974, Huyện ủy nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ nhân dân thu hoạch mùa màng. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 64 cùng đội du kích các xã, các làng phối hợp với các đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn đánh quân đội Sài Gòn bung ra để bảo vệ mùa màng, thu mua lương thực, phá kế hoạch thu gom, vơ vét cướp giật lương thực của đối phương, từng đơn vị đều có kế hoạch giúp dân cất giấu lương thực [1, tr365].

Từ cuối năm 1974, sau khi quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy về đánh phá bình định của quân đội Sài Gòn, Huyện ủy, Huyện đội phân công cán bộ tiếp tục xây dựng, củng cố vùng giải phóng, động viên nhân dân, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị phía sau tích cực sản xuất, giúp dân ổn định cuộc sống. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng an ninh, đội biệt động phối hợp với tự vệ, du kích, cơ sở mật bên trong thị trấn tổ chức diệt ác, diệt thám báo, hỗ trợ phong trào đấu tranh của nhân dân trong ấp chiến lược.

Đầu tháng 12 - 1974, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng tiến hành Hội nghị đại biểu, Hội nghị nhất trí đánh giá của Tỉnh ủy về tình hình chung trên chiến trường toàn tỉnh và đánh giá của Ban chấp hành Huyện ủy về phong trào của địa phương từ sau khi có Hiệp định Pari. Nhiều vấn đề được Hội nghị thảo luận, phân tích, làm rõ nguyên nhân, những bài học kinh nghiệm của Đảng bộ, của Ban Thường vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng mọi mặt thực lực cách mạng; xây dựng, củng cố vùng giải phóng, ổn định đời sống nhân dân; chỉ đạo hoạt động kết hợp 3 mũi giáp công đánh phá kế hoạch bình định, lấn chiếm của quân đội Sài Gòn...

Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện đã nhanh chóng trở thành chương trình hành động ở tất cả các Chi bộ, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang. Ban Chấp hành Huyện ủy ra lời kêu gọi động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, toàn thể quân và dân trong huyện hăng hái thi đua tích cực chuẩn bị và

đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, sẵn sàng đón thời cơ mới với quyết tâm cao nhất giành thắng lợi quyết định trong mùa khô 1974 - 1975.

Quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ trong mùa khô năm 1974 – 1975, Hội nghị đã phân tích, chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn của Đảng bộ và những yêu cầu đặt ra là phải tập trung lãnh đạo trong thời gian tới; đồng thời, nhấn mạnh nhiệm vụ củng cố, xây dựng Chi bộ, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị trước yêu cầu ngày càng cao và rất khẩn trương của chiến dịch mùa khô. Sự phát triển thuận lợi chung trên chiến trường của tỉnh và toàn Miền đang tạo ra thuận lợi để Dầu Tiếng đẩy mạnh đấu tranh, kết hợp với hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang đánh càn quét lần chiếm với đấu tranh chính trị của quần chúng, nhất là công nhân đòi tự do đi lại làm ăn, đấu tranh chống Chính quyền Sài Gòn bắt ép, bắt lính; kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận, phá vỡ làm vô hiệu hóa lực lượng phòng vệ dân sự của Chính quyền Sài Gòn trong các ấp chiến lược.

Ngày 06 - 01 - 1975, tỉnh Phước Long được giải phóng đã tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng bước vào chiến dịch mùa khô với quyết tâm giải phóng quê hương. Để kịp thời phối hợp với lực lượng bộ đội chủ lực Miền tham gia giải phóng Dầu Tiếng, từ cuối tháng 02 - 1975, Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng khẩn trương chuẩn bị mọi mặt về kế hoạch sẵn sàng phối hợp tác chiến, về hậu cần... chuẩn bị cho công cuộc giải phóng Dầu Tiếng khi có thời cơ thuận lợi.

Từ sau khi có Hiệp định Pari đến cuối năm 1974, cùng với những thắng lợi giành được trong nhiệm vụ xây dựng, củng cố vùng giải phóng, kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận với hoạt động vũ trang, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đã lãnh đạo quân và dân trong huyện kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi âm mưu lấn chiếm vùng tranh chấp, vùng giải phóng; giữ vững và phát triển thế tiến công, cùng với Đảng bộ, quân dân trong tỉnh phần khởi bước vào mùa khô 1974 - 1975 trong sự phát triển chung trên chiến trường.

Cuối tháng 12 - 1974, ngay sau khi giao 51 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 64 cho tỉnh thành lập đơn vị mới, tháng 01 - 1975, Huyện ủy chỉ đạo các làng, xã, vận

động thanh niên, du kích đưa lên xây dựng đơn vị lực lượng vũ trang tập trung của huyện. Chỉ trong hai tuần lễ, Đại đội 64 mới với 48 đồng chí đã được thành lập.

Tin chiến thắng Phước Long như tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng bước vào chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 với quyết tâm giải phóng quê hương.

Để kịp thời phối hợp với lực lượng bộ đội chủ lực Miền tham gia tiến công giải phóng Dầu Tiếng, từ cuối tháng 02 - 1975, Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng khẩn trương thực hiện hàng loạt công việc cấp bách. Huyện ủy chỉ đạo triển khai các mặt chuẩn bị về công tác hậu cần, kế hoạch sẵn sàng phối hợp tác chiến và tiếp quản sau giải phóng. Ban chỉ huy Huyện đội phân công cán bộ tác chiến trực tiếp chỉ đạo sử dụng lực lượng du kích xã Thanh An vây ép, bắn tỉa, pháo kích, bao bó thường xuyên đồn Suối Dứa, cầm chân đối phương không cho chúng bung ra lòng sục thăm dò công tác chuẩn bị của ta. Trước áp lực hoạt động của ta, cuối tháng 01 năm 1975, quân đội Sài Gòn tăng cường thêm 1 đại đội bảo an để giữ ấp Suối Dứa. Huyện ủy Dầu Tiếng triển khai công tác chuẩn bị và phối hợp với lực lượng trên sẵn sàng tham gia đợt hoạt động trong chiến dịch giải phóng Dầu Tiếng. Đồng thời, chủ trương huy động toàn bộ cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các cơ quan, đơn vị phía sau, cùng lực lượng quần chúng trong vùng giải phóng của huyện và lực lượng cán bộ Bắc Bến Cát hỗ trợ, tổ chức thành từng trung đội.

Sáng ngày 13 - 3 - 1975, các mũi tiến công của các đơn vị chủ lực Sư đoàn 9 tiếp tục tiến công mãnh liệt vào các vị trí còn lại của quân đội Sài Gòn trong Chi khu. 10 giờ sáng ngày 13 - 3 - 1975, lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc dinh quận trưởng quận Dầu Tiếng. Bộ máy chính quyền Sài Gòn ở Dầu Tiếng hoàn toàn tan rã [9, tr204].

Chi khu quân sự của Chính quyền Sài Gòn ở Dầu Tiếng bị đập nát, huyện Dầu Tiếng hoàn toàn giải phóng, ta đã chặt đứt một mắt xích quan trọng, vị trí xung yếu nhất trong tuyến phòng thủ trung gian của Chính quyền Sài Gòn ở phía Bắc – Tây Bắc Sài Gòn bị chọc thủng, trực tiếp uy hiếp mạnh căn cứ Sư đoàn 25 quân đội Sài Gòn ở Đồng Dù và tiểu khu Bình Dương. Ngay trong ngày 13 và những ngày tiếp theo, quân đội Sài Gòn sử dụng hàng chục đợt máy bay tới ném

bom vào Dầu Tiếng đồng thời sử dụng lực lượng Sư đoàn 25 xông ra phản kích hòng chiếm lại Dầu Tiếng. Song, mọi cố gắng trong thế tuyệt vọng của quân đội Sài Gòn đã hoàn toàn thất bại.

Sau khi giải phóng Dầu Tiếng, lực lượng vũ trang Dầu Tiếng tiếp tục nhiệm vụ của mình trong việc bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương. Đồng thời, tiếp tục cung cấp quân số cho lực lượng vũ trang của tỉnh, tích cực góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng tỉnh nhà, giải phóng hoàn toàn miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ giữa tháng 4 – 1975, huyện Dầu Tiếng và Bắc Bến Cát, tiếp tục động viên thanh niên tòng quân xây dựng lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và đưa lực lượng vũ trang của huyện về tỉnh thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi 3. Chỉ trong 3 ngày, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã điều động trên

60 du kích xã, áp kịp thời đưa về tỉnh. Đồng thời, Huyện đội tổ chức tuyển chọn du kích xã, áp có thành tích trong công tác, chiến đấu đưa về trường Quân chính của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh dự lớp đào tạo cán bộ áp đội, trung đội; 18 đồng chí học tập huấn luyện súng phòng không 12,8 ly nhằm tăng cường nguồn lực cho huyện Nam Bến Cát và cho tỉnh hoạt động tác chiến tiến tới giải phóng tỉnh nhà và giải phóng hoàn toàn miền Nam.

10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập bắt toàn bộ nội các Sài Gòn. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh

tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc tòa nhà Phủ Tổng thống, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Dầu Tiếng với những điều kiện tự nhiên, sông suối, thổ nhưỡng, khí hậu và giao thông thuận lợi, nơi đây có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự trên của ngõ Tây bắc Sài Gòn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Dầu Tiếng trở thành căn cứ kháng chiến của cách mạng, căn cứ xây dựng lực lượng, căn cứ hậu cần, căn cứ của các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy của Quân khu VII, khu Sài Gòn – Gia Định và nhiều đơn vị, địa phương. Dầu Tiếng còn là bàn đạp trong hoạt động tác chiến của bộ đội chủ lực.

Trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ, ác liệt, liên tục trụ vững trên địa bàn, lãnh đạo quân và dân trong huyện Dầu Tiếng anh dũng chiến đấu, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đẩy mạnh công tác dân vận, binh vận, tiến công đối phương về mọi mặt, làm thất bại nhiều âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trên chiến trường Dầu Tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tiến tới giải phóng huyện Dầu Tiếng, góp phần làm nên thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tình hình Dầu Tiếng cũng như trên chiến trường của tỉnh Thủ Dầu Một sau khi Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, cường độ chiến tranh tăng nhanh, mức độ ác liệt, bom đạn của Mỹ tăng gấp nhiều lần so với thời kỳ “Chiến tranh đặc biệt”, nhưng Đảng bộ, quân và dân Dầu Tiếng vẫn vững vàng trong thế tiến công đối phương. Trong chiến đấu gian khổ, ác liệt, hoạt động trên đường dây giao liên, liên lạc khó khăn, nhưng hệ thống lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện đến cấp Ủy Chi bộ các cơ quan, đơn vị, các xã vẫn không ngừng được củng cố, phát triển cả lực lượng lộ và lực lượng mật. Các ấp Ủy Chi bộ, cán bộ chủ trì đơn vị, cơ quan và các xã luôn phát huy tinh thần chủ động tiến công đối phương. Với phương châm Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội, du kích bám chặt đối phương, bám địa bàn, vận dụng linh hoạt ba mũi giáp công tấn công Mỹ và quân đội Sài Gòn với nhiều hình thức phong phú và sáng tạo, nhất là tạo thế và giữ thế hợp pháp, có lợi cho quần chúng trong đấu tranh chính trị. Nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên anh dũng chiến đấu lập chiến công xuất sắc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Để có được thắng lợi vẻ vang đó, có thể nói lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng đã góp phần quyết định trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện vì độc lập dân tộc, vì tự do, cơm áo và hòa bình.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Dầu Tiếng đã được xây dựng, huấn luyện, học tập và chiến đấu, từng bước củng cố và phát triển, đã tham gia chiến đấu hàng trăm trận lớn nhỏ, làm

tiêu hao rất nhiều sinh lực địch. Gần 20 năm gắn bó với chiến trường Dầu Tiếng, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Dầu Tiếng đã vượt qua bao gian khổ, hy sinh, mưa bom bão đạn, kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, lập nên những chiến công xuất sắc, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của Chính quyền Sài Gòn trên chiến trường; người này ngã xuống có người khác đứng lên, cán bộ, chiến sĩ kiên cường bám đất, bám dân, góp phần tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân đạt hiệu quả cao trong chiến đấu.

Thắng lợi trong hai năm 1974 - 1975, mà đỉnh cao là đợt hoạt động phối hợp chiến đấu đánh chiếm Chi khu, giải phóng thị trấn Dầu Tiếng của Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng là thắng lợi của sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy, Tỉnh ủy; sự cố gắng, nỗ lực với một quyết tâm cao nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của từng cấp Ủy, Chi, Đảng bộ. Thắng lợi trong chiến dịch tiến công giải phóng Dầu Tiếng là thắng lợi của quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động xây dựng phát triển thực lực cách mạng của Đảng bộ Dầu Tiếng; là sự vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công: hoạt động vũ trang, đấu tranh chính trị, đẩy mạnh công tác binh vận, phát động quần chúng nổi dậy đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần binh lính quân đội Sài Gòn làm cho họ càng thêm hoang mang, nhanh chóng suy sụp.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhất là trong chiến dịch mùa khô 1974 - 1975, Đảng bộ và nhân dân huyện Dầu Tiếng đã nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, đoàn kết chiến đấu, kết hợp chặt chẽ cả lực lượng phía trước và phía sau; đoàn kết, phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo, chỉ huy của lực lượng địa phương và lực lượng trên. Thắng lợi của chiến dịch tiến công giải phóng Dầu Tiếng là thắng lợi của tinh thần yêu nước, tinh thần đấu tranh bền bỉ, sự đóng góp hy sinh lớn lao sức người, sức của của toàn thể nhân dân trong huyện trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời cũng là thắng lợi của tinh thần đoàn kết, sự phối kết hợp chặt chẽ các lực lượng của địa phương với bộ đội chủ lực Miền và các đơn vị đứng chân trên địa bàn.

Huyện Dầu Tiếng được giải phóng, vùng giải phóng của tỉnh được mở rộng nối liền với các căn cứ của miền Đông, tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực cơ động triển khai các đơn vị binh khí kỹ thuật hiện đại và là bàn đạp cho các binh đoàn chủ lực tiến công các mục tiêu trọng yếu của đối phương ở Sài Gòn từ hướng Đông Bắc và Tây Bắc được thuận lợi.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện Đảng bộ, quân và dân huyện Dầu Tiếng đã anh dũng trải qua những tháng năm chiến đấu gian khổ, ác liệt, hy sinh, giành nhiều thắng lợi, góp phần vào thắng lợi chung trên chiến trường của tỉnh và cả nước trong mỗi giai đoạn, trong từng thời kì kháng chiến, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Tiểu kết chương 3

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, linh hoạt, kịp thời của Đảng bộ huyện Dầu Tiếng, lực lượng vũ trang cũng như nhân dân huyện Dầu Tiếng đã anh dũng bám trụ, bám đất, bám dân, bám làng; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các lực lượng của tỉnh và bộ đội chủ lực, từng bước đẩy lùi và đánh bại các kế hoạch bình định lấn chiếm của Mỹ và quân đội Sài Gòn, giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, tiến lên đánh chiếm, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng đối phương trên địa bàn, giải phóng huyện Dầu Tiếng, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ, ác liệt, nhưng vẫn trụ vững trên địa bàn, lãnh đạo quân và dân trong huyện Dầu Tiếng anh dũng chiến đấu, kết hợp nhuần nhuyễn và có hiệu quả giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đẩy mạnh công tác binh vận, tiến công đối phương về mọi mặt, làm thất bại nhiều âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trên chiến trường Dầu Tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tiến tới giải phóng huyện Dầu Tiếng, góp phần làm nên thắng lợi chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

KẾT LUẬN

Trải qua cuộc chiến tranh 20 năm ác liệt (1954 – 1975), những tổn thất, hy sinh, mất mát của Đảng, quân và dân huyện Dầu Tiếng cho thấy Dầu Tiếng là một chiến trường rất khốc liệt, bởi vì Dầu Tiếng nằm giữa Bình Dương và Tây Ninh. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Bình Dương là một địa bàn cách mạng rất sôi nổi với những trung tâm cách mạng nổi tiếng như: địa đạo tam giác sắt, chiến khu Đ có tầm đe dọa nguy hiểm ở cửa ngõ phía Tây Bắc Sài Gòn, còn huyện Dương Minh Châu (tỉnh Tây Ninh) là thủ phủ của Trung ương cục miền Nam. Trong cục diện đó, chính quyền Sài Gòn quyết tâm tiêu diệt cho được các lực lượng cách mạng chủ lực ở Bình Dương để trừ đi mối đe dọa ở cửa ngõ phía Tây Bắc Sài Gòn và tiêu diệt Trung ương cục miền Nam ở Dương Minh Châu sẽ dẹp yên được toàn bộ phong trào cách mạng ở miền Nam để bảo toàn tuyệt đối cho chính quyền Sài Gòn. Cho nên, chiến trường Dầu Tiếng trở nên rất khốc liệt.

Những chiến công oanh liệt của Đảng, quân và dân Dầu Tiếng đã chứng minh nghệ thuật lãnh đạo, chủ trương, đường lối tác chiến của Đảng là đúng đắn, quân và dân một lòng đoàn kết, sát cánh kề vai trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống Mỹ cứu nước, dù có hy sinh, gian khổ, mất mát bao nhiêu cũng không chùn bước trước kẻ thù xâm lăng và lực lượng tay sai phản bội dân tộc.

Từ thực tiễn sinh động lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương của Đảng bộ Dầu Tiếng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã để lại những bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu:

Một là, không ngừng giữ gìn phát huy bài học “lấy dân làm gốc”, xây dựng Đảng bộ vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong những năm 1954 - 1959; 1969 - 1971, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, nhiều cán bộ, đảng viên bị Chính quyền Sài Gòn bắt cầm tù và sát hại. Nhưng, chính vào những thời điểm khó khăn ấy, Đảng bộ Dầu Tiếng vẫn chủ trương đúng đắn: bám đất, bám làng, sống giữa lòng dân và dựa vào dân để tồn tại và phát triển. Từng cán bộ, đảng viên, từng cơ sở Đảng biết khơi dậy lòng yêu nước, tin Đảng của nhân dân,

sống chết cùng nhân dân và được nhân dân tin yêu, dùm bọc đã vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất của phong trào cách mạng ở địa phương để tồn tại, từng bước khôi phục, củng cố và phát triển, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng của huyện đến thắng lợi.

Hai là, phát huy truyền thống đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, anh dũng chịu đựng vượt mọi gian khổ, hy sinh, một lòng chiến đấu vì sự thắng lợi hoàn toàn của cách mạng.

Huyện Dầu Tiếng trong hai cuộc kháng chiến đã trải qua mấy lần tách, nhập rồi tái lập. Mỗi lần sáp nhập hoặc tách ra đều xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị đặt ra phải tổ chức lại chiến trường. Vì vậy, mỗi lần tách nhập ấy thường nảy sinh những vấn đề về công tác tổ chức phải lãnh đạo giải quyết. Nhưng nhờ có sự đoàn kết thống nhất ý chí và hành động, luôn luôn tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên, mà Đảng bộ Dầu Tiếng đã vượt qua được những khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh, lãnh đạo quân dân trong huyện thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của địa phương. Bài học về đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, vì lợi ích cách mạng, lợi ích của Đảng, của tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân lên trên hết là bài học cho sự phát triển và không ngừng lớn mạnh của Đảng bộ.

Ở một chiến trường mà địa bàn có ý nghĩa chiến lược vừa có căn cứ kháng chiến, vừa có vùng đối phương kiểm soát, là nơi diễn ra cuộc đối đầu quyết liệt giữa ta với đối phương trong suốt cuộc chiến tranh, có những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua bởi những tổn thất hy sinh quá lớn do đối phương

luôn tìm mọi thủ đoạn thâm độc nhất để hòng đánh bật Đảng ra khỏi quần chúng tiến tới tiêu diệt Đảng bộ, dập tắt phong trào cách mạng... Nhưng Đảng bộ vẫn tồn tại, vẫn hồi sinh, không ngừng lớn mạnh, phát triển và giữ vững vai trò lãnh đạo. Thực hiện được điều đó chính là vì trong mọi hoàn cảnh Đảng bộ luôn chủ động vận dụng xây dựng tổ chức phù hợp với điều kiện của từng địa bàn, tổ chức Chi bộ mật, Chi bộ lộ, đảng viên mật, hoạt động đơn tuyến sống giữa lòng dân, hoạt động ngay trong lòng đối phương... Đó chính là sức mạnh về chính trị, tư

tưởng và tổ chức; sức mạnh của niềm tin, của tinh thần đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, luôn luôn giữ gìn và phát huy vai trò lãnh đạo, động viên và phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân, của cả cộng đồng trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng bộ, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân.

Ba là, chăm lo giáo dục, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán của Đảng.

Trong thời kỳ khởi nghĩa đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như trong kháng chiến chống Mỹ, mặc dù hoàn cảnh rất khó khăn nhưng từ Huyện ủy đến từng cấp ủy Chi bộ Đảng qua các thời kỳ không ngừng chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên; tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên được học tập, rèn luyện qua thực tiễn trong cuộc vận động, tổ chức quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Có thể nói, trong 30 năm chiến tranh giải phóng, Đảng bộ Dầu Tiếng đã giáo dục, rèn luyện, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán có tinh thần chịu đựng vượt qua mọi gian khổ, ác liệt, hy sinh, kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, người trước ngã người sau tiến lên, sẵn sàng xả thân thực hiện nhiệm vụ được giao vì sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, dù hàng ngày, hàng giờ đối mặt với cái chết, đối mặt với bao âm mưu quỷ quyệt, khốc liệt của bom đạn, bộ máy kìm kẹp của địch gây ra. Bởi vì, Đảng bộ Dầu Tiếng có một đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán đã dám xả thân vì lợi ích của Đảng, của nhân dân, không màng danh lợi, không mảy may tính toán thiệt hơn.

Bốn là, phát huy vai trò mặt trận, các đoàn thể quần chúng, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Trong suốt đoạn đường 30 năm đấu tranh, Đảng bộ Dầu Tiếng luôn nắm vững và vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng và căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương đã có những chủ trương, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo trong từng giai đoạn, nhiệm vụ của cách mạng nên đã khơi nguồn làm thức dậy tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc của mỗi thành phần tín ngưỡng, tôn

giáo; của từng con người trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung: độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Đảng bộ Dầu Tiếng đã thường xuyên chăm lo giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng công nông tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm; đồng thời Đảng bộ còn kêu gọi mọi thành phần dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, hễ là người dân đất Việt, thật sự yêu nước thương nòi, mong muốn góp sức chung lòng trong cuộc chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc, đấu tranh cho sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, nối liền giang sơn... hãy cùng nhau chung lưng gánh vác. Đảng bộ, huyện Dầu Tiếng đã tạo mọi điều kiện khuyến khích cho mỗi người dân có cơ hội đóng góp sức mình vào sự nghiệp chung của cách mạng, của dân tộc. Đó là bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn Đảng bộ về công tác mặt trận, các đoàn thể quần chúng có vai trò to lớn trong việc tập hợp, phát huy sức mạnh vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong xã hội cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ qua mỗi thời kỳ cách mạng.

Có Đảng dẫn đường, công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Dầu Tiếng từ kiếp người lao động làm thuê, từ thân phận nô lệ, người dân mất nước, đã vùng đứng lên cùng nhân dân cả nước thực hiện cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đó là một dấu ấn không thể phai mờ trong tâm trí những người dân phu công tra - công nhân đồn điền cao su Michelin và nhân dân Dầu Tiếng. Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã biến họ từ kiếp người lao động làm thuê trở thành người công nhân làm chủ, biến thân phận nô lệ thành người dân tự do.

Từ Chi bộ đầu tiên ra đời trong cao trào cách mạng của quần chúng từ những năm 30 của thế kỷ XX, trải qua những năm tháng đấu tranh với những bước thăng trầm có lúc phải tạm lắng, nhưng sự lãnh đạo của Đảng đối với nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn từng bước phát triển về tổ chức, giữ vững và không ngừng phát huy vai trò lãnh đạo quân và dân Dầu Tiếng trong suốt 30 năm kháng chiến (1945 - 1975) chống Mỹ xâm lược.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất và đi lên Chủ nghĩa xã hội, nhất là từ sau khi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, Đảng bộ huyện Dầu Tiếng đã

không ngừng phát huy những truyền thống tốt đẹp của 30 năm trải qua bao gian khổ, hy sinh, bền gan chiến đấu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, đã và đang từng bước đẩy mạnh xây dựng quê hương Dầu Tiếng thoát khỏi nghèo đói, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xây dựng công bằng, dân chủ, văn minh như khát vọng của Bác Hồ khi còn sống.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Để có được thắng lợi vẻ vang đó, có thể nói sự lãnh đạo sáng suốt, linh hoạt, kịp thời của Đảng đã góp phần quyết định vào thắng lợi đó.

Dầu Tiếng với vị trí quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về mặt quân sự về phía Tây bắc của Sài Gòn. Đây chính là một địa bàn hết sức quan trọng của cả ta và Chính quyền Sài Gòn. Chính vì vậy, đây là một chiến trường ác liệt. Để có được chiến thắng sau cùng, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã nổi bật lên vai trò của Đảng bộ Dầu Tiếng trong lãnh đạo đấu tranh quân sự.

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ Dầu Tiếng đã được tiếp tục xây dựng, huấn luyện, học tập và chiến đấu, từng bước củng cố và phát triển, đã chỉ huy và tham gia đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, làm tiêu hao rất nhiều sinh lực Mỹ và quân đội Sài Gòn. Gần 20 năm gắn bó với chiến trường Dầu Tiếng, Đảng bộ Dầu Tiếng đã vượt qua bao gian khổ, hy sinh, mưa bom bão đạn, kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu, lập công xuất sắc, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của Chính quyền Sài Gòn trên chiến trường; người này ngã xuống thì có người khác đứng lên, cán bộ, chiến sĩ kiên cường bám trụ, bám dân, bám làng, góp phần tạo thế trận chiến tranh nhân dân đạt hiệu quả cao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Việc xây dựng lực lượng và hoạt động quân sự luôn là sự quan tâm đặc biệt của Đảng bộ Dầu Tiếng. Lực lượng vũ trang của huyện luôn phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang của tỉnh, của quân khu trong phối hợp hành động. Một thành công lớn trong nghệ thuật lãnh đạo quân sự của Đảng bộ là đã lãnh đạo kết hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân, hỗ trợ nhau cùng trưởng thành lớn mạnh, cả trong

xây dựng đơn vị, trong hoạt động, tác chiến. Tiêu diệt lực lượng đối phương luôn được kết hợp chặt chẽ với giành và giữ dân, giải phóng đất đai. Thế trận chiến tranh nhân dân hình thành vững mạnh cả ở rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Dầu Tiếng, quân và dân Dầu Tiếng đã lập nhiều chiến công hiển hách còn sống mãi trong ký ức nhân dân, được ghi vào lịch sử như những mốc son chói lọi. Tất cả những thành công đó chính là nhờ sự lãnh đạo của Đảng bộ đã nắm vững và sử dụng bạo lực quần chúng một cách có nghệ thuật, phát huy có hiệu quả những đặc điểm truyền thống về con người và vùng đất Bình Dương.

Điểm nổi bật trong nghệ thuật lãnh đạo quân sự của Đảng bộ Dầu Tiếng còn là sự nắm chắc các đặc điểm chiến trường, thường xuyên tổng kết để rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn. Chính việc nắm vững thực tiễn và hình thái chiến trường, thường xuyên tổng kết kinh nghiệm đã góp phần quan trọng tạo nên những chiến thắng trong lãnh đạo quân sự của đảng bộ Dầu Tiếng.

Nghiên cứu đề tài “*Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lãnh đạo đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)*”, luận văn rút ra được một số kết luận chủ yếu như sau:

Thứ nhất, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Đảng bộ Dầu Tiếng đã có một đường lối đấu tranh trên lĩnh vực quân sự hết sức đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh, với từng âm mưu của địch. Cụ thể:

Giai đoạn 1954 - 1965: Đảng bộ Dầu Tiếng sắp xếp lại tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ (1954 - 1956); tiếp đó Đảng bộ Dầu Tiếng đã tích cực chuẩn bị lực lượng, tham gia Đồng Khởi chuyển cách mạng sang thế tiến công địch (1957 - 1960); từ 1961 - 1965 Đảng bộ xây dựng phát triển thực lực cách mạng, kết hợp ba mũi giáp công chống phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn; đồng thời đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh chống phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Giai đoạn 1965 - 1973: trong giai đoạn này Đảng bộ Dầu Tiếng lãnh đạo quân dân đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, kiên cường chiến đấu, góp

phần bẻ gãy các cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ và chính quyền Sài Gòn 1965 – 1966 và mùa khô 1966 - 1967; Đảng bộ Dầu Tiếng đã lãnh đạo nhân dân tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, góp phần đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968); từ 1969 - 1973, Đảng bộ lãnh đạo kiên cường đánh phá các cuộc phản kích của đối phương, kết hợp ba mũi giáp công đánh phá kế hoạch bình định của đối phương, đồng thời phối hợp chiến trường tham gia cuộc tiến công chiến lược năm 1972 - mở rộng vùng giải phóng.

Giai đoạn 1973 - 1975: Đảng bộ Dầu Tiếng lãnh đạo xây dựng, củng cố bảo vệ vùng giải phóng, kết hợp ba mũi giáp công kiên quyết đấu tranh buộc Mỹ và Chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari; trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Đảng bộ Dầu Tiếng đã xây dựng và phát triển lực lượng, tiến công và nổi dậy giải phóng huyện Dầu Tiếng, góp phần giải phóng toàn tỉnh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ hai, Đảng bộ tránh được chủ quan, duy ý chí, luôn bám sát chiến trường, tận dụng tốt kinh nghiệm và ý kiến của đảng viên cơ sở và các tầng lớp nhân dân, thông cảm với nỗi khổ của quần chúng ngay cả với những gia đình có con em đứng trong hàng ngũ đối phương. Luôn nắm chắc diễn biến tình hình, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, từ đó định ra được chương trình hành động, đề ra kế hoạch hoạt động, tác chiến phù hợp, từng bước hoàn thành nhiệm vụ cách mạng mà Trung ương, Xứ ủy và tỉnh giao phó.

Thứ ba, Đảng bộ Dầu Tiếng luôn nắm vững quan điểm bạo lực vũ trang và tư tưởng cách mạng liên tục tiến công, tiến công bất cứ kẻ thù nào, trong tình huống nào, hoàn cảnh nào cũng lấy tư tưởng tiến công làm chủ đạo.

Nói tóm lại, sự trưởng thành về nghệ thuật lãnh đạo quân sự đó đã giúp cho Đảng bộ Dầu Tiếng vững vàng lãnh đạo quân và dân Dầu Tiếng giành nhiều thắng lợi về mặt quân sự, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng cả nước. Những kinh nghiệm được đúc rút trong lãnh đạo quân sự của Đảng bộ Dầu Tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến nay vẫn còn giá trị ý nghĩa thiết thực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

hiện nay. Với thể mạnh mọi mặt của một địa bàn chiến lược, với những bài học quý giá học tập từ thực tiễn chiến tranh cách mạng, Đảng bộ và quân dân huyện Dầu Tiếng hiện nay quyết tâm giữ vững và phát huy các truyền thống cách mạng quý báu của mình, xây dựng quê hương Dầu Tiếng ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng tỉnh Bình Dương và nhân dân cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa giàu đẹp, vững mạnh.

Qua nghiên cứu về cuộc đấu tranh vũ trang của quân – dân Dầu Tiếng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Dầu Tiếng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), tác giả luận văn có một số kiến nghị đề xuất sau đây:

Một là, tập trung công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, hợp lòng dân, thức thời, nhạy bén, linh hoạt trong mọi tình huống, mọi thời đại, luôn kiên định, giữ vững lập trường, tư tưởng chính trị trước mọi âm mưu của các thế lực chống phá cách mạng. Luôn luôn quan tâm, chăm lo cho đời sống của nhân dân, làm đúng như lời của Bác Hồ khi còn sống đã từng dạy: Đảng là đày tớ của nhân dân, phải tạo được lòng tin tuyệt đối từ nhân dân, vì có an dân mới lạc nước.

Hai là, tăng cường công tác xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân du kích, tự vệ, thường xuyên học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, vì nền độc lập thiêng liêng của dân tộc, vì nền tự do, dân chủ quý báu của toàn dân.

Ba là, Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân huyện Dầu Tiếng nói riêng, cả nước nói chung luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, cùng nhau chung tay, góp sức xây dựng Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa ngày càng giàu đẹp, có thể sánh vai với các cường quốc năm châu, góp phần xây dựng một đất nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Dầu Tiếng (2006), *Lịch sử Đảng bộ huyện Dầu Tiếng (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Dầu Tiếng (2011), *Lịch sử Đảng bộ huyện Dầu Tiếng (1975 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia.
3. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Dương Minh Châu (2015), *Lịch sử lực lượng vũ trang huyện Dương Minh Châu (1951 – 2015)*, Đảng ủy – Ban chỉ huy quân sự huyện Dương Minh Châu.
4. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Bến Cát (2010), *Lịch sử Đảng bộ huyện Bến Cát (1945 – 1975)*, Nxb tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930 – 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia.
6. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2011), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1975 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật.
7. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (1959), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa II (tháng 1 – 1959) và đường lối cách mạng Việt Nam*.
8. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ III từ 5 đến 10 – 9 – 1960*.
9. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương - Ban chỉ huy quân sự huyện Dầu Tiếng (2016), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Dầu Tiếng (1945 – 2015)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
10. Đảng bộ huyện Dầu Tiếng – tỉnh Bình Dương - Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Dầu Tiếng (2010), *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân thị trấn Dầu Tiếng (1945 – 2015)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20 (1959), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 35, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng ủy – Bộ tư lệnh Quân khu 7 (2001), *Lịch sử Miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia.

18. Đảng ủy Quân sự tỉnh Đồng Nai (2015), *Lịch sử trung đoàn bộ binh 16 (1945 – 1975)*, Nxb Đồng Nai.

19. Đảng ủy quân sự trung ương - Đảng bộ Quân khu 7 (2010), *Lịch sử Đảng bộ quân khu 7 (1945 – 2005)*, Nxb Quân đội nhân dân.

20. Hồ Chí Minh toàn tập (2000), tập 11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

21. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến tập 1 (1945 – 1954)*, Nxb Chính trị quốc gia.

22. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 2 (1954 – 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia.

23. Lê Mậu Hãn và cs. (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập III*, Nxb

24. *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Minh Thạnh (1945 – 2005)*, Nxb

25. *Lịch sử ngành quân giới tỉnh Bình Dương (1945 – 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2005.

26. *Lịch sử tiểu đoàn 303 tỉnh Thủ Biên*, Nxb Tổng hợp Sông Bé, 1990.

27. *Lịch sử truyền thống Đảng bộ và nhân dân xã Định Hiệp (1945 – 2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, 2009.

28. Quân khu 7 - Đảng ủy – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương (2010),
Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương (1945 – 2005), Nxb Tổng
hợp thành phố Hồ Chí Minh.

29. Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cao su Dầu Tiếng (2011), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng (1917 – 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia.

30. Tiểu đoàn Phú Lợi – Những năm tháng chiến đấu oanh liệt và chiến thắng vẻ vang, Nxb Tổng hợp Sông Bé, 1990.

31. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), tập IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Viện sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam (1954 – 1965), tập 12*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

33. Viện sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam (1965 – 1975), tập 13*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC



Hình 1. Di tích lịch sử rừng Kiến An – xã An Lập.

Nguồn: dulichbinhduong.org.vn, cập nhật ngày 1 – 8 – 2019



Hình 2. Khu di tích lịch sử rừng Kiến An – xã An Lập

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 29 – 7 – 2019



Hình 3. Đền bia tưởng niệm thanh niên xung phong xã Thanh An.

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 27 – 7 – 2019



Hình 4. Cổng Bia tưởng niệm và đền thanh niên xung phong xã Thanh
An. *Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 27 – 7 - 2019*



Hình 5. Bia chiến thắng B52 xã Thanh An.

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 27 – 7 – 2019



Hình 6. Bia chiến thắng B52 xã Thanh An.

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 27 – 7 – 2019



Hình 7. Bia tưởng niệm liệt sĩ xã Thanh Tuyền.

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 28 – 7 – 2019



Hình 8. Bia kỷ niệm chiến dịch Lê Hồng Phong – xã Thanh Tuyền.

Nguồn: Tác giả luận văn, chụp ngày 28 – 7 – 2019



Hình 9. Bia di tích B52 lần đầu tiên Mỹ ném bom ở huyện Dầu Tiếng (xã Long Tân)

Nguồn: hanoimoi.com.vn, truy cập ngày 01 – 8 – 2019



Hình 10. Tượng đài chiến thắng Dầu Tiếng.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Nguồn: tuoitrebinhduong.vn, truy cập ngày 01 – 8 – 2019



Hình 11. Chiều ngày 20/10/2019, Đoàn Thanh niên Công an huyện tổ chức đến thăm và tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Phan Thị Trễ và Mẹ Nguyễn Thị Ngâu cùng ngụ tại ấp Cà Tong, xã Thanh An.

Nguồn: <http://dautieng.binhduong.gov.vn>, truy cập ngày 01 – 8 – 2019



Hình 12. Các bạn Đoàn viên chi đoàn Điện lực Dầu Tiếng thực hiện

trao quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Phùng Thị Lên

Nguồn: <http://pcbinhduong.evnspace.vn>, truy cập ngày 01 – 8 – 2019



Hình 13. Liên đội THCS Nguyễn Bình Khiêm (huyện Dầu Tiếng):

Viếng và làm vệ sinh Nghĩa trang liệt sĩ huyện

Nguồn: <http://baobinhduong.vn/>, truy cập ngày 01 – 8 – 2019



Hình 14. Tổ Công đoàn Chi cục Quản lý Đất đai, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Ban Chấp hành Chi đoàn 5, Chi đoàn 3 tổ chức thăm hỏi mẹ Việt Nam anh hùng Trần Thị Khang, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguồn: <http://dautieng.binhduong.gov.vn> truy cập ngày 01 – 8 – 2019